MỤC LỤC

1. ĐƠN ĐĂNG KÝ THAM GIA
2. BÁO GIÁ & PHƯƠNG ÁN TÀI CHÍNH
3. HỒ SƠ PHÁP LÝ
3.1. ĐĂNG KÝ KINH DOANH
3.2. GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG
3.3. GIẤY CHỨNG NHẬN DOANH NGHIỆP KHCN
3.4. CĂN CƯỚC CÔNG DÂN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN
4. HỒ SƠ NĂNG LỰC
4.1. NĂNG LỰC TÀI CHÍNH
4.2. HỒ SƠ GIÁO VIÊN GIẢNG DẠY
4.3. DANH SÁCH ĐỐI TÁC
5. PHƯƠNG ÁN KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY
5.1. THUYẾT MINH & CAM KẾT
5.2. CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ THAM DỰ LỰA CHỌN ĐỐI TÁC LIÊN KẾT THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY STEM

Kính gửi: Hội đồng thẩm định lựa chọn đối tác
của trường Trung học cơ sở Tân Thông Hội

Căn cứ Thông báo tiêu chí lựa chọn đối tác liên kết giảng dạy chương trình nhà trường cho học sinh theo chức năng, nhiệm vụ được giao năm học 2025 – 2026, chúng tôi xin đăng ký tham gia với thông tin như sau:

1. Thông tin đơn vị

- Tên đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC QUỐC TẾ GAIA
- Trụ sở: 41C Lê Đình Thám, Phường Tân Sơn Nhì, TP. Hồ Chí Minh
- VP đại diện: Số 03 Nguyễn Thế Lộc, Phường Bảy Hiền, TP. Hồ Chí Minh
- Người đại diện pháp luật: Hà Huy Giáp
- Chức vụ: Tổng Giám Đốc
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở KH&ĐT TP.HCM cấp – Mã số doanh nghiệp: 0313730269

2. Thông tin cá nhân đại diện

- Họ và tên: HÀ HUY GIÁP
- Năm sinh: 1980 - CCCD số: 001080030891 – Cấp ngày 10/03/2021 tại Cục CSQLHC về TTXH
- Địa chỉ thường trú: Tổ 1, Cụm 5, Khương Đình, Hà Nội
- Điện thoại: 0938 180 182

3. Giá tham dự

- **Mức thu học phí bằng số**: 90.000 VNĐ/học sinh/tháng (4 tiết).
- **Bằng chữ:** Chín mươi nghìn đồng/học sinh/tháng (4 tiết).

4. Cam kết

- Cung cấp đầy đủ hồ sơ pháp lý, năng lực tài chính, kinh nghiệm theo quy định.
- Thực hiện đúng nội dung, chương trình, phương pháp giảng dạy đã được phê duyệt.

- Tuân thủ các quy định của pháp luật và quy định của nhà trường trong suốt quá trình liên kết.

5. Danh mục hồ sơ kèm theo (đính kèm)

Nay tôi đăng ký xin tham dự lựa chọn đối tác liên kết thực hiện chương trình giảng dạyhoạt động giáo dục kỹ năng sống tại nhà trường. Tôi xin nghiêm chỉnh chấp hành các thủ tục lựa chọn đối tác của Hội đồng thẩm định.

Xin trân trọng cảm ơn!

Quý Nhà trường

xác nhận: Đã nhận hồ sơ vào lúc … giờ …
Ngày …/…/2025, tại phòng Tài vụ
Người nhận

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ ĐĂNG KÝ
TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 0313730269 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC QUỐC TẾ GAIA
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

HÀ HUY GIÁP

2. BÁO GIÁ & PHƯƠNG ÁN TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC QUỐC TẾ GAIA
Địa chỉ: 41C, Lê Đình Thám, Phường Tân Sơn Nhì, TP HCM
Điện thoại: (028) 3997 3998, Email: www.gaia.edu.vn

BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi: Ban giám hiệu Quý Nhà trường,

Trước tiên, Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục Quốc Tế GAIA xin chân thành cảm ơn Qúy Nhà Trường đã quan tâm đến Chương trình giáo dục STEM của Công ty chúng tôi. Nhằm mong muốn hợp tác với Quý Nhà trường trong việc giảng dạy môn học chương trình giáo dục STEM trong năm học 2025-2026, Công ty GAIA xin gửi bảng báo giá kinh phí triển khai như sau:

1. **Kinh phí triển khai chương trình năm học:**

Chương trình	**Tổng thu/hs/tháng (giá đã bao gồm học cụ/học liệu STEM)**
Chương trình trực tiếp	90.000 đồng/học sinh/tháng

2. **Thời lượng triển khai chương trình năm học:**
   - Thời lượng giảng dạy : 35 phút/tiết bậc TH; 45 phút/tiết bậc THCS
   - Số tiết dạy học : 4 tiết/tháng, xuyên suốt năm học 2025-2026

Ghi chú: Báo giá đã bao gồm VAT
- Thời gian hiệu lực: Báo giá có giá trị từ ngày ký và áp dụng cho năm học 2025-2026
- Mọi chi tiết xin vui lòng liên hệ:
- Điện thoại: (028) 3997 3998.

Trân trọng cảm ơn!

TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 0313730269 - C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC QUỐC TẾ GAIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

HÀ HUY GIÁP

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC QUỐC TẾ GAIA	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 06/PA-GAIA	*TP.HCM, ngày 25 tháng 8 năm 2025*

PHƯƠNG ÁN LIÊN DOANH, LIÊN KẾT TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC STEM TRONG NHÀ TRƯỜNG NĂM HỌC 2025-2026

(Kèm theo phương án tài chính)

I. Thông tin chung

1. Tên đơn vị : CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC QUỐC TẾ GAIA
   Trụ sở : Số 41C Đường Lê Đình Thám, Phường Tân Sơn Nhì, TP Hồ Chí Minh
   Mã số thuế: 0313730269 - Điện thoại: 028 3997 3998
   Người đại diện: Ông Hà Huy Giáp - Chức vụ: Tổng Giám Đốc
2. Đối tác liên doanh, liên kết: Trường THCS Tân Thông Hội
   Địa chỉ: 28 Ấp Hậu, Xã Củ Chi, TP.HCM
   Mã số thuế: 0306791260
3. Mục tiêu liên doanh, liên kết: Thực hiện tổ chức hoạt động giáo dục STEM trong nhà trường
4. Thời hạn thực hiện: năm học 2025 – 2026
5. Địa điểm triển khai: Trường THCS Tân Thông Hội

II. Mục đích sử dụng tài sản công

1. Tài sản công tham gia: Cơ sở vật chất của nhà trường (phòng học; trang thiết bị dạy học: bàn, ghế, bảng; hệ thống điện; internet; sân bãi, khuôn viên phục vụ hoạt động bổ trợ (nếu cần).
2. Lý do lựa chọn: Tài sản công sẵn có của nhà trường, được đầu tư bằng nguồn ngân sách nhà nước, đảm bảo điều kiện cần thiết và phù hợp để tổ chức dạy học ngoài giờ chính khóa theo đúng quy định pháp luật.
3. Đánh giá hiệu quả: Việc liên kết đảm bảo khai thác, sử dụng tài sản công đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả; đồng thời tạo thêm nguồn thu hợp pháp cho đơn vị và mang lại lợi ích thiết thực cho học sinh.
4. Tài sản phía công ty GAIA tham gia: Thiết bị, đồ dùng giảng dạy; giáo trình, tài liệu chuyên môn; đội ngũ giảng viên, nhân sự quản lý; phần mềm và công nghệ quản lý

phục vụ chương trình.

5. Tổ chức thực hiện: Công ty GAIA chịu trách nhiệm triển khai và vận hành chuyên môn chương trình; nhà trường phối hợp trong công tác quản lý, giám sát theo quy định.

III. Phương án tài chính và hiệu quả

1. Nguồn vốn và phương án huy động:

- Vốn huy động từ khoản đóng học phí của học sinh tham gia chương trình; không sử dụng vốn ngân sách nhà nước.

2. Dự toán doanh thu, chi phí, lợi nhuận:

- Mức thu chương trình: **90.000 đồng/học sinh/tháng (4 tiết).** Trên cơ sở thỏa thuận, thống nhất với phụ huynh học sinh theo quy định hiện hành.
- Mức thu trên bao gồm:
  - Học phí chương trình: **60.000 đồng/học sinh/tháng**.
  - Phần mềm và học cụ Stem GAIA: **30.000 đồng/học sinh/tháng**.

2.1 Doanh thu dự kiến:

- **Doanh thu được xác định trên cơ sở số lượng học sinh đăng ký tham gia chương trình thực tế:**

  ➔ ***Doanh thu/tháng = Sĩ số học sinh tham gia STEM/tháng/4 tiết * 90.000 đồng.***

- **Tài trợ, tài chính khác:** Học sinh thuộc đối tượng con giáo viên và học sinh hoàn cảnh khó khăn (trong diện chính sách của trường được địa phương xác nhận) được miễn giảm tiền học phí:
  + Trong trường hợp Trường tổ chức học đại trà toàn trường, số học sinh được miễn giảm học phí không quá 5%/Số học sinh đóng tiền học – dành cho học sinh là con giáo viên và học sinh có hoàn cảnh khó khăn.
  + Trong trường hợp Trường không tổ chức học đại trà toàn trường, số học được miễn giảm học phí không quá 1%/Số học sinh đóng tiền học – dành cho học sinh là con giáo viên.

2.2 Nguyên tắc quản lý và phân chia nguồn thu:

Khoản thu học phí được quản lý, hạch toán theo đúng quy định của pháp luật về tài chính – kế toán và theo hợp đồng liên kết giữa các bên.

*** Phân chia nguồn thu như sau:**

- Nhà trường được hưởng 6.000 đồng/học sinh/tháng cho chi phí cơ sở vật chất và hoạt

động quản lý. **Thuế thu nhập doanh nghiệp (2%): 1.800 đồng/học sinh/tháng.**

- Tổng cộng: 7.800 đồng/học sinh/tháng.

- Công ty: Được hưởng số còn lại sau khi trích phần của nhà trường nêu trên.

2.3 Xuất hóa đơn tài chính:

- Nhà trường thực hiện thu học phí và xuất hóa đơn tài chính cho phụ huynh học sinh theo quy định.
- Công ty thực hiện xuất hóa đơn tài chính cho Nhà trường đối với phần doanh thu được hưởng theo tỷ lệ phân chia nêu trên.

3. Rủi ro và cam kết tài chính:

- Đơn vị sự nghiệp công lập (Nhà trường) **không chịu rủi ro thua lỗ trong trường hợp số thu thấp hơn chi phí.**
- Các bên cam kết công khai, minh bạch trong việc quản lý, sử dụng và quyết toán nguồn thu, chi.
- Việc thu – chi phải công khai đến phụ huynh học sinh, đảm bảo quyền lợi của học sinh, tuân thủ đúng quy định của pháp luật hiện hành.
- Các bên chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu tài chính và báo cáo quyết toán theo đúng quy định.

IV. Phương án xử lý tài sản sau khi kết thúc thời hạn liên kết

- Tài sản công được sử dụng để triển khai liên kết (nếu có) vẫn thuộc quyền sở hữu của Nhà nước/đơn vị sự nghiệp công lập (nhà rường).
- Các tài sản do bên công ty đầu tư, mua sắm bằng nguồn vốn hợp pháp của công ty sẽ được xử lý theo hợp đồng liên kết và theo quy định pháp luật.
- Phương thức bàn giao, chuyển giao:

  + Trường hợp tài sản hình thành từ vốn đầu tư của công ty gắn liền với tài sản công, sau khi kết thúc thời hạn liên kết, Bên công ty có trách nhiệm bàn giao lại nguyên trạng hoặc theo giá trị còn lại đã được các bên thỏa thuận và xác định theo quy định pháp luật.

  + Trường hợp tài sản không còn nhu cầu sử dụng, việc xử lý thực hiện theo quy định về quản lý, sử dụng và xử lý tài sản công.
- Việc đánh giá giá trị tài sản còn lại (nếu có) được thực hiện bởi cơ quan/tổ chức có chức năng thẩm định giá theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

- Các vấn đề phát sinh liên quan đến tài sản sau khi kết thúc thời hạn liên kết được giải quyết theo thỏa thuận trong hợp đồng và theo quy định của pháp luật hiện hành.

V. Trách nhiệm của các bên

- Nhà trường: Quản lý, giám sát việc triển khai theo hợp đồng và pháp luật. Hỗ trợ, bố trí cơ sở vật chất đúng quy định về tài sản công. Công khai, minh bạch thu chi liên quan đến phụ huynh, học sinh.
- Công ty GAIA: Tổ chức giảng dạy, quản lý chương trình, đảm bảo chất lượng; cung cấp giáo viên, học liệu, phương tiện cần thiết; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính và đảm bảo quyền lợi học sinh.
- Cả hai bên: Cam kết minh bạch tài chính, phối hợp giải quyết tranh chấp (nếu có) theo quy định pháp luật và vì mục tiêu phát triển giáo dục.

VI. Các nội dung khác

- Bảo mật thông tin hợp đồng.
- Tuân thủ đầy đủ quy định pháp luật có liên quan.
- Thực hiện chế độ báo cáo, kiểm toán và giám sát định kỳ theo thỏa thuận và quy định hiện hành.

VII. Căn cứ pháp lý

- Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01/07/2025 của Chính phủ;
- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017;
- Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ;
- Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15/9/2024 của Chính phủ;
- Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính;
- Thông tư số 11/2025/TT-BTC ngày 19/3/2025 của Bộ Tài chính.

Nơi nhận:
- Sở Giáo dục và Đào tạo TP.HCM(báo cáo);
- UBND Xã Củ Chi.;
- Trường THCS Tân Thông Hội (phối hợp thực hiện);
- Lưu: VT, …

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 0313730269 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC QUỐC TẾ GAIA
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Hà Huy Giáp

3. HỒ SƠ PHÁP LÝ

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN

Mã số doanh nghiệp: 0313730269

Đăng ký lần đầu: ngày 31 tháng 03 năm 2016

Đăng ký thay đổi lần thứ: 5, ngày 19 tháng 07 năm 2022

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC QUỐC TẾ GAIA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: GAIA INTERNATIONAL EDUCATION DEVELOPMENT CORPORATION

Tên công ty viết tắt: GAIA CORP

2. Địa chỉ trụ sở chính

Số 41C Đường Lê Đình Thám, Phường Tân Quý, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: *0937274354* Fax:

Email: Website:

3. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ: 4.900.000.000 đồng.

Bằng chữ: Bốn tỷ chín trăm triệu đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 490.000

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: HÀ HUY GIÁP Giới tính: *Nam*

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: *12/12/1980* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *001080030891*

Ngày cấp: *10/03/2021* Nơi cấp: *Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Tổ 1, cụm 5, Phường Khương Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Tổ 1, cụm 5, Phường Khương Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

TRƯỞNG PHÒNG

Phó Trưởng Phòng

PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

Hồ Hoành Sơn

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN

Mã số văn phòng đại diện: 0313730269-001

Đăng ký lần đầu, ngày 11 tháng 04 năm 2016

Đăng ký thay đổi lần thứ: 4, ngày 29 tháng 11 năm 2023

1. Tên văn phòng đại diện:

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC QUỐC TẾ GAIA

Tên văn phòng đại diện viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên văn phòng đại diện viết tắt:

2. Địa chỉ:

Số 3 Nguyễn Thế Lộc, Phường 12, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: *0985828182* Fax:

Email: Website:

3. Thông tin về người đứng đầu

Họ và tên: HÀ HUY GIÁP Giới tính: *Nam*

Sinh ngày: *12/12/1980* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *001080030891*

Ngày cấp: *10/03/2021* Nơi cấp: *Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Tổ 1 Cụm 5, Phường Khương Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Tổ 1 Cụm 5, Phường Khương Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

4. Hoạt động theo ủy quyền của doanh nghiệp

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC QUỐC TẾ GAIA

Mã số doanh nghiệp: 0313730269

Địa chỉ trụ sở chính: Số 41C Đường Lê Đình Thám, Phường Tân Quý, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

TRƯỞNG PHÒNG

PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

Hồ Hoành Sơn

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
VIỆN KHOA HỌC GIÁO DỤC VIỆT NAM
TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC PHỔ THÔNG QUỐC GIA

CHỨNG NHẬN KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH

Trung tâm Phát triển bền vững chất lượng giáo dục phổ thông Quốc gia
Chứng nhận:

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC STEAM GAIA
(Dành cho cấp Trung học cơ sở)
Đơn vị thực hiện: Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục Quốc tế GAIA

Được trình bày trong văn bản "Chương trình giáo dục STEM GAIA (Dành cho cấp Trung học cơ sở)" của Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục Quốc tế GAIA

Đã được Hội đồng thẩm định, thành lập theo Quyết định số 05/QĐ-TTGDPTQG ngày 25 tháng 03 năm 2024 của Giám đốc Trung tâm

Đánh giá: đạt tiêu chuẩn chất lượng theo tiêu chí đánh giá của Trung tâm và phù hợp với Chương trình giáo dục phổ thông 2018 để triển khai tại các cơ sở giáo dục.

Hà Nội, ngày 22 tháng 08 năm 2024
GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC PHỔ THÔNG QUỐC GIA

GS. TS. Lê Anh Vinh

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

VIỆN NGHIÊN CỨU GIÁO DỤC

GIẤY THẨM ĐỊNH

CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC

VIỆN NGHIÊN CỨU GIÁO DỤC
Chứng nhận:

Chương trình Giáo dục STEM dành cho cấp Trung học cơ sở và Kế hoạch bài dạy theo chương trình

Đơn vị biên soạn:
Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục Quốc tế GAIA

ĐÁP ỨNG YÊU CẦU THẨM ĐỊNH
THEO TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

TP.HCM, ngày 16 tháng 05 năm 2024

VIỆN TRƯỞNG

VIỆN NGHIÊN CỨU GIÁO DỤC

TS. CAO ANH TUẤN

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH **SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 365 /QĐ-SGDĐT	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 02 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp phép hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 34/2023/QĐ-UBND ngày 16 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 04/2014/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 02 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa;

Căn cứ Quyết định số 873/QĐ-SGDĐT ngày 14 tháng 4 năm 2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về cấp phép hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa đối với Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục Quốc tế GAIA;

Căn cứ Quyết định số 1401/QĐ-SGDĐT ngày 02 tháng 6 năm 2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về việc điều chỉnh giáo trình, tài liệu giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa đối với Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục Quốc tế GAIA;

Căn cứ Quyết định số 1612/QĐ-SGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về việc bổ sung giáo trình, tài liệu giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa đối với Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục Quốc tế GAIA;

Theo đề nghị của Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục Quốc tế GAIA và Trưởng phòng Tổ chức cán bộ Sở Giáo dục và Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa đối với Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục Quốc tế GAIA.

1. Địa điểm hoạt động giáo dục: Số 3 Nguyễn Thế Lộc, Phường 12, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Giáo trình, tài liệu giảng dạy:

"Bài tập rèn luyện kĩ năng sống dành cho học sinh từ lớp 1 đến lớp 5", Lưu Thu Thủy (Chủ biên); "Hoạt động trải nghiệm với STEAM dành cho học sinh từ lớp 1 đến lớp 5", Huỳnh Ngọc Thanh (Chủ biên), Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, dành cho người học từ 6-11 tuổi;

"Thực hành kĩ năng sống từ lớp 6 đến lớp 12", PGS. TS Huỳnh Văn Sơn (Chủ biên), Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, dành cho người học từ 12-18 tuổi.

Điều 2. Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục Quốc tế GAIA có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo Điều 15 và Điều 16 Quy định quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa ban hành kèm theo Thông tư số 04/2014/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 02 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Quyết định này thay thế Quyết định số 873/QĐ-SGDĐT ngày 14 tháng 4 năm 2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về cấp phép hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa đối với Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục Quốc tế GAIA; Quyết định số 1401/QĐ-SGDĐT ngày 02 tháng 6 năm 2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về việc điều chỉnh giáo trình, tài liệu giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa đối với Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục Quốc tế GAIA và Quyết định số 1612/QĐ-SGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về việc bổ sung giáo trình, tài liệu giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa đối với Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục Quốc tế GAIA.

Điều 4. Chánh Văn phòng, Trưởng phòng Tổ chức cán bộ, Trưởng phòng Chính trị, tư tưởng, Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Trưởng phòng Quản lý cơ sở giáo dục ngoài công lập, Trưởng phòng Giáo dục Tiểu học, Trưởng phòng Giáo dục Trung học thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, Thủ trưởng cơ quan có liên quan và Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục Quốc tế GAIA chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- UBND quận Tân Bình;
- Phòng GD&ĐT quận Tân Bình;
- Lưu: VT, TCCB (HS).

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Văn Hiếu

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH **SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1824 /QĐ-SGDĐT	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 6 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc bổ sung giáo trình, tài liệu giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 34/2023/QĐ-UBND ngày 16 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 04/2014/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 02 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa;

Quyết định số 365/QĐ-SGDĐT ngày 06 tháng 02 năm 2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo về cấp phép hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa đối với Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục Quốc tế GAIA;

Theo đề nghị của Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục Quốc tế GAIA và Trưởng phòng Tổ chức cán bộ Sở Giáo dục và Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung giáo trình, tài liệu giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa đối với Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục Quốc tế GAIA, địa chỉ Số 3 Nguyễn Thế Lộc, Phường 12, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Giáo trình, tài liệu giảng dạy:

"Hướng dẫn kĩ năng sử dụng mạng an toàn từ lớp 1 đến lớp 5", Trần Thành Nam (Chủ biên), Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, dành cho người học từ 6 - 11 tuổi.

"Chương trình giáo dục STEM dành cho cấp Trung học cơ sở và Kế hoạch bài dạy theo chương trình" do Viện Nghiên cứu giáo dục Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận ngày 16 tháng 5 năm 2024 đáp ứng yêu cầu thẩm định theo tiêu chí đánh giá của Hội đồng thẩm định theo Quyết định số 28/QĐ-VNCGD ngày 11 tháng 4 năm 2024 về việc thành lập Hội đồng thẩm định chất lượng chương trình giáo dục, dành cho người học từ 12 - 15 tuổi.

Điều 2: Các nội dung khác vẫn giữ nguyên theo Quyết định số 365/QĐ-SGDĐT ngày 06 tháng 02 năm 2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng phòng Tổ chức cán bộ, Trưởng phòng Chính trị, tư tưởng, Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Trưởng phòng Quản lý cơ sở giáo dục ngoài công lập, Trưởng phòng Giáo dục Tiểu học, Trưởng phòng Giáo dục Trung học thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, Thủ trưởng cơ quan có liên quan và Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục Quốc tế GAIA chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- UBND quận Tân Bình;
- Phòng GD&ĐT quận Tân Bình;
- Lưu: VT, TCCB (HS).

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Văn Hiếu

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Số: 5352/SGDĐT-GDTH

Về thông báo kết quả đánh giá chất lượng tài liệu chương trình Hoạt động trải nghiệm với STEM GAIA của công ty CP Phát triển Giáo dục Quốc tế GAIA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 9 năm 2023

Kính gửi: Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục Quốc tế GAIA.

Căn cứ Nghị định số 24/2021/NĐ-CP ngày 23/3/2021 của Chính phủ nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam Quy định việc quản lý trong cơ sở giáo dục mầm non và cơ sở giáo dục phổ thông công lập;

Căn cứ Thông tư 21/2014/TT-BGDĐT ngày 07/7/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về quản lí và sử dụng xuất bản phẩm tham khảo trong các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên;

Căn cứ Thông tư 04/2014/TT-BGDĐT ngày 28/02/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa;

Căn cứ Quyết định số 2503/QĐ-SGDĐT ngày 17/8/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về việc thành lập các Tổ mạng lưới đánh giá chất lượng tài liệu, học liệu, phần mềm và xuất bản phẩm tham khảo dùng trong các cơ sở giáo dục tiểu học;

Căn cứ kết quả làm việc của Tổ mạng lưới đánh giá chất lượng tài liệu, học liệu, phần mềm và xuất bản phẩm tham khảo dùng trong các cơ sở giáo dục tiểu học.

Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến như sau:

- Bộ tài liệu Chương trình Hoạt động trải nghiệm với STEM GAIA của Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục Quốc tế GAIA đã được nghiên cứu đánh giá và được kết luận là Đạt chất lượng sử dụng trong nhà trường phổ thông;

- Việc lựa chọn xuất bản phẩm và tài liệu tham khảo trong các cơ sở giáo dục phổ thông được thực hiện theo quy trình hướng dẫn tại Thông tư 21/2014/TT-BGDĐT ngày 07/7/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo trên tinh thần tự nguyện, không bắt buộc./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Giám đốc (*để báo cáo*);
- Lưu: VP, TH (*Bình*).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Nguyễn Bảo Quốc

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
DOANH NGHIỆP KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
Số: 50/ĐK-DNKHCN

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC QUỐC TẾ GAIA

Tên bằng tiếng nước ngoài: Gaia International Education Development Corporation

Địa chỉ trụ sở chính: 41C Lê Đình Thám, Phường Tân Quý, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028 39973998 **Fax:**

Email: info@gaia.edu.vn **Website:**

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Số 0313730269 đăng ký lần đầu ngày 31/3/2016, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 27/3/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Danh mục sản phẩm hàng hóa hình thành từ kết quả KH&CN *(Nêu tại Phụ lục kèm theo Giấy chứng nhận này)*

1. Phần mềm kỹ năng sống GAIA;
2. Phần mềm hiển thị bài giảng tại máy trạm GAIA VIEWER;
3. Chương trình kỹ năng sống GAIA (cho học sinh từ lớp 1 đến lớp 12 và các cơ sở giáo dục khác);
4. Bộ sách bài tập rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh từ lớp 1 đến lớp 12.

Thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận này theo quy định hiện hành của pháp luật./.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 6 năm 2018

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Nguyễn Khắc Thanh

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
CỤC BẢN QUYỀN TÁC GIẢ

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ QUYỀN TÁC GIẢ

CỤC BẢN QUYỀN TÁC GIẢ CHỨNG NHẬN

Tác phẩm: *Giáo trình kỹ năng sống tiểu học trải nghiệm sáng tạo tập 1*

Loại hình: *Tác phẩm viết*

Tác giả: *Nguyễn Thị Thu Hà*
Tổ 1 cụm 7, P. Khương Đình, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Quốc tịch: *Việt Nam*
Số CCCD: *031184008223 07/06/2017*

Chủ sở hữu: *Công ty Cổ phần phát triển giáo dục quốc tế GAIA*
Số 41C Đường Lê Đình Thám, P. Tân Quý, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Số ĐKKD: *0313730269 31/03/2016*

Đã đăng ký quyền tác giả tại Cục Bản quyền Tác giả

Hà Nội, ngày 28 tháng 06 năm 2021
KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC BẢN QUYỀN TÁC GIẢ

Phạm Thị Kim Oanh

Số: 4488/2021/QTG
Cấp cho Chủ sở hữu

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
CỤC BẢN QUYỀN TÁC GIẢ

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ QUYỀN TÁC GIẢ

CỤC BẢN QUYỀN TÁC GIẢ CHỨNG NHẬN

Tác phẩm: *Giáo trình kỹ năng sống tiểu học trải nghiệm sáng tạo tập 2*

Loại hình: *Tác phẩm viết*

Tác giả: *Nguyễn Thị Thu Hà*
Tổ 1 cụm 7, P. Khương Đình, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Quốc tịch: *Việt Nam*
Số CCCD: *031184008223 07/06/2017*

Chủ sở hữu: *Công ty Cổ phần phát triển giáo dục quốc tế GAIA*
Số 41C Đường Lê Đình Thám, P. Tân Quý, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Số ĐKKD: *0313730269 31/03/2016*

Đã đăng ký quyền tác giả tại Cục Bản quyền Tác giả

Hà Nội, ngày 28 tháng 06 năm 2021
KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
CỤC BẢN QUYỀN TÁC GIẢ
BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

Số: 4487/2021/QTG
Cấp cho Chủ sở hữu

Phạm Thị Kim Oanh

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
CỤC BẢN QUYỀN TÁC GIẢ

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ QUYỀN TÁC GIẢ

CỤC BẢN QUYỀN TÁC GIẢ CHỨNG NHẬN

Tác phẩm: *Giáo trình kỹ năng sống tiểu học khối 3*
Loại hình: *Tác phẩm viết*

Tác giả: *Nguyễn Thị Thu Hà*
Tổ 1 cụm 7, P. Khương Đình,
Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội
Quốc tịch: *Việt Nam*
Số CCCD: *031184008223*
07/06/2017

Chủ sở hữu: *Công ty Cổ phần phát triển giáo dục quốc tế GAIA*
Số 41C Đường Lê Đình Thám, P. Tân Quý,
Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh
Số ĐKKD: *0313730269*
31/03/2016

Đã đăng ký quyền tác giả tại Cục Bản quyền Tác giả

Hà Nội, ngày 28 tháng 06 năm 2021
KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC BẢN QUYỀN TÁC GIẢ

Phạm Thị Kim Oanh

Số: 4485/2021/QTG
Cấp cho Chủ sở hữu

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
CỤC BẢN QUYỀN TÁC GIẢ

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ QUYỀN TÁC GIẢ

CỤC BẢN QUYỀN TÁC GIẢ CHỨNG NHẬN

Tác phẩm: *Giáo trình kỹ năng sống tiểu học khối 4*

Loại hình: *Tác phẩm viết*

Tác giả: *Nguyễn Thị Thu Hà*
Tổ 1 cụm 7, P. Khương Đình, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Quốc tịch: *Việt Nam*
Số CCCD: *031184008223 07/06/2017*

Chủ sở hữu: *Công ty Cổ phần phát triển giáo dục quốc tế GAIA*
Số 41C Đường Lê Đình Thám, P. Tân Quý, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Số ĐKKD: *0313730269 31/03/2016*

Đã đăng ký quyền tác giả tại Cục Bản quyền Tác giả

Hà Nội, ngày 25 tháng 06 năm 2021
KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC BẢN QUYỀN TÁC GIẢ

Số: 4476/2021/QTG
Cấp cho Chủ sở hữu

Phạm Thị Kim Oanh

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
CỤC BẢN QUYỀN TÁC GIẢ

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ QUYỀN TÁC GIẢ

CỤC BẢN QUYỀN TÁC GIẢ CHỨNG NHẬN

Tác phẩm: *Giáo trình kỹ năng sống tiểu học khối 5*

Loại hình: *Tác phẩm viết*

Tác giả: *Nguyễn Thị Thu Hà*
Tổ 1 cụm 7, P. Khương Đình, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Quốc tịch: *Việt Nam*
Số CCCD: *031184008223 07/06/2017*

Chủ sở hữu: *Công ty Cổ phần phát triển giáo dục quốc tế GAIA*
Số 41C Đường Lê Đình Thám, P. Tân Quý, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Số ĐKKD: *0313730269 31/03/2016*

Đã đăng ký quyền tác giả tại Cục Bản quyền Tác giả

Hà Nội, ngày 25 tháng 06 năm 2021
KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC BẢN QUYỀN TÁC GIẢ

Phạm Thị Kim Oanh

Số: 4475/2021/QTG
Cấp cho Chủ sở hữu

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
CỤC BẢN QUYỀN TÁC GIẢ

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ QUYỀN TÁC GIẢ

CỤC BẢN QUYỀN TÁC GIẢ CHỨNG NHẬN

Tác phẩm: *Giáo trình kỹ năng sống trung học cơ sở khối 6*

Loại hình: *Tác phẩm viết*

Tác giả: *Nguyễn Thị Thu Hà*
Tổ 1 cụm 7, P. Khương Đình, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Quốc tịch: *Việt Nam*
Số CCCD: *031184008223 07/06/2017*

Chủ sở hữu: *Công ty Cổ phần phát triển giáo dục quốc tế GAIA*
Số 41C Đường Lê Đình Thám, P. Tân Quý, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Số ĐKKD: *0313730269 31/03/2016*

Đã đăng ký quyền tác giả tại Cục Bản quyền Tác giả

Hà Nội, ngày 25 tháng 06 năm 2021
KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

Số: 4472/2021/QTG
Cấp cho Chủ sở hữu

Phạm Thị Kim Oanh

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
CỤC BẢN QUYỀN TÁC GIẢ

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ QUYỀN TÁC GIẢ

CỤC BẢN QUYỀN TÁC GIẢ CHỨNG NHẬN

Tác phẩm: *Giáo trình kỹ năng sống trung học cơ sở khối 7*

Loại hình: *Tác phẩm viết*

Tác giả: *Nguyễn Thị Thu Hà*
Tổ 1 cụm 7, P. Khương Đình, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Quốc tịch: *Việt Nam*
Số CCCD: *031184008223 07/06/2017*

Chủ sở hữu: *Công ty Cổ phần phát triển giáo dục quốc tế GAIA*
Số 41C Đường Lê Đình Thám, P. Tân Quý, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Số ĐKKD: *0313730269 31/03/2016*

Đã đăng ký quyền tác giả tại Cục Bản quyền Tác giả

Hà Nội, ngày 25 tháng 06 năm 2021
KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
CỤC BẢN QUYỀN TÁC GIẢ
BỘ VĂN HÓA THỂ THAO VÀ DU LỊCH

Phạm Thị Kim Oanh

Số: 4473/2021/QTG
Cấp cho Chủ sở hữu

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
CỤC BẢN QUYỀN TÁC GIẢ

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ QUYỀN TÁC GIẢ

CỤC BẢN QUYỀN TÁC GIẢ CHỨNG NHẬN

Tác phẩm:	*Giáo trình kỹ năng sống trung học cơ sở khối 8*	**Loại hình:**	*Tác phẩm viết*
Tác giả:	*Nguyễn Thị Thu Hà* *Tổ 1 cụm 7, P. Khương Đình, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội*	**Quốc tịch:** **Số CCCD:**	*Việt Nam* *031184008223* *07/06/2017*
Chủ sở hữu:	*Công ty Cổ phần phát triển giáo dục quốc tế GAIA* *Số 41C Đường Lê Đình Thám, P. Tân Quý, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh*	**Số ĐKKD:**	*0313730269* *31/03/2016*

Đã đăng ký quyền tác giả tại Cục Bản quyền Tác giả

Hà Nội, ngày 28 tháng 06 năm 2021
KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC BẢN QUYỀN TÁC GIẢ

Số: 4489/2021/QTG
Cấp cho Chủ sở hữu

Phạm Thị Kim Oanh

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
CỤC BẢN QUYỀN TÁC GIẢ

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ QUYỀN TÁC GIẢ

CỤC BẢN QUYỀN TÁC GIẢ CHỨNG NHẬN

Tác phẩm:	*Giáo trình kỹ năng sống trung học cơ sở khối 9*	**Loại hình:**	*Tác phẩm viết*
Tác giả:	*Nguyễn Thị Thu Hà* *Tổ 1 cụm 7, P. Khương Đình, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội*	**Quốc tịch:** **Số CCCD:**	*Việt Nam* *031184008223* *07/06/2017*
Chủ sở hữu:	*Công ty Cổ phần phát triển giáo dục quốc tế GAIA* *Số 41C Đường Lê Đình Thám, P. Tân Quý, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh*	**Số ĐKKD:**	*0313730269* *31/03/2016*

Đã đăng ký quyền tác giả tại Cục Bản quyền Tác giả

Hà Nội, ngày 28 tháng 06 năm 2021
KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC BẢN QUYỀN TÁC GIẢ

Phạm Thị Kim Oanh

Số: 4486/2021/QTG
Cấp cho Chủ sở hữu

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Independence - Freedom - Happiness

CĂN CƯỚC CÔNG DÂN
Citizen Identity Card

Số / No.: 001080030891
Họ và tên / Full name:
HÀ HUY GIÁP
Ngày sinh / Date of birth: 12/12/1980
Giới tính / Sex: Nam Quốc tịch / Nationality: Việt Nam
Quê quán / Place of origin: Tân Dĩnh, Lạng Giang, Bắc Giang
Nơi thường trú / Place of residence: Tổ 1 Cụm 5, Khương Đình, Thanh Xuân, Hà Nội
Có giá trị đến: 12/12/2040
Date of expiry

Đặc điểm nhân dạng / Personal identification:
Sẹo chấm c. 2cm trên trước đầu mày trái
Ngày, tháng, năm / Date, month, year: 10/03/2021
CỤC TRƯỞNG CỤC CẢNH SÁT QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH VỀ TRẬT TỰ XÃ HỘI
DIRECTOR GENERAL OF THE POLICE DEPARTMENT FOR ADMINISTRATIVE MANAGEMENT OF SOCIAL ORDER
Tô Văn Huệ
Ngón trỏ trái / Left index finger
Ngón trỏ phải / Right index finger

IDVNM080030891700108003089l<<8
8012126M4012128VNM<<<<<<<<<<<0
HA<<HUY<GIAP<<<<<<<<<<<<<<<<<<

4. HỒ SƠ NĂNG LỰC

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Nội dung	Năm 2024	Năm 2023	Năm 2022
Bảng cân đối kế toán			
* Tổng tài sản (VND)	307,455,995,611	217,675,420,053	150,595,014,447
* Tổng nợ (VND)	19,496,944,895	20,829,351,238	8,140,550,213
Giá trị tài sản ròng (VND)	287,959,050,716	196,846,068,815	142,454,464,234
* Tài sản ngắn hạn(VND)	304,590,419,019	210,859,909,243	143,629,035,421
* Nợ ngắn hạn(VND)	19,496,944,895	20,829,351,238	8,140,550,213
Vốn lưu động(VND)	285,093,474,124	190,030,558,005	135,488,485,208
Báo cáo kết quả kinh doanh (VND)			
* Tổng doanh thu(VND)	393,585,819,680	241,714,545,132	141,271,578,482
* Lợi nhuận trước thuế(VND)	105,841,689,067	110,274,348,416	46,473,089,658
* Lợi nhuận sau thuế(VND)	92,404,842,892	102,218,320,301	41,901,032,828

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Mẫu số: **03/TNDN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (MẪU SỐ 03/TNDN)

(Áp dụng đối với phương pháp doanh thu - chi phí)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2022 Từ 01/01/2022 đến 31/12/2022)

[02] Lần đầu: [ ] **[03]** Bổ sung lần thứ: [1]

[04] Ngành nghề có tỷ lệ doanh thu cao nhất: P85 - Giáo dục và đào tạo

[05] Tỷ lệ (%): 100,00 %

[06] Tên người nộp thuế: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC QUỐC TẾ GAIA

[07] Mã số thuế: 0313730269

[08] Tên đại lý thuế (nếu có):

[09] Mã số thuế:

[10] Hợp đồng đại lý thuế: Số Ngày:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*
A	**Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính**	**A**	
1	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	A1	46.473.089.658
B	**Xác định thu nhập chịu thuế theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp**	**B**	
1	**Điều chỉnh tăng tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B1= B2+B3+B4+B5+B6+B7)**	**B1**	44.968.046.934
1.1	Các khoản điều chỉnh tăng doanh thu	B2	0
1.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh giảm	B3	0
1.3	Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế	B4	44.968.046.934
1.4	Thuế thu nhập đã nộp cho phần thu nhập nhận được ở nước ngoài	B5	0
1.5	Điều chỉnh tăng lợi nhuận do xác định giá thị trường đối với giao dịch liên kết	B6	0
1.6	Các khoản điều chỉnh làm tăng lợi nhuận trước thuế khác	B7	0
2	**Điều chỉnh giảm tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B8=B9+B10+B11+B12)**	**B8**	0
2.1	Giảm trừ các khoản doanh thu đã tính thuế năm trước	B9	0
2.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh tăng	B10	0
2.3	Chi phí lãi vay không được trừ kỳ trước được chuyển sang kỳ này của doanh nghiệp có giao dịch liên kết	B11	0
2.4	Các khoản điều chỉnh làm giảm lợi nhuận trước thuế khác	B12	0
3	**Tổng thu nhập chịu thuế (B13=A1+B1-B8)**	**B13**	91.441.136.592
3.1	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh	B14	91.441.136.592
3.2	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động chuyển nhượng BĐS	B15	0
C	**Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) phải nộp từ hoạt động sản xuất kinh doanh**		
1	Thu nhập chịu thuế (C1 = B14)	C1	91.441.136.592
2	Thu nhập miễn thuế	C2	0
	Loại thu nhập miễn thuế		
3	Chuyển lỗ và bù trừ lãi, lỗ (C3=C3a+C3b)	C3	0
	Trong đó:		
3.1	*+ Lỗ từ hoạt động SXKD được chuyển trong kỳ*	*C3a*	0
3.2	*+ Lỗ từ chuyển nhượng BĐS được bù trừ với lãi của hoạt động SXKD*	*C3b*	0

4	Thu nhập tính thuế (TNTT) (C4=C1-C2-C3)	C4	91.441.136.592
5	Trích lập quỹ khoa học công nghệ (nếu có)	C5	0
6	TNTT sau khi đã trích lập quỹ khoa học công nghệ (C6=C4-C5=C7+C8)	C6	91.441.136.592
	Trong đó:		
6.1	*+ Thu nhập tính thuế áp dụng thuế suất 20%*	*C7*	91.441.136.592
6.2	*+ Thu nhập tính thuế tính theo thuế suất không ưu đãi khác*	*C8*	0
6.3	*+ Thuế suất không ưu đãi khác (%)*	*C8a*	0
7	Thuế TNDN từ hoạt động SXKD tính theo thuế suất không ưu đãi(C9 =(C7 x 20%) + (C8 x C8a))	C9	18.288.227.318
8	Thuế TNDN được ưu đãi theo Luật thuế TNDN(C10 = C11 + C12 + C13)	C10	13.716.170.489
	Trong đó:		
8.1	*+ Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng mức thuế suất ưu đãi*	*C11*	9.144.113.659
8.2	*+ Thuế TNDN được miễn trong kỳ*	*C12*	0
8.3	*+ Thuế TNDN được giảm trong kỳ*	*C13*	4.572.056.830
9	Thuế TNDN được miễn, giảm theo Hiệp định thuế	C14	0
10	Thuế TNDN được miễn, giảm theo từng thời kỳ	C15	0
11	Thuế thu nhập đã nộp ở nước ngoài được trừ trong kỳ tính thuế	C16	0
12	Thuế TNDN phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh(C17=C9-C10-C14-C15-C16)	C17	4.572.056.829
D	**Thuế TNDN phải nộp từ hoạt động chuyển nhượng BĐS**	**D**	
1	Thu nhập chịu thuế (D1 = B15)	D1	0
2	Lỗ từ hoạt động chuyển nhượng BĐS được chuyển trong kỳ	D2	0
3	Thu nhập tính thuế (D3=D1-D2)	D3	0
4	Trích lập quỹ khoa học công nghệ (nếu có)	D4	0
5	TNTT sau khi đã trích lập quỹ khoa học công nghệ (D5=D3-D4)	D5	0
6	Thuế TNDN phải nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS trong kỳ	D6	0
7	Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng mức thuế suất ưu đãi đối với thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư - kinh doanh nhà ở xã hội để bán, cho thuê, cho thuê mua	D7	0
8	Thuế TNDN của hoạt động chuyển nhượng BĐS còn phải nộp kỳ này (D8=D6-D7)	D8	0
E	**Số thuế TNDN phải nộp quyết toán trong kỳ (E=E1+E2+E5)**	**E**	**4.572.056.829**
1	Thuế TNDN của hoạt động sản xuất kinh doanh	E1	4.572.056.829
2	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản (E2=E3+E4)	E2	0
2.1	*Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản*	*E3*	0
2.2	*Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ*	*E4*	0
3	Thuế TNDN phải nộp khác (nếu có)	E5	0
3.1	*Trong đó thuế TNDN từ xử lý Quỹ phát triển khoa học công nghệ*	*E6*	0
G	**Số thuế TNDN đã tạm nộp (G=G1+G2+G3+G4+G5)**	**G**	0
1	***Thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh***		0
1.1	Thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này	G1	0
1.2	Thuế TNDN đã tạm nộp trong năm	G2	0
2	***Thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS***		0
2.1	Thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này của hoạt động chuyển nhượng BĐS	G3	0
2.2	Thuế TNDN đã tạm nộp trong năm của hoạt động chuyển nhượng BĐS	G4	0
2.3	Thuế TNDN đã tạm nộp các kỳ trước và trong năm quyết toán của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ	G5	0

H	**Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp**	**H**	
1	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm của hoạt động sản xuất kinh doanh (H1=E1+E5-G2)	H1	4.572.056.829
2	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm của hoạt động chuyển nhượng BĐS (H2=E3-G4)	H2	0
3	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ (H3=E4-G5)	H3	0
I	**Số thuế TNDN còn phải nộp đến thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán thuế (I=E-G=I1+I2)**	**I**	**4.572.056.829**
1	Thuế TNDN còn phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh	I1=E1+E5-G1-G2	4.572.056.829
2	Thuế TNDN còn phải nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS	I2=E2-G3-G4-G5	0

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./...

Ngày 25 tháng 05 năm 2023

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

Ghi chú:

1. TNDN: Thu nhập doanh nghiệp; BĐS: Bất động sản;
2. Chỉ tiêu G1, G3: NNT kê khai số thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang bù trừ với số thuế TNDN phải nộp kỳ này
3. Chỉ tiêu D11, G2, G4, G5: NNT kê khai số thuế TNDN đã tạm nộp vào NSNN tính đến thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán. Ví dụ: NNT có kỳ tính thuế từ 01/01/2021 đến 31/12/2021 thì số thuế TNDN đã tạm nộp trong năm là số thuế TNDN đã nộp cho kỳ tính thuế năm 2021 tính từ ngày 01/01/2021 đến hết ngày 31/3/2022.
4. Trường hợp NNT là doanh nghiệp xổ số có hoạt động sản xuất kinh doanh khác hoạt động kinh doanh xổ số thì NNT kê khai số thuế TNDN phải nộp của hoạt động kinh doanh xổ số vào chỉ tiêu E1, số thuế TNDN phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh khác vào chỉ tiêu E2, E3.
5. Các chỉ tiêu E, G: NNT không kê khai số thuế TNDN phải nộp, đã tạm nộp của hoạt động được hưởng ưu đãi khác tỉnh đã kê khai riêng.
6. Chỉ tiêu E4, G5, H3: NNT kê khai số thuế TNDN phải nộp, đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà được bàn giao kỳ này và có thu tiền ứng trước của khách hàng theo tiến độ (bao gồm số tiền đã thu của các kỳ trước và kỳ này).
7. Hạch toán số tiền 4.572.056.829 vào tiểu mục 1052: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động sản xuất kinh doanh (gồm cả dịch vụ trong lĩnh vực dầu khí)
8. Hạch toán số tiền 0 vào tiểu mục 1056: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động thăm dò, phát triển mỏ và khai thác dầu, khí thiên nhiên (không kể thuế thu nhập doanh nghiệp thu theo hiệp định, hợp đồng thăm dò, khai thác dầu khí)
9. Hạch toán số tiền 0 vào tiểu mục 1057: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động xổ số kiến thiết
10. Hạch toán số tiền 0 vào tiểu mục 1053: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ chuyển nhượng bất động sản

Ký điện tử bởi: *CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC QUỐC TẾ GAIA.*

PHỤ LỤC
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
Áp dụng đối với ngành sản xuất, thương mại, dịch vụ (trừ công ty an ninh, quốc phòng)
(Kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp số 03/TNDN)

Mẫu số: **03-1A/TNDN** (*Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính*)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2022

[02] Tên người nộp thuế: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC QUỐC TẾ GAIA
[03] Mã số thuế: 0313730269

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*
	Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính:		
1	**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**[04]**	141.271.578.482
	Trong đó: - Doanh thu bán hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu	[05]	0
2	**Các khoản giảm trừ doanh thu ([06]=[07]+[08]+[09])**	**[06]**	473.168.400
a	Chiết khấu thương mại	[07]	0
b	Giảm giá hàng bán	[08]	0
c	Giá trị hàng bán bị trả lại	[09]	473.168.400
3	**Doanh thu hoạt động tài chính**	**[10]**	3.603.377
	Trong đó: Doanh thu từ lãi tiền gửi	[11]	0
4	**Chi phí sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ ([12]=[13]+[14]+[15])**	**[12]**	94.167.712.757
a	Giá vốn hàng bán	[13]	22.318.966.117
b	Chi phí bán hàng	[14]	61.334.929.334
c	Chi phí quản lý doanh nghiệp	[15]	10.513.817.306
5	**Chi phí tài chính**	**[16]**	0
	Trong đó: Chi phí lãi tiền vay	[17]	0
6	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh([18]=[04]-[06]+[10]-[12]-[16])**	**[18]**	46.634.300.702
7	**Thu nhập khác**	**[19]**	709.320
8	**Chi phí khác**	**[20]**	161.920.364
9	**Lợi nhuận khác ([21]=[19]-[20])**	**[21]**	(161.211.044)
10	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp ([22]=[18]+[21])**	**[22]**	46.473.089.658

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./...

Ngày 25 tháng 05 năm 2023

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

Ghi chú: *Số liệu chỉ tiêu [22] được tổng hợp vào chỉ tiêu A1 của Tờ khai 03/TNDN*

Ký điện tử bởi: *CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC QUỐC TẾ GAIA.*

Phụ lục

THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ĐƯỢC ƯU ĐÃI

Đối với thu nhập từ dự án đầu tư mới, thu nhập của doanh nghiệp được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp

(Kê khai theo từng tỉnh nơi người nộp thuế có trụ sở chính, đơn vị phụ thuộc địa điểm kinh doanh khác tỉnh có thu nhập được hưởng ưu đãi đồng thời nộp Phụ lục này kèm tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp số 03/TNDN tại trụ sở chính)

Mẫu số: **03-3A/TNDN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2022 Từ 01/01/2022 đến 31/12/2022)

[02] Lần đầu: [ ] **[03]** Bổ sung lần thứ: [1]

[04] Tên người nộp thuế CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC QUỐC TẾ GAIA
[05] Mã số thuế: 0313730269
[06] Tên đại lý thuế (nếu có):
[07] Mã số thuế:
[08] Hợp đồng đại lý thuế: Số Ngày:

[09] Địa phương nơi có đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh có thu nhập được hưởng ưu đãi khác tỉnh nơi đóng trụ sở chính:
[09a] Xã phường: **[09b]** Quận/huyện: **[09c]** Tỉnh/Thành phố:
Dự án đầu tư - kinh doanh nhà ở xã hội: []

A. Xác định ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp của người nộp thuế tại trụ sở chính, đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh khác tỉnh

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tên NNT, đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh	Mã số thuế NNT, đơn vị phụ thuộc, mã địa điểm kinh doanh	Cơ quan thuế quản lý NNT, đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh	Điều kiện được hưởng ưu đãi thuế	Thông tin dự án đầu tư			Xác định thời gian ưu đãi				Kết quả kinh doanh của hoạt động được hưởng ưu đãi				Xác định số thuế được ưu đãi thuế suất					Xác định số thuế được miễn, giảm			Tổng số thuế được ưu đãi
					Tên dự án đầu tư	Mã dự án đầu tư (nếu có)	Lĩnh vực hoạt động	Ưu đãi thuế suất		Miễn giảm thuế		Doanh thu tính thuế	Chi phí tính thuế	Thu nhập miễn thuế	Chuyển lỗ và bù trừ lãi, lỗ	TNTT được hưởng ưu đãi	Thuế suất ưu đãi (%)	Thuế TNDN phải nộp theo thuế suất phổ thông	Số thuế TNDN tính theo thuế suất ưu đãi	Số thuế chênh lệch đó áp dụng thuế suất ưu đãi	Tỷ lệ giảm thuế	Số thuế được miễn	Số thuế được giảm	
								Số năm	Từ năm	Số năm	Từ năm													
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*	*(16)*	*(17)*	*(18)*	*(19)*	*(20)*	*(21)*	*(22)*	*(23)*	*(24)*	*(25)=(21)+(23)+(24)*
1	Công ty CP PT Giáo Dục Quốc Tế GAIA	0313730269	Chi cục thuế Quận Tân phú	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ			M74 - Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác	15	2018	14	2018	141.271.578.482	49.830.441.890	0	0	91.441.136.592	10,00	18.288.227.318	9.144.113.659	9.144.113.659	50,00	0	4.572.056.830	13.716.170.489
				Tổng cộng												**91.441.136.592**		**18.288.227.318**		**9.144.113.659**		**0**	**4.572.056.830**	**13.716.170.489**

B. Xác định số thuế TNDN phải nộp của hoạt động được hưởng ưu đãi thuế TNDN của đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh khác tỉnh

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tên chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
1	Thuế TNDN phải nộp của hoạt động được hưởng ưu đãi thuế TNDN ([16]=[11]-[15])	**[16]**	0
2	Thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này	**[17]**	0
3	Thuế TNDN đã tạm nộp trong năm	**[18]**	0
4	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm ([19]=[16]-[18])	**[19]**	0
5	Thuế TNDN còn phải nộp ([20]=[16]-[17]-[18])	**[20]**	0

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

Ngày 25 tháng 05 năm 2023

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có) Ký điện tử)

Ghi chú:
1. NNT kê khai Phụ lục này theo từng tỉnh thành phố nơi người nộp thuế có đơn vị phụ thuộc địa điểm kinh doanh khác tỉnh có thu nhập được hưởng ưu đãi, đồng thời nộp Phụ lục này kèm tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp số 03/TNDN khi kê khai tại trụ sở chính.
2. TNDN: Thu nhập doanh nghiệp;
3. Số liệu chỉ tiêu [12] tổng hợp vào chỉ tiêu C11 của tờ khai 03/TNDN;
4. Số liệu chỉ tiêu [13] tổng hợp vào chỉ tiêu C12 của tờ khai 03/TNDN;
5. Số liệu chỉ tiêu [14] tổng hợp vào chỉ tiêu C13 của tờ khai 03/TNDN.
7. NNT không phải kê khai mục B nếu hoạt động được hưởng ưu đãi thuế TNDN của trụ sở chính.
8. Chỉ tiêu [09a], [09b], [09c]: Khai thông tin của đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh khác tỉnh có thu nhập được hưởng ưu đãi theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 11 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ. Trường hợp có nhiều đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh đóng trên nhiều địa bàn cấp huyện do Cục Thuế quản lý thì chọn 1 đơn vị đại diện để kê khai vào chỉ tiêu này. Trường hợp có nhiều đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh do Chi cục Thuế khu vực quản lý thì chọn 1 đơn vị đại diện cho địa bàn cấp huyện do Chi cục Thuế khu vực quản lý để kê khai vào chỉ tiêu này.

Ký điện tử bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC QUỐC TẾ GAIA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Mẫu số: **01/KHBS**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TỜ KHAI BỔ SUNG

[01] Mẫu tờ khai: TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (Mẫu số 03/TNDN)
[02] Mã giao dịch điện tử:
[03] Kỳ tính thuế: Năm 2022
[04] Bổ sung lần thứ: 1
[05] Tên người nộp thuế: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC QUỐC TẾ GAIA
[06] Mã số thuế: 0313730269
[07] Tên đại lý thuế (nếu có):
[08] Mã số thuế:
[09] Hợp đồng đại lý thuế: Số Ngày:

A. Xác định tăng/giảm số thuế phải nộp và tiền chậm nộp, tăng/giảm số thuế được khấu trừ, tăng/giảm số thuế đề nghị hoàn:

I. Xác định tăng/giảm số thuế phải nộp và tiền chậm nộp:

1. Số thuế phải nộp trên tờ khai điều chỉnh tăng/giảm:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tên Tiểu mục	Tăng/giảm số thuế phải nộp (tăng ghi (+), giảm ghi (-))
(1)	(2)	(3)
1	1052 - Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động sản xuất kinh doanh (gồm cả dịch vụ trong lĩnh vực dầu khí)	8.280.547
	Tổng cộng: [10]	**8.280.547**

2. Số thuế phải nộp trên Phụ lục phân bổ điều chỉnh tăng/giảm:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tên (đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh/tên mặt hàng/tỉnh nơi không có đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh/đơn vị tiêu thụ/cơ sở khai thác)	Mã số thuế/mã số địa điểm kinh doanh (nếu có)	Địa bàn hoạt động sản xuất, kinh doanh		Cơ quan thuế quản lý địa bàn nhận phân bổ	Số tiền thuế phải nộp điều chỉnh tăng/giảm (tăng ghi (+), giảm ghi (-))
			Huyện	Tỉnh		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1						
	-					0
Tổng cộng: [11]						**0**

3. Xác định số tiền chậm nộp điều chỉnh tăng/giảm (tăng ghi (+), giảm ghi (-)):
a) Số ngày chậm nộp tính đến ngày 25/05/2023: 54
b) Số tiền chậm nộp tăng/giảm: 134.145

II. Số thuế được khấu trừ điều chỉnh tăng/giảm:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tên Tiểu mục	Tăng/giảm số thuế khấu trừ (tăng ghi (+), giảm ghi (-))
(1)	(2)	(3)
1	-	0
	Tổng cộng: [12]	**0**

III. Số thuế đề nghị hoàn điều chỉnh tăng/giảm:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tên Tiểu mục	Tăng/giảm số thuế đề nghị hoàn (tăng ghi (+), giảm ghi (-))
(1)	(2)	(3)
1	-	0
	Tổng cộng: [13]	**0**

B. Số thuế thu hồi hoàn và tiền chậm nộp (nếu có):

I. Số thuế thu hồi hoàn:

1. Số tiền thu hồi hoàn: 0: Đồng Việt Nam.
2. Quyết định hoàn thuế: Số ngày cơ quan thuế ban hành quyết định

3. Lệnh hoàn thuế: Số ngày

II. Tiền chậm nộp:

1. Số ngày nhận được tiền hoàn thuế: 0

2. Số tiền chậm nộp (= số tiền đã được hoàn phải nộp trả NSNN x số ngày nhận được tiền hoàn thuế x mức chậm nộp): 0

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./...

Ngày 25 tháng 05 năm 2023

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

Ký điện tử bởi: *CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC QUỐC TẾ GAIA.*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Mẫu số: **01-1/KHBS**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢN GIẢI TRÌNH KHAI BỔ SUNG

(Kèm theo Tờ khai bổ sung mẫu số 01/KHBS)

[01] Mẫu tờ khai: TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (Mẫu số 03/TNDN)
[02] Mã giao dịch điện tử:
[03] Kỳ tính thuế: Năm 2022
[04] Bổ sung lần thứ: 1
[05] Tên người nộp thuế: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC QUỐC TẾ GAIA
[06] Mã số thuế: 0313730269

A. Thông tin khai bổ sung:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tên chỉ tiêu điều chỉnh/ Tên hàng hóa, dịch vụ	Mã số chỉ tiêu	Số đã kê khai	Số điều chỉnh	Chênh lệch/thay đổi giữa số điều chỉnh với số đã kê khai	Điều chỉnh tăng/giảm nghĩa vụ thuế	Lý do
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)	(8)
1	**03/TNDN**						
	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	A1	45552874462	46473089658	920.215.196	0	
	Điều chỉnh tăng tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B1= B2+B3+B4+B5+B6+B7)	B1	45722651183	44968046934	(754.604.249)	0	
	Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế	B4	45722651183	44968046934	(754.604.249)	0	
	Tổng thu nhập chịu thuế (B13=A1+B1-B8)	B13	91275525645	91441136592	165.610.947	0	
	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh	B14	91275525645	91441136592	165.610.947	0	
	Thu nhập chịu thuế (C1 = B14)	C1	91275525645	91441136592	165.610.947	0	
	Thu nhập tính thuế (TNTT) (C4=C1-C2-C3)	C4	91275525645	91441136592	165.610.947	0	
	TNTT sau khi đã trích lập quỹ khoa học công nghệ (C6=C4-C5=C7+C8)	C6	91275525645	91441136592	165.610.947	0	
	Thu nhập tính thuế áp dụng thuế suất 20	C7	91275525645	91441136592	165.610.947	0	
	Thuế TNDN từ hoạt động SXKD tính theo thuế suất không ưu đãi (C9 =(C7 x 20%) + (C8 x C8a))	C9	18255105129	18288227318	33.122.189	0	
	Thuế TNDN được ưu đãi theo Luật thuế TNDN (C10 = C11 + C12 + C13)	C10	13691328847	13716170489	24.841.642	0	
	Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng mức thuế suất ưu đãi	C11	9127552564	9144113659	16.561.095	0	
	Thuế TNDN được giảm trong kỳ	C13	4563776283	4572056830	8.280.547	0	
	Thuế TNDN phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh (C17=C9-C10-C14-C15-C16)	C17	4563776282	4572056829	8.280.547	0	
	Số thuế TNDN phải nộp quyết toán trong kỳ (E=E1+E2+E5)	E	4563776282	4572056829	8.280.547	0	
	Thuế TNDN của hoạt động sản xuất kinh doanh	E1	4563776282	4572056829	8.280.547	0	
	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm của hoạt động sản xuất kinh doanh (H1=E1+E5-G2)	H1	4563776282	4572056829	8.280.547	0	

	Số thuế TNDN còn phải nộp đến thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán thuế (I=E-G=I1+I2)	I	4563776282	4572056829	8.280.547	0	
	Thuế TNDN còn phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh	I1	4563776282	4572056829	8.280.547	0	
	1052 - Số phải nộp/Thuế TNDN của hoạt động sản xuất kinh doanh	E1_PN	4563776282	4572056829	8.280.547	8.280.547	
	Tổng cộng (tăng +, giảm -) phải nộp:				**[07]**	**8.280.547**	\
	Tổng cộng (tăng +, giảm -) khấu trừ:				**[08]**	**0**	\
	Tổng cộng (tăng +, giảm -) đề nghị hoàn:				**[09]**	**0**	\

B. Tài liệu kèm theo (nếu có):

STT	Tên chỉ tiêu điều chỉnh/ Tên hàng hóa, dịch vụ
1	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./...

Ngày 25 tháng 05 năm 2023

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

Ký điện tử bởi: *CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC QUỐC TẾ GAIA.*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Mẫu số: **03/TNDN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (MẪU SỐ 03/TNDN)

(Áp dụng đối với phương pháp doanh thu - chi phí)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2023 Từ 01/01/2023 đến 31/12/2023)

[02] Lần đầu: [ ] **[03]** Bổ sung lần thứ: [1]

[04] Ngành nghề có tỷ lệ doanh thu cao nhất: P85 - Giáo dục và đào tạo

[05] Tỷ lệ (%): 100,00 %

[06] Tên người nộp thuế: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC QUỐC TẾ GAIA

[07] Mã số thuế: 0313730269

[08] Tên đại lý thuế (nếu có):

[09] Mã số thuế:

[10] Hợp đồng đại lý thuế: Số Ngày:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*
A	**Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính**	**A**	
1	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	A1	110.274.348.416
B	**Xác định thu nhập chịu thuế theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp**	**B**	
1	**Điều chỉnh tăng tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B1= B2+B3+B4+B5+B6+B7)**	**B1**	50.846.213.892
1.1	Các khoản điều chỉnh tăng doanh thu	B2	0
1.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh giảm	B3	0
1.3	Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế	B4	50.846.213.892
1.4	Thuế thu nhập đã nộp cho phần thu nhập nhận được ở nước ngoài	B5	0
1.5	Điều chỉnh tăng lợi nhuận do xác định giá thị trường đối với giao dịch liên kết	B6	0
1.6	Các khoản điều chỉnh làm tăng lợi nhuận trước thuế khác	B7	0
2	**Điều chỉnh giảm tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B8=B9+B10+B11+B12)**	**B8**	0
2.1	Giảm trừ các khoản doanh thu đã tính thuế năm trước	B9	0
2.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh tăng	B10	0
2.3	Chi phí lãi vay không được trừ kỳ trước được chuyển sang kỳ này của doanh nghiệp có giao dịch liên kết	B11	0
2.4	Các khoản điều chỉnh làm giảm lợi nhuận trước thuế khác	B12	0
3	**Tổng thu nhập chịu thuế (B13=A1+B1-B8)**	**B13**	161.120.562.308
3.1	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh	B14	161.120.562.308
3.2	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động chuyển nhượng BĐS	B15	0
C	**Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) phải nộp từ hoạt động sản xuất kinh doanh**		
1	Thu nhập chịu thuế (C1 = B14)	C1	161.120.562.308
2	Thu nhập miễn thuế	C2	0
	Loại thu nhập miễn thuế		
3	Chuyển lỗ và bù trừ lãi, lỗ (C3=C3a+C3b)	C3	0
	Trong đó:		
3.1	*+ Lỗ từ hoạt động SXKD được chuyển trong kỳ*	*C3a*	0
3.2	*+ Lỗ từ chuyển nhượng BĐS được bù trừ với lãi của hoạt động SXKD*	*C3b*	0

4	Thu nhập tính thuế (TNTT) (C4=C1-C2-C3)	C4	161.120.562.308
5	Trích lập quỹ khoa học công nghệ (nếu có)	C5	0
6	TNTT sau khi đã trích lập quỹ khoa học công nghệ (C6=C4-C5=C7+C8)	C6	161.120.562.308
	Trong đó:		
6.1	*+ Thu nhập tính thuế áp dụng thuế suất 20%*	*C7*	161.120.562.308
6.2	*+ Thu nhập tính thuế tính theo thuế suất không ưu đãi khác*	*C8*	0
6.3	*+ Thuế suất không ưu đãi khác (%)*	*C8a*	0
7	Thuế TNDN từ hoạt động SXKD tính theo thuế suất không ưu đãi(C9 =(C7 x 20%) + (C8 x C8a))	C9	32.224.112.462
8	Thuế TNDN được ưu đãi theo Luật thuế TNDN(C10 = C11 + C12 + C13)	C10	24.168.084.347
	Trong đó:		
8.1	*+ Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng mức thuế suất ưu đãi*	*C11*	8.056.028.116
8.2	*+ Thuế TNDN được miễn trong kỳ*	*C12*	0
8.3	*+ Thuế TNDN được giảm trong kỳ*	*C13*	16.112.056.231
9	Thuế TNDN được miễn, giảm theo Hiệp định thuế	C14	0
10	Thuế TNDN được miễn, giảm theo từng thời kỳ	C15	0
11	Thuế thu nhập đã nộp ở nước ngoài được trừ trong kỳ tính thuế	C16	0
12	Thuế TNDN phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh(C17=C9-C10-C14-C15-C16)	C17	8.056.028.115
D	**Thuế TNDN phải nộp từ hoạt động chuyển nhượng BĐS**	**D**	
1	Thu nhập chịu thuế (D1 = B15)	D1	0
2	Lỗ từ hoạt động chuyển nhượng BĐS được chuyển trong kỳ	D2	0
3	Thu nhập tính thuế (D3=D1-D2)	D3	0
4	Trích lập quỹ khoa học công nghệ (nếu có)	D4	0
5	TNTT sau khi đã trích lập quỹ khoa học công nghệ (D5=D3-D4)	D5	0
6	Thuế TNDN phải nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS trong kỳ	D6	0
7	Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng mức thuế suất ưu đãi đối với thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư - kinh doanh nhà ở xã hội để bán, cho thuê, cho thuê mua	D7	0
8	Thuế TNDN của hoạt động chuyển nhượng BĐS còn phải nộp kỳ này (D8=D6-D7)	D8	0
E	**Số thuế TNDN phải nộp quyết toán trong kỳ (E=E1+E2+E5)**	**E**	**8.056.028.115**
1	Thuế TNDN của hoạt động sản xuất kinh doanh	E1	8.056.028.115
2	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản (E2=E3+E4)	E2	0
2.1	*Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản*	*E3*	0
2.2	*Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ*	*E4*	0
3	Thuế TNDN phải nộp khác (nếu có)	E5	0
3.1	*Trong đó thuế TNDN từ xử lý Quỹ phát triển khoa học công nghệ*	*E6*	0
G	**Số thuế TNDN đã tạm nộp (G=G1+G2+G3+G4+G5)**	**G**	0
1	***Thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh***		0
1.1	Thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này	G1	0
1.2	Thuế TNDN đã tạm nộp trong năm	G2	0
2	***Thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS***		0
2.1	Thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này của hoạt động chuyển nhượng BĐS	G3	0
2.2	Thuế TNDN đã tạm nộp trong năm của hoạt động chuyển nhượng BĐS	G4	0
2.3	Thuế TNDN đã tạm nộp các kỳ trước và trong năm quyết toán của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ	G5	0

H	**Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp**	**H**	
1	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm của hoạt động sản xuất kinh doanh (H1=E1+E5-G2)	H1	8.056.028.115
2	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm của hoạt động chuyển nhượng BĐS (H2=E3-G4)	H2	0
3	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ (H3=E4-G5)	H3	0
I	**Số thuế TNDN còn phải nộp đến thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán thuế (I=E-G=I1+I2)**	**I**	**8.056.028.115**
1	Thuế TNDN còn phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh	I1=E1+E5-G1-G2	8.056.028.115
2	Thuế TNDN còn phải nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS	I2=E2-G3-G4-G5	0

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./...

Ngày 08 tháng 06 năm 2024

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

HÀ HUY GIÁP

Ghi chú:

1. TNDN: Thu nhập doanh nghiệp; BĐS: Bất động sản;
2. Chỉ tiêu G1, G3: NNT kê khai số thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang bù trừ với số thuế TNDN phải nộp kỳ này
3. Chỉ tiêu D11, G2, G4, G5: NNT kê khai số thuế TNDN đã tạm nộp vào NSNN tính đến thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán. Ví dụ: NNT có kỳ tính thuế từ 01/01/2021 đến 31/12/2021 thì số thuế TNDN đã tạm nộp trong năm là số thuế TNDN đã nộp cho kỳ tính thuế năm 2021 tính từ ngày 01/01/2021 đến hết ngày 31/3/2022.
4. Trường hợp NNT là doanh nghiệp xổ số có hoạt động sản xuất kinh doanh khác hoạt động kinh doanh xổ số thì NNT kê khai số thuế TNDN phải nộp của hoạt động kinh doanh xổ số vào chỉ tiêu E1, số thuế TNDN phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh khác vào chỉ tiêu E2, E3.
5. Các chỉ tiêu E, G: NNT không kê khai số thuế TNDN phải nộp, đã tạm nộp của hoạt động được hưởng ưu đãi khác tỉnh đã kê khai riêng.
6. Chỉ tiêu E4, G5, H3: NNT kê khai số thuế TNDN phải nộp, đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà được bàn giao kỳ này và có thu tiền ứng trước của khách hàng theo tiến độ (bao gồm số tiền đã thu của các kỳ trước và kỳ này).
7. Hạch toán số tiền 8.056.028.115 vào tiểu mục 1052: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động sản xuất kinh doanh (gồm cả dịch vụ trong lĩnh vực dầu khí)
8. Hạch toán số tiền 0 vào tiểu mục 1056: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động thăm dò, phát triển mỏ và khai thác dầu, khí thiên nhiên (không kể thuế thu nhập doanh nghiệp thu theo hiệp định, hợp đồng thăm dò, khai thác dầu khí)
9. Hạch toán số tiền 0 vào tiểu mục 1057: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động xổ số kiến thiết
10. Hạch toán số tiền 0 vào tiểu mục 1053: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ chuyển nhượng bất động sản

---

Ký điện tử bởi: *CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC QUỐC TẾ GAIA.*

PHỤ LỤC
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
Áp dụng đối với ngành sản xuất, thương mại, dịch vụ (trừ công ty an ninh, quốc phòng)
(Kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp số 03/TNDN)

Mẫu số: **03-1A/TNDN** (*Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính*)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2023

[02] Tên người nộp thuế: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC QUỐC TẾ GAIA
[03] Mã số thuế: 0313730269

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*
	Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính:		
1	**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**[04]**	241.714.545.132
	Trong đó: - Doanh thu bán hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu	[05]	0
2	**Các khoản giảm trừ doanh thu ([06]=[07]+[08]+[09])**	**[06]**	486.259.000
a	Chiết khấu thương mại	[07]	0
b	Giảm giá hàng bán	[08]	0
c	Giá trị hàng bán bị trả lại	[09]	486.259.000
3	**Doanh thu hoạt động tài chính**	**[10]**	15.514.875
	Trong đó: Doanh thu từ lãi tiền gửi	[11]	0
4	**Chi phí sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ ([12]=[13]+[14]+[15])**	**[12]**	128.693.009.418
a	Giá vốn hàng bán	[13]	38.011.545.434
b	Chi phí bán hàng	[14]	74.629.242.002
c	Chi phí quản lý doanh nghiệp	[15]	16.052.221.982
5	**Chi phí tài chính**	**[16]**	33.000
	Trong đó: Chi phí lãi tiền vay	[17]	0
6	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh([18]=[04]-[06]+[10]-[12]-[16])**	**[18]**	112.550.758.589
7	**Thu nhập khác**	**[19]**	118.796.595
8	**Chi phí khác**	**[20]**	2.395.206.768
9	**Lợi nhuận khác ([21]=[19]-[20])**	**[21]**	(2.276.410.173)
10	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp ([22]=[18]+[21])**	**[22]**	110.274.348.416

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./...

Ngày 08 tháng 06 năm 2024

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

HÀ HUY GIÁP

Ghi chú: *Số liệu chỉ tiêu [22] được tổng hợp vào chỉ tiêu A1 của Tờ khai 03/TNDN*

Ký điện tử bởi: *CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC QUỐC TẾ GAIA.*

Mẫu số: 03-3D/TNDN
(*Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính*)

Phụ lục

THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ĐƯỢC ƯU ĐÃI

(Áp dụng đối với doanh nghiệp khoa học công nghệ hoặc doanh nghiệp thực hiện chuyển giao công nghệ thuộc lĩnh vực ưu tiên chuyển giao)

(Kê khai theo từng tỉnh nơi người nộp thuế có trụ sở chính, đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh khác tỉnh có thu nhập được hưởng ưu đãi đồng thời nộp Phụ lục này kèm tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp số 03/TNDN tại trụ sở chính)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2023 Từ 01/01/2023 đến 31/12/2023)

[02] Lần đầu: [ ] **[03]** Bổ sung lần thứ: [1]

[04] Tên người nộp thuế: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC QUỐC TẾ GAIA

[05] Mã số thuế: 0313730269

[06] Tên đại lý thuế (nếu có):

[07] Mã số thuế:

[08] Hợp đồng đại lý thuế: Số Ngày:

[09] Địa phương nơi có đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh có thu nhập được hưởng ưu đãi khác tỉnh nơi đóng trụ sở chính:

[09a] Xã phường: **[09b]** Quận/huyện: **[09c]** Tỉnh/Thành phố:

A. Xác định điều kiện và mức độ ưu đãi thuế:

[]Ưu đãi thuế TNDN dành cho doanh nghiệp thực hiện chuyển giao công nghệ thuộc lĩnh vực ưu tiên chuyển giao cho tổ chức, cá nhân ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Giá trị
1.	Doanh thu từ hoạt động chuyển giao công nghệ được giảm thuế	[10]	0
2.	Chi phí từ hoạt động chuyển giao công nghệ được giảm thuế	[11]	0
3.	Thu nhập tính thuế TNDN	[12]	0
4.	Tỷ lệ giảm thuế (%)	[13]	0
5.	Số thuế TNDN được giảm	[14]	0

[x] **Ưu đãi thuế TNDN dành cho doanh nghiệp khoa học công nghệ**

1. Số Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ: 50/DK-DNKHCN ngày cấp: 14/06/2018, nơi cấp: Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hồ Chí Minh

Danh mục công nghệ, sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất đủ điều kiện được hưởng ưu đãi:

1) Phần mềm kỹ năng sống Gaia
2) Phần mềm hiển thị bài giảng tại máy trạm Gaia Viewer
3) Chương trình kỹ năng sống Gaia

4) Bộ sách bài tập rèn luyện kỹ năng sông cho học sinh từ lớp 1 đến lớp 12

2. Xác định điều kiện về doanh thu để được hưởng ưu đãi

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
1.	Doanh thu từ việc sản xuất, kinh doanh các sản phẩm hình thành từ kết quả khoa học và công nghệ	[15]	241.714.545.132
2.	Tổng doanh thu của doanh nghiệp	[16]	241.714.545.132
3.	Tỷ lệ về doanh thu làm căn cứ xét ưu đãi thuế (%)	[17]	100,00
4.	Năm bắt đầu có thu nhập chịu thuế	[18]	2019

B. Xác định ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp của người nộp thuế tại trụ sở chính, đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh khác tỉnh

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tên NNT, đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh	Mã số thuế NNT, đơn vị phụ thuộc, mã địa điểm kinh doanh	Cơ quan thuế quản lý NNT, đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh	Xác định thời gian ưu đãi		Kết quả kinh doanh của hoạt động được hưởng ưu đãi				Xác định thuế TNDN phải nộp		Xác định số thuế được miễn, giảm			Tổng số thuế được ưu đãi
				Số năm	Từ năm	Doanh thu tính thuế	Chi phí tính thuế	Thu nhập miễn thuế	Chuyển lỗ và bù trừ lãi, lỗ	TNTT được hưởng ưu đãi	Thuế TNDN phải nộp theo thuế suất phổ thông	Tỷ lệ giảm thuế (%)	Số thuế được miễn	Số thuế được giảm	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*	*(16)=(14)+(15)*
1	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC QUỐC TẾ GAIA	0313730269	Chi cục thuế Quận Tân phú	15	2018	241.714.545.132	80.593.982.824	0	0	161.120.562.308	32.224.112.462	50	0	16.112.056.231	16.112.056.231
			Tổng cộng								**32.224.112.462**		**0**	**16.112.056.231**	**16.112.056.231**

C. Xác định số thuế TNDN phải nộp của hoạt động được hưởng ưu đãi thuế TNDN của đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh khác tỉnh

STT	Tên chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Giá trị
1	Thuế TNDN phải nộp của hoạt động được hưởng ưu đãi thuế TNDN ([23]=[19]-[22])	**[23]**	0
2	Thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này	**[24]**	0
3	Thuế TNDN đã tạm nộp trong năm	**[25]**	0

4	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm ([26]=[23]-[25])	[26]	0
5	Thuế TNDN còn phải nộp ([27]=[23]-[24]-[25])	[27]	0

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./...

Ngày 08 tháng 06 năm 2024

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

HÀ HUY GIÁP

Ghi chú:

1. NNT kê khai Phụ lục này theo từng tỉnh/thành phố nơi người nộp thuế có đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh khác tỉnh có thu nhập được hưởng ưu đãi, đồng thời nộp Phụ lục này kèm tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp số 03/TNDN khi kê khai tại trụ sở chính.
2. TNDN: Thu nhập doanh nghiệp;
3. Số liệu chỉ tiêu [20] tổng hợp vào chỉ tiêu C12 của tờ khai 03/TNDN;
4. Số liệu chỉ tiêu [14], [21] tổng hợp vào chỉ tiêu C13 của tờ khai 03/TNDN;
5. NNT không phải kê khai mục C nếu hoạt động được hưởng ưu đãi thuế TNDN của trụ sở chính.
6. Chỉ tiêu [09a], [09b], [09c]: Khai thông tin của đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh khác tỉnh có thu nhập được hưởng ưu đãi theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 11 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ. Trường hợp có nhiều đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh đóng trên nhiều địa bàn cấp huyện do Cục Thuế quản lý thì chọn 1 đơn vị đại diện để kê khai vào chỉ tiêu này. Trường hợp có nhiều đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh do Chi cục Thuế khu vực quản lý thì chọn 1 đơn vị đại diện cho địa bàn cấp huyện do Chi cục Thuế khu vực quản lý để kê khai vào chỉ tiêu này.

Ký điện tử bởi: *CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC QUỐC TẾ GAIA.*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Mẫu số: **01/KHBS**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TỜ KHAI BỔ SUNG

[01] Mẫu tờ khai: TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (Mẫu số 03/TNDN)
[02] Mã giao dịch điện tử:
[03] Kỳ tính thuế: Năm 2023
[04] Bổ sung lần thứ: 1
[05] Tên người nộp thuế: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC QUỐC TẾ GAIA
[06] Mã số thuế: 0313730269
[07] Tên đại lý thuế (nếu có):
[08] Mã số thuế:
[09] Hợp đồng đại lý thuế: Số Ngày:

A. Xác định tăng/giảm số thuế phải nộp và tiền chậm nộp, tăng/giảm số thuế được khấu trừ, tăng/giảm số thuế đề nghị hoàn:

I. Xác định tăng/giảm số thuế phải nộp và tiền chậm nộp:

1. Số thuế phải nộp trên tờ khai điều chỉnh tăng/giảm:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tên Tiểu mục	Tăng/giảm số thuế phải nộp (tăng ghi (+), giảm ghi (-))
(1)	(2)	(3)
1	1052 - Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động sản xuất kinh doanh (gồm cả dịch vụ trong lĩnh vực dầu khí)	58.474.093
	Tổng cộng: [10]	**58.474.093**

2. Số thuế phải nộp trên Phụ lục phân bổ điều chỉnh tăng/giảm:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tên (đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh/tên mặt hàng/tỉnh nơi không có đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh/đơn vị tiêu thụ/cơ sở khai thác)	Mã số thuế/mã số địa điểm kinh doanh (nếu có)	Địa bàn hoạt động sản xuất, kinh doanh		Cơ quan thuế quản lý địa bàn nhận phân bổ	Số tiền thuế phải nộp điều chỉnh tăng/giảm (tăng ghi (+), giảm ghi (-))
			Huyện	Tỉnh		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1						
	-					0
Tổng cộng: [11]						**0**

3. Xác định số tiền chậm nộp điều chỉnh tăng/giảm (tăng ghi (+), giảm ghi (-)):
a) Số ngày chậm nộp tính đến ngày 08/06/2024: 68
b) Số tiền chậm nộp tăng/giảm: 1.192.871

II. Số thuế được khấu trừ điều chỉnh tăng/giảm:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tên Tiểu mục	Tăng/giảm số thuế khấu trừ (tăng ghi (+), giảm ghi (-))
(1)	(2)	(3)
1	-	0
	Tổng cộng: [12]	**0**

III. Số thuế đề nghị hoàn điều chỉnh tăng/giảm:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tên Tiểu mục	Tăng/giảm số thuế đề nghị hoàn (tăng ghi (+), giảm ghi (-))
(1)	(2)	(3)
1	-	0
	Tổng cộng: [13]	**0**

B. Số thuế thu hồi hoàn và tiền chậm nộp (nếu có):

I. Số thuế thu hồi hoàn:

1. Số tiền thu hồi hoàn: 0: Đồng Việt Nam.
2. Quyết định hoàn thuế: Số ngày cơ quan thuế ban hành quyết định

3. Lệnh hoàn thuế: Số ngày

II. Tiền chậm nộp:

1. Số ngày nhận được tiền hoàn thuế: 0

2. Số tiền chậm nộp (= số tiền đã được hoàn phải nộp trả NSNN x số ngày nhận được tiền hoàn thuế x mức chậm nộp): 0

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./...

Ngày 08 tháng 06 năm 2024

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

HÀ HUY GIÁP

Ký điện tử bởi: *CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC QUỐC TẾ GAIA.*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Mẫu số: **01-1/KHBS**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢN GIẢI TRÌNH KHAI BỔ SUNG

(Kèm theo Tờ khai bổ sung mẫu số 01/KHBS)

[01] Mẫu tờ khai: TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (Mẫu số 03/TNDN)
[02] Mã giao dịch điện tử:
[03] Kỳ tính thuế: Năm 2023
[04] Bổ sung lần thứ: 1
[05] Tên người nộp thuế: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC QUỐC TẾ GAIA
[06] Mã số thuế: 0313730269

A. Thông tin khai bổ sung:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tên chỉ tiêu điều chỉnh/ Tên hàng hóa, dịch vụ	Mã số chỉ tiêu	Số đã kê khai	Số điều chỉnh	Chênh lệch/thay đổi giữa số điều chỉnh với số đã kê khai	Điều chỉnh tăng/giảm nghĩa vụ thuế	Lý do
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)	(8)
1	**03/TNDN**						
	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	A1	109459742024	110274348416	814.606.392	0	
	Điều chỉnh tăng tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B1= B2+B3+B4+B5+B6+B7)	B1	50491338419	50846213892	354.875.473	0	
	Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế	B4	50491338419	50846213892	354.875.473	0	
	Tổng thu nhập chịu thuế (B13=A1+B1-B8)	B13	159951080443	161120562308	1.169.481.865	0	
	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh	B14	159951080443	161120562308	1.169.481.865	0	
	Thu nhập chịu thuế (C1 = B14)	C1	159951080443	161120562308	1.169.481.865	0	
	Thu nhập tính thuế (TNTT) (C4=C1-C2-C3)	C4	159951080443	161120562308	1.169.481.865	0	
	TNTT sau khi đã trích lập quỹ khoa học công nghệ (C6=C4-C5=C7+C8)	C6	159951080443	161120562308	1.169.481.865	0	
	Thu nhập tính thuế áp dụng thuế suất 20	C7	159951080443	161120562308	1.169.481.865	0	
	Thuế TNDN từ hoạt động SXKD tính theo thuế suất không ưu đãi (C9 =(C7 x 20%) + (C8 x C8a))	C9	31990216089	32224112462	233.896.373	0	
	Thuế TNDN được ưu đãi theo Luật thuế TNDN (C10 = C11 + C12 + C13)	C10	23992662067	24168084347	175.422.280	0	
	Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng mức thuế suất ưu đãi	C11	7997554022	8056028116	58.474.094	0	
	Thuế TNDN được giảm trong kỳ	C13	15995108045	16112056231	116.948.186	0	
	Thuế TNDN phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh (C17=C9-C10-C14-C15-C16)	C17	7997554022	8056028115	58.474.093	0	
	Số thuế TNDN phải nộp quyết toán trong kỳ (E=E1+E2+E5)	E	7997554022	8056028115	58.474.093	0	
	Thuế TNDN của hoạt động sản xuất kinh doanh	E1	7997554022	8056028115	58.474.093	0	
	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm của hoạt động sản xuất kinh doanh (H1=E1+E5-	H1	7997554022	8056028115	58.474.093	0	

	G2)						
	Số thuế TNDN còn phải nộp đến thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán thuế (I=E-G=I1+I2)	I	7997554022	8056028115	58.474.093	0	
	Thuế TNDN còn phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh	I1	7997554022	8056028115	58.474.093	0	
	1052 - Số phải nộp/Thuế TNDN của hoạt động sản xuất kinh doanh	E1_PN	7997554022	8056028115	58.474.093	58.474.093	
	Tổng cộng (tăng +, giảm -) phải nộp:				**[07]**	**58.474.093**	\
	Tổng cộng (tăng +, giảm -) khấu trừ:				**[08]**	**0**	\
	Tổng cộng (tăng +, giảm -) đề nghị hoàn:				**[09]**	**0**	\

B. Tài liệu kèm theo (nếu có):

STT	Tên chỉ tiêu điều chỉnh/ Tên hàng hóa, dịch vụ
1	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./...

Ngày 08 tháng 06 năm 2024

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

HÀ HUY GIÁP

Ký điện tử bởi: *CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC QUỐC TẾ GAIA.*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Mẫu số: **03/TNDN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (MẪU SỐ 03/TNDN)

(Áp dụng đối với phương pháp doanh thu - chi phí)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2024 Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024)

[02] Lần đầu: [ ] **[03]** Bổ sung lần thứ: [1]

[04] Ngành nghề có tỷ lệ doanh thu cao nhất: P85 - Giáo dục và đào tạo

[05] Tỷ lệ (%): 100,00 %

[06] Tên người nộp thuế: Công ty CP phát triển giáo dục quốc tế Gaia

[07] Mã số thuế: 0313730269

[08] Tên đại lý thuế (nếu có):

[09] Mã số thuế:

[10] Hợp đồng đại lý thuế: Số Ngày:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*
A	**Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính**	**A**	
1	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	A1	105.723.826.566
B	**Xác định thu nhập chịu thuế theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp**	**B**	
1	**Điều chỉnh tăng tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B1= B2+B3+B4+B5+B6+B7)**	**B1**	160.007.334.920
1.1	Các khoản điều chỉnh tăng doanh thu	B2	0
1.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh giảm	B3	0
1.3	Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế	B4	160.007.334.920
1.4	Thuế thu nhập đã nộp cho phần thu nhập nhận được ở nước ngoài	B5	0
1.5	Điều chỉnh tăng lợi nhuận do xác định giá thị trường đối với giao dịch liên kết	B6	0
1.6	Các khoản điều chỉnh làm tăng lợi nhuận trước thuế khác	B7	0
2	**Điều chỉnh giảm tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B8=B9+B10+B11+B12)**	**B8**	0
2.1	Giảm trừ các khoản doanh thu đã tính thuế năm trước	B9	0
2.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh tăng	B10	0
2.3	Chi phí lãi vay không được trừ kỳ trước được chuyển sang kỳ này của doanh nghiệp có giao dịch liên kết	B11	0
2.4	Các khoản điều chỉnh làm giảm lợi nhuận trước thuế khác	B12	0
3	**Tổng thu nhập chịu thuế (B13=A1+B1-B8)**	**B13**	265.731.161.486
3.1	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh	B14	265.731.161.486
3.2	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động chuyển nhượng BĐS	B15	0
C	**Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) phải nộp từ hoạt động sản xuất kinh doanh**		
1	Thu nhập chịu thuế (C1 = B14)	C1	265.731.161.486
2	Thu nhập miễn thuế	C2	0
	Loại thu nhập miễn thuế		
3	Chuyển lỗ và bù trừ lãi, lỗ (C3=C3a+C3b)	C3	0
	Trong đó:		
3.1	*+ Lỗ từ hoạt động SXKD được chuyển trong kỳ*	*C3a*	0
3.2	*+ Lỗ từ chuyển nhượng BĐS được bù trừ với lãi của hoạt động SXKD*	*C3b*	0

4	Thu nhập tính thuế (TNTT) (C4=C1-C2-C3)	C4	265.731.161.486
5	Trích lập quỹ khoa học công nghệ (nếu có)	C5	0
6	TNTT sau khi đã trích lập quỹ khoa học công nghệ (C6=C4-C5=C7+C8)	C6	265.731.161.486
	Trong đó:		
6.1	*+ Thu nhập tính thuế áp dụng thuế suất 20%*	*C7*	265.731.161.486
6.2	*+ Thu nhập tính thuế tính theo thuế suất không ưu đãi khác*	*C8*	0
6.3	*+ Thuế suất không ưu đãi khác (%)*	*C8a*	0
7	Thuế TNDN từ hoạt động SXKD tính theo thuế suất không ưu đãi(C9 =(C7 x 20%) + (C8 x C8a))	C9	53.146.232.297
8	Thuế TNDN được ưu đãi theo Luật thuế TNDN(C10 = C11 + C12 + C13)	C10	39.859.674.224
	Trong đó:		
8.1	*+ Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng mức thuế suất ưu đãi*	*C11*	13.286.558.075
8.2	*+ Thuế TNDN được miễn trong kỳ*	*C12*	0
8.3	*+ Thuế TNDN được giảm trong kỳ*	*C13*	26.573.116.149
9	Thuế TNDN được miễn, giảm theo Hiệp định thuế	C14	0
10	Thuế TNDN được miễn, giảm theo từng thời kỳ	C15	0
11	Thuế thu nhập đã nộp ở nước ngoài được trừ trong kỳ tính thuế	C16	0
12	Thuế TNDN phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh(C17=C9-C10-C14-C15-C16)	C17	13.286.558.073
D	**Thuế TNDN phải nộp từ hoạt động chuyển nhượng BĐS**	**D**	
1	Thu nhập chịu thuế (D1 = B15)	D1	0
2	Lỗ từ hoạt động chuyển nhượng BĐS được chuyển trong kỳ	D2	0
3	Thu nhập tính thuế (D3=D1-D2)	D3	0
4	Trích lập quỹ khoa học công nghệ (nếu có)	D4	0
5	TNTT sau khi đã trích lập quỹ khoa học công nghệ (D5=D3-D4)	D5	0
6	Thuế TNDN phải nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS trong kỳ	D6	0
7	Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng mức thuế suất ưu đãi đối với thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư - kinh doanh nhà ở xã hội để bán, cho thuê, cho thuê mua	D7	0
8	Thuế TNDN của hoạt động chuyển nhượng BĐS còn phải nộp kỳ này (D8=D6-D7)	D8	0
E	**Số thuế TNDN phải nộp quyết toán trong kỳ (E=E1+E2+E5)**	**E**	**13.286.558.073**
1	Thuế TNDN của hoạt động sản xuất kinh doanh	E1	13.286.558.073
2	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản (E2=E3+E4)	E2	0
2.1	*Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản*	*E3*	0
2.2	*Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ*	*E4*	0
3	Thuế TNDN phải nộp khác (nếu có)	E5	0
3.1	*Trong đó thuế TNDN từ xử lý Quỹ phát triển khoa học công nghệ*	*E6*	0
G	**Số thuế TNDN đã tạm nộp (G=G1+G2+G3+G4+G5)**	**G**	9.000.000.000
1	***Thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh***		9.000.000.000
1.1	Thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này	G1	0
1.2	Thuế TNDN đã tạm nộp trong năm	G2	9.000.000.000
2	***Thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS***		0
2.1	Thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này của hoạt động chuyển nhượng BĐS	G3	0
2.2	Thuế TNDN đã tạm nộp trong năm của hoạt động chuyển nhượng BĐS	G4	0
2.3	Thuế TNDN đã tạm nộp các kỳ trước và trong năm quyết toán của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ	G5	0

H	**Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp**	**H**	
1	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm của hoạt động sản xuất kinh doanh (H1=E1+E5-G2)	H1	4.286.558.073
2	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm của hoạt động chuyển nhượng BĐS (H2=E3-G4)	H2	0
3	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ (H3=E4-G5)	H3	0
I	**Số thuế TNDN còn phải nộp đến thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán thuế (I=E-G=I1+I2)**	**I**	**4.286.558.073**
1	Thuế TNDN còn phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh	I1=E1+E5-G1-G2	4.286.558.073
2	Thuế TNDN còn phải nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS	I2=E2-G3-G4-G5	0

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./...

Ngày 31 tháng 03 năm 2025

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

Hà Huy Giáp

Ghi chú:

1. TNDN: Thu nhập doanh nghiệp; BĐS: Bất động sản;
2. Chỉ tiêu G1, G3: NNT kê khai số thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang bù trừ với số thuế TNDN phải nộp kỳ này
3. Chỉ tiêu D11, G2, G4, G5: NNT kê khai số thuế TNDN đã tạm nộp vào NSNN tính đến thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán. Ví dụ: NNT có kỳ tính thuế từ 01/01/2021 đến 31/12/2021 thì số thuế TNDN đã tạm nộp trong năm là số thuế TNDN đã nộp cho kỳ tính thuế năm 2021 tính từ ngày 01/01/2021 đến hết ngày 31/3/2022.
4. Trường hợp NNT là doanh nghiệp xổ số có hoạt động sản xuất kinh doanh khác hoạt động kinh doanh xổ số thì NNT kê khai số thuế TNDN phải nộp của hoạt động kinh doanh xổ số vào chỉ tiêu E1, số thuế TNDN phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh khác vào chỉ tiêu E2, E3.
5. Các chỉ tiêu E, G: NNT không kê khai số thuế TNDN phải nộp, đã tạm nộp của hoạt động được hưởng ưu đãi khác tỉnh đã kê khai riêng.
6. Chỉ tiêu E4, G5, H3: NNT kê khai số thuế TNDN phải nộp, đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà được bàn giao kỳ này và có thu tiền ứng trước của khách hàng theo tiến độ (bao gồm số tiền đã thu của các kỳ trước và kỳ này).
7. Hạch toán số tiền 13.286.558.073 vào tiểu mục 1052: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động sản xuất kinh doanh (gồm cả dịch vụ trong lĩnh vực dầu khí)
8. Hạch toán số tiền 0 vào tiểu mục 1056: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động thăm dò, phát triển mỏ và khai thác dầu, khí thiên nhiên (không kể thuế thu nhập doanh nghiệp thu theo hiệp định, hợp đồng thăm dò, khai thác dầu khí)
9. Hạch toán số tiền 0 vào tiểu mục 1057: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động xổ số kiến thiết
10. Hạch toán số tiền 0 vào tiểu mục 1053: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ chuyển nhượng bất động sản

Ký điện tử bởi: *CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC QUỐC TẾ GAIA.*

PHỤ LỤC
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
Áp dụng đối với ngành sản xuất, thương mại, dịch vụ (trừ công ty an ninh, quốc phòng)
(Kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp số 03/TNDN)

Mẫu số: **03-1A/TNDN** (*Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính*)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2024

[02] Tên người nộp thuế: Công ty CP phát triển giáo dục quốc tế Gaia
[03] Mã số thuế: 0313730269

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*
	Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính:		
1	**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**[04]**	393.585.819.680
	Trong đó: - Doanh thu bán hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu	[05]	0
2	**Các khoản giảm trừ doanh thu ([06]=[07]+[08]+[09])**	**[06]**	0
a	Chiết khấu thương mại	[07]	0
b	Giảm giá hàng bán	[08]	0
c	Giá trị hàng bán bị trả lại	[09]	0
3	**Doanh thu hoạt động tài chính**	**[10]**	6.202.831
	Trong đó: Doanh thu từ lãi tiền gửi	[11]	6.202.831
4	**Chi phí sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ ([12]=[13]+[14]+[15])**	**[12]**	287.541.349.438
a	Giá vốn hàng bán	[13]	87.484.225.965
b	Chi phí bán hàng	[14]	120.865.528.424
c	Chi phí quản lý doanh nghiệp	[15]	79.191.595.049
5	**Chi phí tài chính**	**[16]**	0
	Trong đó: Chi phí lãi tiền vay	[17]	0
6	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh([18]=[04]-[06]+[10]-[12]-[16])**	**[18]**	106.050.673.073
7	**Thu nhập khác**	**[19]**	369.970
8	**Chi phí khác**	**[20]**	327.216.477
9	**Lợi nhuận khác ([21]=[19]-[20])**	**[21]**	(326.846.507)
10	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp ([22]=[18]+[21])**	**[22]**	105.723.826.566

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./...

Ngày 31 tháng 03 năm 2025

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

Hà Huy Giáp

Ghi chú: *Số liệu chỉ tiêu [22] được tổng hợp vào chỉ tiêu A1 của Tờ khai 03/TNDN*

Ký điện tử bởi: *CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC QUỐC TẾ GAIA.*

Mẫu số: 03-3D/TNDN
(*Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính*)

Phụ lục

THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ĐƯỢC ƯU ĐÃI

(Áp dụng đối với doanh nghiệp khoa học công nghệ hoặc doanh nghiệp thực hiện chuyển giao công nghệ thuộc lĩnh vực ưu tiên chuyển giao)

(Kê khai theo từng tỉnh nơi người nộp thuế có trụ sở chính, đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh khác tỉnh có thu nhập được hưởng ưu đãi đồng thời nộp Phụ lục này kèm tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp số 03/TNDN tại trụ sở chính)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2024 Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024)

[02] Lần đầu: [ ] **[03]** Bổ sung lần thứ: [1]

[04] Tên người nộp thuế: Công ty CP phát triển giáo dục quốc tế Gaia
[05] Mã số thuế: 0313730269
[06] Tên đại lý thuế (nếu có):
[07] Mã số thuế:
[08] Hợp đồng đại lý thuế: Số Ngày:
[09] Địa phương nơi có đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh có thu nhập được hưởng ưu đãi khác tỉnh nơi đóng trụ sở chính:
[09a] Xã phường: **[09b]** Quận/huyện: **[09c]** Tỉnh/Thành phố:

A. Xác định điều kiện và mức độ ưu đãi thuế:

[]Ưu đãi thuế TNDN dành cho doanh nghiệp thực hiện chuyển giao công nghệ thuộc lĩnh vực ưu tiên chuyển giao cho tổ chức, cá nhân ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Giá trị
1.	Doanh thu từ hoạt động chuyển giao công nghệ được giảm thuế	[10]	0
2.	Chi phí từ hoạt động chuyển giao công nghệ được giảm thuế	[11]	0
3.	Thu nhập tính thuế TNDN	[12]	0
4.	Tỷ lệ giảm thuế (%)	[13]	0
5.	Số thuế TNDN được giảm	[14]	0

[x] **Ưu đãi thuế TNDN dành cho doanh nghiệp khoa học công nghệ**

1. Số Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ: 50/ĐK-DNKHCN ngày cấp: 14/06/2018, nơi cấp: Sở khoa học và công nghệ

Danh mục công nghệ, sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất đủ điều kiện được hưởng ưu đãi:

1)

2. Xác định điều kiện về doanh thu để được hưởng ưu đãi

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
1.	Doanh thu từ việc sản xuất, kinh doanh các sản phẩm hình thành từ kết quả khoa học và công nghệ	[15]	393.585.819.680
2.	Tổng doanh thu của doanh nghiệp	[16]	393.585.819.680
3.	Tỷ lệ về doanh thu làm căn cứ xét ưu đãi thuế (%)	[17]	100,00
4.	Năm bắt đầu có thu nhập chịu thuế	[18]	2019

B. Xác định ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp của người nộp thuế tại trụ sở chính, đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh khác tỉnh

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tên NNT, đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh	Mã số thuế NNT, đơn vị phụ thuộc, mã địa điểm kinh doanh	Cơ quan thuế quản lý NNT, đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh	Xác định thời gian ưu đãi		Kết quả kinh doanh của hoạt động được hưởng ưu đãi				Xác định thuế TNDN phải nộp		Xác định số thuế được miễn, giảm			Tổng số thuế được ưu đãi
				Số năm	Từ năm	Doanh thu tính thuế	Chi phí tính thuế	Thu nhập miễn thuế	Chuyển lỗ và bù trừ lãi, lỗ	TNTT được hưởng ưu đãi	Thuế TNDN phải nộp theo thuế suất phổ thông	Tỷ lệ giảm thuế (%)	Số thuế được miễn	Số thuế được giảm	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*	*(16)=(14)+(15)*
1	Công ty CP phát triển giáo dục Quốc tế Gaia	0313730269	Đội Thuế Quận Tân Phú	15	2018	393.585.819.680	127.854.658.194	0	0	265.731.161.486	53.146.232.297	50	0	26.573.116.149	26.573.116.149
			Tổng cộng								**53.146.232.297**		**0**	**26.573.116.149**	**26.573.116.149**

C. Xác định số thuế TNDN phải nộp của hoạt động được hưởng ưu đãi thuế TNDN của đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh khác tỉnh

STT	Tên chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Giá trị
1	Thuế TNDN phải nộp của hoạt động được hưởng ưu đãi thuế TNDN ([23]=[19]-[22])	[23]	0
2	Thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này	[24]	0
3	Thuế TNDN đã tạm nộp trong năm	[25]	0
4	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm ([26]=[23]-[25])	[26]	0
5	Thuế TNDN còn phải nộp ([27]=[23]-[24]-[25])	[27]	0

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./...

Ngày 31 tháng 03 năm 2025

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

Hà Huy Giáp

Ghi chú:

1. NNT kê khai Phụ lục này theo từng tỉnh/thành phố nơi người nộp thuế có đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh khác tỉnh có thu nhập được hưởng ưu đãi, đồng thời nộp Phụ lục này kèm tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp số 03/TNDN khi kê khai tại trụ sở chính.
2. TNDN: Thu nhập doanh nghiệp;
3. Số liệu chỉ tiêu [20] tổng hợp vào chỉ tiêu C12 của tờ khai 03/TNDN;
4. Số liệu chỉ tiêu [14], [21] tổng hợp vào chỉ tiêu C13 của tờ khai 03/TNDN;
5. NNT không phải kê khai mục C nếu hoạt động được hưởng ưu đãi thuế TNDN của trụ sở chính.
6. Chỉ tiêu [09a], [09b], [09c]: Khai thông tin của đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh khác tỉnh có thu nhập được hưởng ưu đãi theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 11 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ. Trường hợp có nhiều đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh đóng trên nhiều địa bàn cấp huyện do Cục Thuế quản lý thì chọn 1 đơn vị đại diện để kê khai vào chỉ tiêu này. Trường hợp có nhiều đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh do Chi cục Thuế khu vực quản lý thì chọn 1 đơn vị đại diện cho địa bàn cấp huyện do Chi cục Thuế khu vực quản lý để kê khai vào chỉ tiêu này.

Ký điện tử bởi: *CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC QUỐC TẾ GAIA.*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Mẫu số: **01/KHBS**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TỜ KHAI BỔ SUNG

[01] Mẫu tờ khai: TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (Mẫu số 03/TNDN)
[02] Mã giao dịch điện tử:
[03] Kỳ tính thuế: Năm 2024
[04] Bổ sung lần thứ: 1
[05] Tên người nộp thuế: Công ty CP phát triển giáo dục quốc tế Gaia
[06] Mã số thuế: 0313730269
[07] Tên đại lý thuế (nếu có):
[08] Mã số thuế:
[09] Hợp đồng đại lý thuế: Số Ngày:

A. Xác định tăng/giảm số thuế phải nộp và tiền chậm nộp, tăng/giảm số thuế được khấu trừ, tăng/giảm số thuế đề nghị hoàn:

I. Xác định tăng/giảm số thuế phải nộp và tiền chậm nộp:

1. Số thuế phải nộp trên tờ khai điều chỉnh tăng/giảm:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tên Tiểu mục	Tăng/giảm số thuế phải nộp (tăng ghi (+), giảm ghi (-))
(1)	(2)	(3)
1	1052 - Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động sản xuất kinh doanh (gồm cả dịch vụ trong lĩnh vực dầu khí)	(150.288.102)
	Tổng cộng: [10]	**(150.288.102)**

2. Số thuế phải nộp trên Phụ lục phân bổ điều chỉnh tăng/giảm:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tên (đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh/tên mặt hàng/tỉnh nơi không có đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh/đơn vị tiêu thụ/cơ sở khai thác)	Mã số thuế/mã số địa điểm kinh doanh (nếu có)	Địa bàn hoạt động sản xuất, kinh doanh		Cơ quan thuế quản lý địa bàn nhận phân bổ	Số tiền thuế phải nộp điều chỉnh tăng/ giảm (tăng ghi (+), giảm ghi (-))
			Huyện	Tỉnh		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1						
	-					0
Tổng cộng: [11]						**0**

3. Xác định số tiền chậm nộp điều chỉnh tăng/giảm (tăng ghi (+), giảm ghi (-)):
a) Số ngày chậm nộp tính đến ngày 28/05/2025: 58
b) Số tiền chậm nộp tăng/giảm: (2.615.013)

II. Số thuế được khấu trừ điều chỉnh tăng/giảm:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tên Tiểu mục	Tăng/giảm số thuế khấu trừ (tăng ghi (+), giảm ghi (-))
(1)	(2)	(3)
1	-	0
	Tổng cộng: [12]	**0**

III. Số thuế đề nghị hoàn điều chỉnh tăng/giảm:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tên Tiểu mục	Tăng/giảm số thuế đề nghị hoàn (tăng ghi (+), giảm ghi (-))
(1)	(2)	(3)
1	-	0
	Tổng cộng: [13]	**0**

B. Số thuế thu hồi hoàn và tiền chậm nộp (nếu có):

I. Số thuế thu hồi hoàn:

1. Số tiền thu hồi hoàn: 0: Đồng Việt Nam.
2. Quyết định hoàn thuế: Số ngày cơ quan thuế ban hành quyết định

3. Lệnh hoàn thuế: Số ngày

II. Tiền chậm nộp:

1. Số ngày nhận được tiền hoàn thuế: 0

2. Số tiền chậm nộp (= số tiền đã được hoàn phải nộp trả NSNN x số ngày nhận được tiền hoàn thuế x mức chậm nộp): 0

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./...

Ngày 31 tháng 03 năm 2025

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

Hà Huy Giáp

Ký điện tử bởi: *CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC QUỐC TẾ GAIA.*

		QUỐC TẾ GAIA		động sản xuất kinh doanh (gồm cả dịch vụ trong lĩnh vực dầu khí)						phố Hồ Chí Minh
2	0313730269	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC QUỐC TẾ GAIA	857	1001 - Thuế thu nhập từ tiền lương, tiền công	VND	743,606,584	743,606,584	0	0	Phường Tân Sơn Nhì - Thuế cơ sở 17 Thành phố Hồ Chí Minh
3	0313730269	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC QUỐC TẾ GAIA	854	4254 - Phạt VPHC trong lĩnh vực thuế thuộc thẩm quyền ra quyết định của CQ thuế (không bao gồm phạt vi phạm hành chính đối với Luật thuế thu nhập cá nhân)	VND	949,491,363	949,491,363	0	0	Phường Tân Sơn Nhì - Thuế cơ sở 17 Thành phố Hồ Chí Minh
4	0313730269	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC QUỐC TẾ GAIA	854	4918 - Tiền chậm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm tiền chậm nộp	VND	1,176,340,260	1,176,340,260	0	0	Phường Tân Sơn Nhì - Thuế cơ sở 17 Thành phố Hồ Chí Minh

3. Lệnh hoàn thuế: Số ngày

II. Tiền chậm nộp:

1. Số ngày nhận được tiền hoàn thuế: 0

2. Số tiền chậm nộp (= số tiền đã được hoàn phải nộp trả NSNN x số ngày nhận được tiền hoàn thuế x mức chậm nộp): 0

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./...

Ngày 31 tháng 03 năm 2025

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

Hà Huy Giáp

Ký điện tử bởi: *CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC QUỐC TẾ GAIA.*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Mẫu số: **01-1/KHBS**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢN GIẢI TRÌNH KHAI BỔ SUNG

(Kèm theo Tờ khai bổ sung mẫu số 01/KHBS)

[01] Mẫu tờ khai: TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (Mẫu số 03/TNDN)
[02] Mã giao dịch điện tử:
[03] Kỳ tính thuế: Năm 2024
[04] Bổ sung lần thứ: 1
[05] Tên người nộp thuế: Công ty CP phát triển giáo dục quốc tế Gaia
[06] Mã số thuế: 0313730269

A. Thông tin khai bổ sung:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tên chỉ tiêu điều chỉnh/ Tên hàng hóa, dịch vụ	Mã số chỉ tiêu	Số đã kê khai	Số điều chỉnh	Chênh lệch/thay đổi giữa số điều chỉnh với số đã kê khai	Điều chỉnh tăng/giảm nghĩa vụ thuế	Lý do
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)	(8)
1	**03/TNDN**						
	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	A1	105841689067	105723826566	(117.862.501)	0	
	Điều chỉnh tăng tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B1= B2+B3+B4+B5+B6+B7)	B1	162895234432	160007334920	(2.887.899.512)	0	
	Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế	B4	162895234432	160007334920	(2.887.899.512)	0	
	Tổng thu nhập chịu thuế (B13=A1+B1-B8)	B13	268736923499	265731161486	(3.005.762.013)	0	
	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh	B14	268736923499	265731161486	(3.005.762.013)	0	
	Thu nhập chịu thuế (C1 = B14)	C1	268736923499	265731161486	(3.005.762.013)	0	
	Thu nhập tính thuế (TNTT) (C4=C1-C2-C3)	C4	268736923499	265731161486	(3.005.762.013)	0	
	TNTT sau khi đã trích lập quỹ khoa học công nghệ (C6=C4-C5=C7+C8)	C6	268736923499	265731161486	(3.005.762.013)	0	
	Thu nhập tính thuế áp dụng thuế suất 20	C7	268736923499	265731161486	(3.005.762.013)	0	
	Thuế TNDN từ hoạt động SXKD tính theo thuế suất không ưu đãi (C9 =(C7 x 20%) + (C8 x C8a))	C9	53747384700	53146232297	(601.152.403)	0	
	Thuế TNDN được ưu đãi theo Luật thuế TNDN (C10 = C11 + C12 + C13)	C10	40310538525	39859674224	(450.864.301)	0	
	Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng mức thuế suất ưu đãi	C11	13436846175	13286558075	(150.288.100)	0	
	Thuế TNDN được giảm trong kỳ	C13	26873692350	26573116149	(300.576.201)	0	
	Thuế TNDN phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh (C17=C9-C10-C14-C15-C16)	C17	13436846175	13286558073	(150.288.102)	0	
	Số thuế TNDN phải nộp quyết toán trong kỳ (E=E1+E2+E5)	E	13436846175	13286558073	(150.288.102)	0	
	Thuế TNDN của hoạt động sản xuất kinh doanh	E1	13436846175	13286558073	(150.288.102)	0	
	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm của hoạt						

	động sản xuất kinh doanh (H1=E1+E5-G2)	H1	4436846175	4286558073	(150.288.102)	0	
	Số thuế TNDN còn phải nộp đến thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán thuế (I=E-G=I1+I2)	I	4436846175	4286558073	(150.288.102)	0	
	Thuế TNDN còn phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh	I1	4436846175	4286558073	(150.288.102)	0	
	1052 - Số phải nộp/Thuế TNDN của hoạt động sản xuất kinh doanh	E1_PN	13436846175	13286558073	(150.288.102)	(150.288.102)	
	Tổng cộng (tăng +, giảm -) phải nộp:				**[07]**	**(150.288.102)**	\
	Tổng cộng (tăng +, giảm -) khấu trừ:				**[08]**	**0**	\
	Tổng cộng (tăng +, giảm -) đề nghị hoàn:				**[09]**	**0**	\

B. Tài liệu kèm theo (nếu có):

STT	Tên chỉ tiêu điều chỉnh/ Tên hàng hóa, dịch vụ
1	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./...

Ngày 31 tháng 03 năm 2025

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

Hà Huy Giáp

Ký điện tử bởi: *CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC QUỐC TẾ GAIA.*

Mẫu số: **01/ĐNXN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN VIỆC THỰC HIỆN NGHĨA VỤ THUẾ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Kính gửi: Thuế cơ sở 17 Thành phố Hồ Chí Minh

☒ Xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách nhà nước

☐ Xác nhận số thuế đã nộp ngân sách nhà nước

☐ Xác nhận cho Nhà thầu nước ngoài không trực tiếp kê khai, nộp thuế với cơ quan thuế mà do tổ chức, cá nhân Bên Việt Nam khấu trừ, nộp thay

[01] Tên người nộp thuế: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC QUỐC TẾ (

[02] Mã số thuế: 0313730269

[03] Tên đại lý thuế (nếu có):

[04] Mã số thuế:

[05] Hợp đồng đại lý thuế: Số ngày

Căn cứ quy định tại Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn Luật Quản lý thuế, đề nghị cơ quan thuế xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ thuế như sau:

1. Thời gian đề nghị xác nhận (năm dương lịch): Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024

2. Thông tin nghĩa vụ thuế đề nghị xác nhận:

STT	Mã số thuế	Tên người nộp thuế	Chương	Tiểu mục	Loại tiền	Số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt phải nộp	Số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt đã nộp	Số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt còn phải nộp hoặc nộp thừa (+/-)	Số tiền thuế GTGT, TTĐB còn được khấu trừ	Cơ quan thu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	0313730269	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN GIÁO	854	1052 - Thuế thu nhập doanh nghiệp từ	VND	7,974,542,306	7,974,542,306	0	0	Phường Tân Sơn Nhì - Thuế cơ sở 17

		GIÁO DỤC QUỐC TẾ GAIA		từ hoạt động sản xuất kinh doanh (gồm cả dịch vụ trong lĩnh vực dầu khí)						17 Thành phố Hồ Chí Minh
2	0313730269	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC QUỐC TẾ GAIA	857	1001 - Thuế thu nhập từ tiền lương, tiền công	VND	471,501,629	471,501,629	0	0	Phường Tân Sơn Nhì - Thuế cơ sở 17 Thành phố Hồ Chí Minh
3	0313730269	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC QUỐC TẾ GAIA	854	2863 - Lệ phí môn bài mức (bậc) 2	VND	2,000,000	2,000,000	0	0	Phường Tân Sơn Nhì - Thuế cơ sở 17 Thành phố Hồ Chí Minh
4	0313730269	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC QUỐC TẾ GAIA	854	2864 - Lệ phí môn bài mức (bậc) 3	VND	1,000,000	1,000,000	0	0	Phường Tân Sơn Nhì - Thuế cơ sở 17 Thành phố Hồ Chí Minh
TỔNG CỘNG *(Chi tiết theo từng loại tiền)*						8,449,043,935 VND	8,449,043,935 VND	0 VND	0 VND	

3. Lý do đề nghị: Xác nhận Công ty cổ phần phát triển giáo dục quốc tế gaia đã nộp đủ tiền thuế theo yêu cầu của cơ quan thuế và đến nay không tồn tại nợ thuế.

4. Thông tin, tài liệu gửi kèm *(ghi rõ tên tài liệu, bản chính, bản sao)*:

5. Hình thức đề nghị nhận kết quả xác nhận:

☒ Qua tài khoản giao dịch thuế điện tử tại: Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế

☐ Qua bưu điện theo địa chỉ:

....., ngày.....tháng.....năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ **NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc ĐẠI DIỆN**

HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu(nếu có)/Ký điện tử)

Họ và tên: .....

Chứng chỉ hành nghề số: .....

Người ký :	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC QUỐC TẾ GAIA
Ngày ký :	13/08/2025 16:43:59

Người ký :	CỤC THUẾ
Ngày ký :	13/08/2025 16:44:35

Quay lại | In GXN

Mẫu số: **01/ĐNXN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN VIỆC THỰC HIỆN NGHĨA VỤ THUẾ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Kính gửi: Thuế cơ sở 17 Thành phố Hồ Chí Minh

[X] Xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách nhà nước

[ ] Xác nhận số thuế đã nộp ngân sách nhà nước

[ ] Xác nhận cho Nhà thầu nước ngoài không trực tiếp kê khai, nộp thuế với cơ quan thuế mà do tổ chức, cá nhân Bên Việt Nam khấu trừ, nộp thay

[01] Tên người nộp thuế: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC QUỐC TẾ G

[02] Mã số thuế: 0313730269

[03] Tên đại lý thuế (nếu có):

[04] Mã số thuế:

[05] Hợp đồng đại lý thuế: Số ngày

Căn cứ quy định tại Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn Luật Quản lý thuế, đề nghị cơ quan thuế xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ thuế như sau:

1. Thời gian đề nghị xác nhận (năm dương lịch): Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 12/08/2025

2. Thông tin nghĩa vụ thuế đề nghị xác nhận:

STT	Mã số thuế	Tên người nộp thuế	Chương	Tiểu mục	Loại tiền	Số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt phải nộp	Số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt đã nộp	Số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt còn phải nộp hoặc nộp thừa (+/-)	Số tiền thuế GTGT, TTĐB còn được khấu trừ	Cơ quan thu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	0313730269	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC	854	1052 - Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoat	VND	18,016,514,887	18,016,514,887	0	0	Phường Tân Sơn Nhì - Thuế cơ sở 17 Thành

		QUỐC TẾ GAIA		động sản xuất kinh doanh (gồm cả dịch vụ trong lĩnh vực dầu khí)						phố Hồ Chí Minh
2	0313730269	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC QUỐC TẾ GAIA	857	1001 - Thuế thu nhập từ tiền lương, tiền công	VND	743,606,584	743,606,584	0	0	Phường Tân Sơn Nhì - Thuế cơ sở 17 Thành phố Hồ Chí Minh
3	0313730269	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC QUỐC TẾ GAIA	854	4254 - Phạt VPHC trong lĩnh vực thuế thuộc thẩm quyền ra quyết định của CQ thuế (không bao gồm phạt vi phạm hành chính đối với Luật thuế thu nhập cá nhân)	VND	949,491,363	949,491,363	0	0	Phường Tân Sơn Nhì - Thuế cơ sở 17 Thành phố Hồ Chí Minh
4	0313730269	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC QUỐC TẾ GAIA	854	4918 - Tiền chậm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm tiền chậm nộp	VND	1,176,340,260	1,176,340,260	0	0	Phường Tân Sơn Nhì - Thuế cơ sở 17 Thành phố Hồ Chí Minh

				...ộp thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí)						
5	0313730269	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC QUỐC TẾ GAIA	854	2864 - Lệ phí môn bài mức (bậc) 3	VND	4,000,000	4,000,000	0	0	Phường Tân Sơn Nhì - Thuế cơ sở 17 Thành phố Hồ Chí Minh
TỔNG CỘNG *(Chi tiết theo từng loại tiền)*						20,889,953,094 VND	20,889,953,094 VND	0 VND	0 VND	

3. Lý do đề nghị: Xác nhân Công ty cổ phần phát triển giáo dục quốc tế Gaia đã nộp đủ tiền thuế theo yêu cầu của cơ quan thuế và đến nay không tồn tại nợ thuế.

4. Thông tin, tài liệu gửi kèm *(ghi rõ tên tài liệu, bản chính, bản sao)*:

5. Hình thức đề nghị nhận kết quả xác nhận:

☒ Qua tài khoản giao dịch thuế điện tử tại: Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế

☐ Qua bưu điện theo địa chỉ:

....., ngày.....tháng.....năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên: .....

Chứng chỉ hành nghề số: .....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu(nếu có)/Ký điện tử)

Người ký : CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC QUỐC TẾ GAIA
Ngày ký : 13/08/2025 16:50:55

Người ký : CỤC THUẾ
Ngày ký : 13/08/2025 16:51:27

Quay lại | In GXN

THUẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THUẾ CƠ SỞ 17
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Số: 36635/TB-TCS17-KDT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Tân Sơn Nhì, ngày 19 tháng 8 năm 2025

THÔNG BÁO
Về việc xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách nhà nước

Căn cứ quy định tại Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Văn bản đề nghị xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách nhà nước số 1122025033655447 8 ngày 13/08/2025 của CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC QUỐC TẾ GAIA, 0313730269 gửi cơ quan thuế ngày 13/08/2025;

Căn cứ thông tin người nộp thuế đề nghị và thông tin quản lý thuế trên Hệ thống ứng dụng quản lý thuế của cơ quan thuế tính đến ngày 13/08/2025, cơ quan thuế thông báo như sau:

1. Thời gian thực hiện nghĩa vụ thuế (năm dương lịch): Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024.

2. Thông tin thực hiện nghĩa vụ thuế:

STT	Mã số thuế	Tên người nộp thuế	Chương	Tiểu mục	Loại tiền	Số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt phải nộp	Số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt đã nộp	Số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt còn phải nộp hoặc nộp thừa (+/-)	Số tiền thuế GTGT, TTĐB còn được khấu trừ	Cơ quan thu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1	0313730269	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC QUỐC TẾ GAIA	757	1001	VND	471.501.629	-471.501.629	0	0	Phường Tân Sơn Nhì - Thuế cơ sở 17 Thành phố Hồ Chí Minh	
2	0313730269	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC QUỐC TẾ GAIA	754	1052	VND	7.974.542.306	-7.974.542.306	0	0	Phường Tân Sơn Nhì - Thuế cơ sở 17 Thành phố Hồ Chí Minh	

STT	Mã số thuế	Tên người nộp thuế	Chương	Tiểu mục	Loại tiền	Số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt phải nộp	Số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt đã nộp	Số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt còn phải nộp hoặc nộp thừa (+/-)	Số tiền thuế GTGT, TTĐB còn được khấu trừ	Cơ quan thu	Ghi chú
3	0313730269	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC QUỐC TẾ GAIA	754	2863	VND	2.000.000	-2.000.000	0	0	Phường Tân Sơn Nhì - Thuế cơ sở 17 Thành phố Hồ Chí Minh	
4	0313730269	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC QUỐC TẾ GAIA	754	2864	VND	1.000.000	-1.000.000	0	0	Phường Tân Sơn Nhì - Thuế cơ sở 17 Thành phố Hồ Chí Minh	
TỔNG CỘNG					**VND**	**8.449.043.935**	**-8.449.043.935**	**0**	**0**		

3. Thông tin vi phạm hành chính thuế của người nộp thuế (nếu có):

Nếu có vướng mắc, đề nghị người nộp thuế liên hệ với Thuế cơ sở 17 Thành phố Hồ Chí Minh, 945 Âu Cơ, Tân Sơn Nhì, Thành phố Hồ Chí Minh để được hỗ trợ.

Thuế cơ sở 17 Thành phố Hồ Chí Minh thông báo để người nộp thuế được biết./.

Nơi nhận:
- CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC QUỐC TẾ GAIA, Số 3 Nguyễn Thế Lộc, [illegible] iền, Tp Hồ Chí Minh, Phường Tân Sơn Nhì, TP Hồ Chí Minh;
- Lưu

PHÓ TRƯỞNG THUẾ CƠ SỞ

CỘNG HOÀ X.H.C.N. VIỆT NAM
THUẾ CƠ SỞ 17 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Võ Tiến Dũng

THUẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THUẾ CƠ SỞ 17
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Số: 36636 /TB-TCS17-KDT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Tân Sơn Nhì, ngày 19 tháng 8 năm 2025

THÔNG BÁO
Về việc xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách nhà nước

Căn cứ quy định tại Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Văn bản đề nghị xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách nhà nước số 1122025033655622 3 ngày 13/08/2025 của CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC QUỐC TẾ GAIA, 0313730269 gửi cơ quan thuế ngày 13/08/2025;

Căn cứ thông tin người nộp thuế đề nghị và thông tin quản lý thuế trên Hệ thống ứng dụng quản lý thuế của cơ quan thuế tính đến ngày 13/08/2025, cơ quan thuế thông báo như sau:

1. Thời gian thực hiện nghĩa vụ thuế (năm dương lịch): Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 12/08/2025.

2. Thông tin thực hiện nghĩa vụ thuế:

STT	Mã số thuế	Tên người nộp thuế	Chương	Tiểu mục	Loại tiền	Số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt phải nộp	Số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt đã nộp	Số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt còn phải nộp hoặc nộp thừa (+/-)	Số tiền thuế GTGT, TTĐB còn được khấu trừ	Cơ quan thu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1	0313730269	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC QUỐC TẾ GAIA	754	1052	VND	18.016.514.887	-13.436.846.175	4.579.668.712	0	Phường Tân Sơn Nhì - Thuế cơ sở 17 Thành phố Hồ Chí Minh	
2	0313730269	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC QUỐC TẾ GAIA	757	1001	VND	743.606.584	-604.193.158	139.413.426	0	Phường Tân Sơn Nhì - Thuế cơ sở 17 Thành phố Hồ Chí Minh	

STT	Mã số thuế	Tên người nộp thuế	Chương	Tiểu mục	Loại tiền	Số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt phải nộp	Số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt đã nộp	Số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt còn phải nộp hoặc nộp thừa (+/-)	Số tiền thuế GTGT, TTĐB còn được khấu trừ	Cơ quan thu	Ghi chú
3	0313730269	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC QUỐC TẾ GAIA	754	4254	VND	949.491.363	0	949.491.363	0	Phường Tân Sơn Nhì - Thuế cơ sở 17 Thành phố Hồ Chí Minh	
4	0313730269	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC QUỐC TẾ GAIA	754	4918	VND	1.176.340.260	0	1.176.340.260	0	Phường Tân Sơn Nhì - Thuế cơ sở 17 Thành phố Hồ Chí Minh	
5	0313730269	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC QUỐC TẾ GAIA	754	2864	VND	2.000.000	-2.000.000	0	0	Phường Tân Sơn Nhì - Thuế cơ sở 17 Thành phố Hồ Chí Minh	
6	0313730269	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC QUỐC TẾ GAIA	857	1001	VND	0	-139.413.426	-139.413.426	0	Phường Tân Sơn Nhì - Thuế cơ sở 17 Thành phố Hồ Chí Minh	
7	0313730269	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC QUỐC TẾ GAIA	854	1052	VND	0	-4.579.668.712	-4.579.668.712	0	Phường Tân Sơn Nhì - Thuế cơ sở 17 Thành phố Hồ Chí Minh	

STT	Mã số thuế	Tên người nộp thuế	Chương	Tiểu mục	Loại tiền	Số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt phải nộp	Số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt đã nộp	Số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt còn phải nộp hoặc nộp thừa (+/-)	Số tiền thuế GTGT, TTĐB còn được khấu trừ	Cơ quan thu	Ghi chú
8	0313730269	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC QUỐC TẾ GAIA	854	4918	VND	0	-1.176.340.260	-1.176.340.260	0	Phường Tân Sơn Nhì - Thuế cơ sở 17 Thành phố Hồ Chí Minh	
9	0313730269	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC QUỐC TẾ GAIA	854	4254	VND	0	-949.491.363	-949.491.363	0	Phường Tân Sơn Nhì - Thuế cơ sở 17 Thành phố Hồ Chí Minh	
TỔNG CỘNG					**VND**	**20.887.953.094**	**-20.887.953.094**	**0**	**0**		

3. Thông tin vi phạm hành chính thuế của người nộp thuế (nếu có):

Nếu có vướng mắc, đề nghị người nộp thuế liên hệ với Thuế cơ sở 17 Thành phố Hồ Chí Minh, 945 Âu Cơ, Tân Sơn Nhì, Thành phố Hồ Chí Minh để được hỗ trợ.

Thuế cơ sở 17 Thành phố Hồ Chí Minh thông báo để người nộp thuế được biết./.

Nơi nhận:
- CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC QUỐC TẾ GAIA, Số 3 Nguyễn Thế Lộc, phường Bảy [illegible] Chí Minh, Phường Tân Sơn Nhì, TP Hồ Chí Minh;
- Lưu: VT, lnguye

PHÓ TRƯỞNG THUẾ CƠ SỞ

CỘNG HOÀ X.H.C.N. VIỆT NAM
THUẾ CƠ SỞ 17
THÀNH PHỐ
HỒ CHÍ MINH

Võ Tiến Dũng

NĂNG LỰC GIÁO VIÊN GIẢNG DẠY

STT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn (Trung cấp, Cao đẳng, Đại học, Thạc sĩ, Tiến sĩ, khác…)	Trường đào tạo	Vị trí công tác
1	Nguyễn Thị Thu Hà	1984	Thạc sỹ ngành Quản lý giáo dục	Học viện Quản lý giáo dục	Quản lý
2	Nguyễn Hoàng Thanh Trúc	1987	Cử nhân Giáo dục Chính trị	Đại học Sài Gòn	Quản lý
3	Trương Thị Thu Thường	1992	Thạc sỹ Công tác xã hội - Nghiệp vụ giảng dạy sư phạm	Đại học Lao động - xã hội	Chuyên viên
4	Trần Thị Dương Liễu	1989	Thạc sỹ Tâm lý học- Nghiệp vụ giảng dạy sư phạm	Đại học Sư phạm Tp. Hcm	Chuyên viên
5	Nguyễn Ngọc Thanh Vy	1989	Thạc sỹ Nhân học - Nghiệp vụ giảng dạy sư phạm	Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn	Chuyên viên
6	Võ Thị Thanh Hiền	1997	Thạc sỹ Hóa Hữu Cơ - Cử Nhân sư Phạm hóa học	Đại học Khoa học Tự Nhiên	Giáo viên
7	Đỗ Hương Giang	1995	Thạc sĩ Tâm lý học - Nghiệp vụ giảng dạy sư phạm	Đại học Giáo dục	Giáo viên
8	Đặng Gia Bảo	1995	Cử nhân ngành Giáo dục tiểu học	Đại học Vinh	Giáo viên
9	Nguyễn Huỳnh Phương Dung	2001	Cử nhân ngành Giáo dục tiểu học	Đại học Sài Gòn	Giáo viên
10	Lê Thúy Hằng	1998	Cử nhân ngành Giáo dục tiểu học	Đại học Sư phạm Tp. Hcm	Giáo viên
11	Nguyễn Thị Bảo Trâm	1997	Cử nhân ngành Giáo dục tiểu học	Đại học Sài Gòn	Giáo viên
12	Hồ Thị Phương Thảo	1997	Cử nhân ngành Giáo dục tiểu học	Đại học Sài Gòn	Giáo viên
13	Trần Thị Minh Trang	1997	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	Đại học Sài Gòn	Giáo viên
14	Nguyễn Thị Như Thủy	1997	Cử nhân Tâm lý học- Nghiệp vụ giảng dạy sư phạm	Đại học Sư phạm TP.HCM	Giáo viên
15	Võ Thị Thanh Phúc	2001	Cử nhân Tâm lý học- Nghiệp vụ giảng dạy sư phạm	Đại học Sư phạm Tp.Hồ Chí Minh	Giáo viên
16	Võ Thị Trân Châu	1994	Sư phạm Sinh học	Đại học Sư phạm Tp.Hồ Chí Minh	Giáo viên
17	Phan Thị Thu Hường	1989	Cử nhân sư phạm Lịch sử - giáo dục- Quốc phòng	Đại học Sư phạm TP.HCM	Giáo viên
18	Huỳnh Thị Tuyết Ngân	1998	Cử nhân ngành Sư phạm Địa lý	Đại học Sư phạm TP.HCM	Giáo viên
19	Mai Anh Thư	1998	Cử nhân Quản lý giáo dục	Đại học Sài Gòn	Giáo viên
20	Trần Thị Lê Na	2000	Cử nhân Tâm lý học- Nghiệp vụ giảng dạy sư phạm	Đại học Sư phạm Tp. Hcm	Giáo viên
21	Hồ Đa My	1997	Cử nhân Tâm lý học- Nghiệp vụ giảng dạy sư phạm	Đại học Sài Gòn	Giáo viên

STT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn (Trung cấp, Cao đẳng, Đại học, Thạc sĩ, Tiến sĩ, khác...)	Trường đào tạo	Vị trí công tác
22	Đỗ Ngọc Thị Vân	1998	Cử nhân ngành Sư phạm sinh học	Đại học Sư phạm Hà Nội	Giáo viên
23	Vũ Thị Yến	1994	Cử nhân ngành Sư phạm hóa học	Đại học Sư phạm Hà Nội 2	Giáo viên
24	Phạm Thị Trang	1998	Cử nhân ngành Tâm lý giáo dục	Đại học Sư phạm Hà Nội	Giáo viên
25	Hoàng Minh Hằng	2000	Cử nhân ngành Tâm lý học - Nghiệp vụ giảng dạy sư phạm	Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn	Giáo viên
26	Mai Bảo Trâm	1997	Cử nhân ngành Giáo dục tiểu học	Đại học Thủ đô Hà Nội	Giáo viên
27	Nguyễn Thúy Hạnh	1999	Cử nhân ngành Giáo dục công dân	Đại học Thủ đô Hà Nội	Giáo viên
28	Âu Thị Hoàng Yến	1993	Cử nhân ngành Sư phạm Toán học	Đại học Sư phạm Hà Nội	Giáo viên
29	Trần Phương Vy Thảo	1999	Cử nhân ngành Hóa học	Đại học Sư phạm Tp. Hcm	Giáo viên
30	Lê Thị Nam	1994	Cử nhân sư phạm Vật lý	Đại học sư phạm -ĐH Thái Nguyên	Giáo viên
31	Lê Thị Ý	1995	Cử nhân sư phạm Vật lý	Đại học Sư phạm Tp. Hcm	Giáo viên
32	Võ Văn Tài	2001	Cử nhân sư phạm Vật lý	Đại học Sư phạm Tp. Hcm	Giáo viên
33	Dương Thị Thảo	2001	Cử nhân sư phạm Hóa học	Đại học Quy Nhơn	Giáo viên
34	Phạm Trường Giang		Cử nhân sư phạm Vật lý	Đại học Đồng Tháp	Giáo viên
35	Nguyễn Thị Hồng Nhung	1991	Cử nhân ngành Sư phạm Ngữ văn - Địa lý	Đại học Hải Phòng	Giáo viên
36	Võ Huyền Trâm	1995	Cử nhân sư phạm Vật lý	Đại học Sư phạm Tp.Hồ Chí Minh	Giáo viên
37	Dương Thị Ngọc Trắng	1990	Cử nhân Sư phạm Văn Học	Đại học Bình Dương	Giáo viên
38	Huỳnh Kiều Phương	1991	Cử nhân Tiếng Việt và Văn hóa Việt Nam	Đại học Cửu Long	Giáo viên
39	Nguyễn Văn Tuấn	1994	Cử nhân Giáo dục Chính trị	Đại học Quy Nhơn	Giáo viên
40	Lê Thị Hồng Nhường	1994	Cử nhân Giáo dục Mầm non	Đại học Sư phạm Thành Phố Hồ Chí Minh	Giáo viên
41	Vũ Thị Tư	1999	Cử nhân Giáo dục Mầm non	Đại học Sư phạm Thành Phố Hồ Chí Minh	Giáo viên
42	Phan Văn Dương	1995	Cử nhân Giáo dục học	Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn	Giáo viên
43	Nguyễn Thị Phượng Vỹ	1997	Cử nhân Sư phạm Sinh học	Đại học Quy Nhơn	Giáo viên
44	Nguyễn Lê Thanh Sang	1997	Cử nhân ngành Sư phạm hóa học	Đại học Quy Nhơn	Giáo viên
45	Trần Hương Hoa Thảo	1997	Cử nhân ngành Giáo dục chính trị	Đại học Sư phạm Tp. Hcm	Giáo viên
46	Hồ Như Thảo	1995	Cử nhân ngành Sư phạm sinh học	Đại học Sư phạm Tp. Hcm	Giáo viên

STT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn	Trường đào tạo	Vị trí
			(Trung cấp, Cao đẳng, Đại học, Thạc sĩ, Tiến sĩ, khác...)		công tác
47	Nguyễn Thanh Huyên	1996	Cử nhân ngành Giáo dục chính trị	Đại học Sư phạm Đà Nẵng	Giáo viên
48	Nguyễn Hoàng Qúi	1994	Cử nhân Quản lý giáo dục	Đại học Sư phạm Tp. Hcm	Giáo viên
49	Nguyễn Thị Hương	1998	Cử nhân sư phạm Ngữ Văn	Đại học Hải Phòng	Giáo viên
50	Phạm Thị Thanh Nhàn	1971	Cử nhân sư phạm Kỹ Thuật	Đại học Sư phạm Hà Nội	Giáo viên
51	Nguyễn Thanh Nhàn	1992	Cử nhân sư phạm Hóa Học	Đại học Hải Phòng	Giáo viên
52	Đinh Thị Hồng Nhung	1994	Cử nhân sư phạm Hóa Học	Đại học Giáo dục, ĐH Quốc Gia Hà Nội	Giáo viên
53	Nguyễn Thị Hiệp	1976	Cử nhân giáo dục Tiểu học	Đại học Sư phạm Hà Nội	Giáo viên
54	Bùi Thị Ngọc	1989	Cử nhân Lịch sử- Giáo dục Quốc phòng	Đại học Sư phạm Tp.Hồ Chí Minh	Giáo viên
55	Võ Lê Anh Thư	1998	Quản lý giáo dục	Đại học Sư phạm Tp.Hồ Chí Minh	Giáo viên
56	Huỳnh Bình Yến Linh	1999	Sư phạm Giáo dục chính trị	Đại học Sài Gòn	Giáo viên
57	Võ Thị Hồng Yến	1996	Sư phạm Văn Học	Đại học Tiền Giang	Giáo viên
58	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	1996	Cử nhân Thuế Tài chính	Đại học kinh tế	Kế toán
59	Huỳnh Phương Anh	1997	Cử Nhân Tâm lý giáo dục	Đại học Sư phạm Tp.Hồ Chí Minh	Giáo viên
60	Võ Thị Vi Thi	1988	Xã hội học	Đại học KHXH&Nhân Văn	Giáo vụ
61	Lê Ngọc Lan	1999	Sư Phạm giáo dục Tiểu học	Đại học Sư phạm Tp.Hồ Chí Minh	Giáo viên
62	Nguyễn Đình Việt	1988	Thạc sĩ Ngôn ngữ học	Đại học Tây Nguyên	Giáo viên
63	Trương Thị Hồng Xiêm	1990	Sư phạm Vật lý	Đại học Sư phạm Tp.Hồ Chí Minh	Giáo viên
64	Trần Đào Lệ Thủy	1991	Sư phạm Lịch Sử	Đại học Sài Gòn	Giáo viên
65	Đồng Thị Oanh	1996	Sư phạm Địa lý	Đại học Sư phạm Tp.Hồ Chí Minh	Giáo viên
66	Trà Nguyễn Khắc Bền	1993	Sư phạm giáo dục công dân	Đại học Sư phạm Tp.Hồ Chí Minh	Giáo viên
67	Nguyễn Thị Kim Châu	1998	Sư phạm hóa học	Đại học Qui Nhơn	Giáo viên
68	Trần Thị Kim Ngân	1999	Giáo dục chính trị	Đại học Sài Gòn	Giáo viên
69	Đặng Hoàng Yến	1999	Cử Nhân Tâm lý giáo dục	Đại học Sư phạm Tp.Hồ Chí Minh	Giáo viên
70	Hồ Thị Tuyến	1998	Sư phạm Tâm lý giáo dục	Đại học Sư phạm Đà Nẵng	Giáo viên
71	Trương Thị Kim Phụng	1998	Sư phạm Hóa học	Đại học Sư phạm Đồng Tháp	Giáo viên

STT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn (Trung cấp, Cao đẳng, Đại học, Thạc sĩ, Tiến sĩ, khác…)	Trường đào tạo	Vị trí công tác
72	Trần Thị Kim Hiền	1995	Sư phạm mầm non	Đại học Sư phạm Đồng Tháp	Giáo viên
73	Hồ Thị Huyền Như	1995	Giáo dục chính trị	Đại học Sư phạm Đồng Tháp	Giáo viên
74	Vũ Diệp Hồng	1999	Sư phạm Tâm lý giáo dục	Đại học Sài Gòn	Giáo viên
75	Phạm Thị Bé Tuyền	1997	Sư phạm Vật lý	Đại học Sài Gòn	Giáo viên
76	Phạm Thị Hồng Loan	1999	Sư phạm địa lý	Đại học Sư phạm Tp.Hồ Chí Minh	Giáo viên
77	Lê Văn Hữu Phú	1991	Sư phạm Tâm lý giáo dục	Đại học Sư phạm Tp.Hồ Chí Minh	Giáo viên
78	Ngô Đức Cường	1998	Cử nhân Tâm Lý học	Đại học Sư phạm Tp.Hồ Chí Minh	Giáo viên
79	Trương Thị Hoàng Nhung	1997	Sư phạm địa lý	Đại học Sư phạm Tp.Hồ Chí Minh	Giáo viên
80	Phạm Nguyễn Trung Nghĩa	1997	Giáo dục toán học	Đại học Khoa học tự nhiên	Giáo viên
81	Nguyễn Hoài Nam	1990	Sư phạm kỹ thuật Viễn Thông	Đại học Sư phạm Kỹ thuật	Giáo viên
82	Vạng Thanh Hậu	1992	Sư phạm giáo dục chính trị	Đại học Sư phạm Tp.Hồ Chí Minh	Giáo viên
83	Chung Phượng Kỳ	1994	Giáo dục tiểu học	Đại học Sài Gòn	Giáo viên
84	Đặng Thị Duyên	1994	Sư phạm Hóa học	Sư phạm Đà Lạt	Giáo viên
85	Nguyễn Thị Thu Hương	1995	Cử nhân Tâm lý học	Đại học Sư phạm Tp.Hồ Chí Minh	Giáo viên
86	Tô Kiều Phượng	1994	Sư phạm Lịch sử	Đại học Tiền Giang	Giáo viên
87	Nguyễn Ngọc Hân	1999	Tâm Lý Học	Đại học Văn Hiến	Giáo viên
88	Phạm Thị Bé Tuyền	1997	Sư phạm Vật lý	Đại học Sài Gòn	Giáo viên
89	Vũ Thị Thu Thảo	1994	Sư phạm hóa học	Đại học Sư phạm TP.Hồ Chí Minh	Giáo viên
90	Nguyễn Ngọc Thu Hằng	1996	Sư phạm giáo dục tiểu học	Đại học Sài Gòn	Giáo viên
91	Phạm Thị Hương Quỳnh	1999	Sư phạm giáo dục tiểu học	Đại học Sư phạm TP.Hồ Chí Minh	Giáo viên
92	Dương Thị Ánh Tuyết	1999	Sư phạm giáo dục Tiểu học	Đại học Đồng Nai	Giáo viên
93	Phạm Thị Hồng Loan	1999	Sư phạm địa lý	Đại học Sư phạm TP.Hồ Chí Minh	Giáo viên
94	Lê Thị Nhật Lệ	1999	Giáo dục chính trị	Đại học Sư phạm TP.Hồ Chí Minh	Giáo viên
95	Phan Ngọc Nhã Trúc	1996	Quản lý Giáo dục	Đại học Sài Gòn	Giáo viên
96	Nguyễn Trí Phúc	1984	Sư phạm Văn	Đại học Sư phạm Đồng Tháp	Giáo viên

STT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn	Trường đào tạo	Vị trí
			(Trung cấp, Cao đẳng, Đại học, Thạc sĩ, Tiến sĩ, khác…)		công tác
97	Phan Thị Thảo Nguyên	1996	Sư phạm Hóa Học	Đại học Sư phạm Cần Thơ	Giáo viên
98	Nguyễn Thị Thảo Trâm	1998	Sư phạm Vật Lý	Đại học Sư phạm TP.Hồ Chí Minh	Giáo viên
99	Nguyễn Thành Vương	1999	Giáo dục Quốc phòng-An Ninh	Đại học Sư phạm TP.Hồ Chí Minh	Giáo viên
100	Nguyễn Kim Ngân	1999	Sư phạm Giáo dục chính trị	Đại học Sài Gòn	Giáo viên
101	Lê Thị Hoàng Thảo	1998	Quản lý giáo dục	Đại học Bình Dương	Giáo viên
102	Nguyễn Thị Hồng Thêu	1999	Sư phạm địa lý	Đại học Sư phạm TP.Hồ Chí Minh	Giáo viên
103	Bùi Thị Kim Ngân	1999	Sư phạm ngữ Văn	Đại học Sư phạm Đồng Nai	Giáo viên
104	Phạm Thị Thúy Ngần	1990	Sư phạm sinh học	Đại học Sư phạm TP.Hồ Chí Minh	Giáo viên
105	Nguyễn Huy Hiệp	1995	Sư phạm địa lý	Đại học Sư phạm TP.Hồ Chí Minh	Giáo viên
106	Trượng Thị Ngoan	1994	Sư phạm lịch sử	Đại học Sư phạm TP.Hồ Chí Minh	Giáo viên
107	Nguyễn Thị Minh Hoàng	1989	Giáo dục thể chất	Đại học Sư phạm TP.Hồ Chí Minh	Giáo viên
108	Lê Thị Hà Giang	1994	Sư phạm Toán tin	Sư phạm Tây Ninh	Giáo viên
109	Mai Thị Thùy Dung	1998	Giáo dục QP và AN	Đại học Tây Nguyên	Giáo viên
110	Nguyễn Đỗ Trọng	1999	Giáo dục công dân	Đại học Sài Gòn	Giáo viên
111	Dương Thị Kim Nhung	1989	Sư phạm Sinh học	Đại học Sư phạm TP.Hồ Chí Minh	Giáo viên
112	Nguyễn Thị Nga	1992	Sư phạm Lịch Sử	Đại học Sư phạm TP.Hồ Chí Minh	Giáo viên
113	Nguyễn Thị Thủy Tiên	1996	Tâm lý học	Đại học Sài Gòn	Giáo viên
114	Nguyễn Thị Bích	1989	Sư phạm Địa lý	Đại học Sư phạm TP.Hồ Chí Minh	Giáo viên
115	Lê Thị Thu Trang	1980	Giáo dục thể chất	Đại học Sư phạm TP.Hồ Chí Minh	Giáo viên
116	Võ Thị Thủy	1985	Giáo dục thể chất	Đại học Sư phạm TP.Hồ Chí Minh	Giáo viên
117	Hồ Nguyễn Trúc Thy	1994	Giáo dục mầm non	Đại học Cần Thơ	Giáo viên
118	Phạm Thị Thanh Tuyền	1994	Tâm lý học	Đại học Tiền Giang	Giáo viên
119	Nguyễn Thị Tuyết Hương	1999	Sư phạm âm nhạc	Đại học Đồng Tháp	Giáo viên
120	Trần Thị Thúy Hồng	1996	Giáo dục tiểu học	Đại học Đồng Tháp	Giáo viên
121	Phan Thị Thu Thúy	1997	Quản lý giáo dục	Đại học Sư phạm TP.Hồ Chí Minh	Giáo viên

STT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn (Trung cấp, Cao đẳng, Đại học, Thạc sĩ, Tiến sĩ, khác…)	Trường đào tạo	Vị trí công tác
122	Huỳnh Thị Hồng Quyên	1997	Giáo dục chính trị	Đại học Sư phạm TP.Hồ Chí Minh	Giáo viên
123	Nguyễn Thị Phượng Vỹ	1997	Sư phạm Sinh học	Đại học Quy Nhơn	Giáo viên
124	Võ Duy Huy	1994	Giáo dục thể chất	Đại Học Thể dục thể thao TP HCM	Giáo viên
125	Nguyễn Thị Thanh	1996	Cử nhân Tâm lý học	Đại học Sài Gòn	Giáo viên
126	Võ Thị Thanh Hiền	1997	Sư phạm Hóa Học	Đại học Quy Nhơn	Giáo viên
127	Hoàng Thị Mỹ Trinh	1993	Sư phạm Vật lý	Đại học Sư phạm TP.Hồ Chí Minh	Giáo viên
128	Trần Thị Huyền Linh	1995	Sư phạm Mỹ Thuật	Đại học Khánh Hòa	Giáo viên
129	Hồ Thị Phương Thảo	1997	Giáo dục tiểu học	Đại học Sài Gòn	Giáo viên
130	Lê Nguyễn Quỳnh Hoa	1998	Cử nhân Tâm lý học	Đại học Sài Gòn	Giáo viên
131	Nguyễn Trọng Mùa	1998	Giáo dục Quốc phòng-An Ninh	Đại học Sư phạm TP.Hồ Chí Minh	Giáo viên
132	Trần Huỳnh Trúc Mai	1998	Tâm Lý Học	Đại học Văn Hiến	Giáo viên
133	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	1996	Tâm Lý Học	Đại học Sư phạm TP.Hồ Chí Minh	Giáo viên
134	Đặng Hoàng Yến	1999	Tâm Lý Học	Đại học Sư phạm TP.Hồ Chí Minh	Giáo viên
135	Hồ Thị Tuyến	1998	Tâm Lý Học	Đại học Sư phạm Đà Nẵng	Giáo viên
136	Trần Thị Bảo Trâm	1999	Công tác xã hội	Học viện Cán bộ TPHCM	Giáo vụ
137	Bạch Thủy Tiên	1997	Cử nhân Luật	Đại học Luật TP.HCM	Giáo vụ
138	Nguyễn Lam Anh	1983	Xã hội học	Đại học KHXH&Nhân văn	Giáo vụ
139	Dụng Hoàng Nguyên Âm	1998	Công tác xã hội	Đại học LĐ TB& Xã hội	Giáo vụ
140	Nguyễn Đăng Nhật	1998	Cưử nhân Tâm Lý Học	Đại học Công nghệ TP.HCM	Giáo vụ
141	Bùi Hoàng Hải	1978	Cử nhân Văn Hóa	Đại học Văn hóa	Giáo vụ
142	Phạm Ngọc Châu	1999	Tâm Lý Học	Đại học Công Nghệ	Giáo vụ
143	Nguyễn Thanh Phong	1999	Tâm Lý Học giáo dục	Đại học Sư phạm TP.Hồ Chí Minh	Giáo viên
144	Trương Thị Kim Phụng	1997	Sư phạm hóa Học	Đại học Sư phạm	Giáo viên
145	Võ Huyền Trâm	1995	Sư phạm vật lý	Đại học Sư phạm TP.Hồ Chí Minh	Giáo viên
146	Lê Thị Hòa	1996	Sư phạm Hóa Học	Đại học Sư phạm TP.Hồ Chí Minh	Giáo viên

STT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn (Trung cấp, Cao đẳng, Đại học, Thạc sĩ, Tiến sĩ, khác...)	Trường đào tạo	Vị trí công tác
147	Phạm Thu Huệ	1997	Sư phạm Văn	Đại học Sư phạm Đồng Nai	Giáo viên
148	Đỗ Thanh Hằng	1996	Sư phạm Ngữ Văn	Đại học Sư phạm Đồng Nai	Giáo viên
149	Nguyễn Ngọc Thủy Tiên	1998	Sư phạm Vật Lý	Đại học Sư phạm Đồng Nai	Giáo viên
150	Trần Minh Đức	1997	Sư phạm Toán	Đại học Sư phạm Đồng Nai	Giáo viên
151	Nguyễn Ngọc Hân	1998	Sư phạm Văn Học	Đại học Sư phạm TP.Hồ Chí Minh	Giáo viên
152	Nguyễn Thị Ngọc Nữ	1995	Sư phạm mầm non	Đại học Đồng Tháp	Giáo viên
153	Nguyễn Thanh Huyên	1996	Giáo dục chính trị	Đại học sư phạm Đà Nẵng	Giáo viên
154	Võ Hồ Xuân Quang	1995	Sư phạm Hóa Học	Đại học sư phạm Cần Thơ	Giáo viên
155	Huỳnh Ngọc Thanh Nhi	1996	Giáo dục Quốc phòng-An Ninh	Đại học Sư phạm TP.Hồ Chí Minh	Giáo viên
156	Phạm Chí Cường	1990	Cử nhân Toán - Tin - Chứng chỉ sư phạm	Đại học KHTN TP.Hồ Chí Minh	Chuyên viên
157	Huỳnh Thị Mỹ	1996	Sư phạm Tóan Học	Đại học Tây Nguyên	Giáo viên
158	Hứa Huỳnh Minh	1997	Cử nhân Công nghệ Sinh Học - Chứng chỉ sư phạm	Đại học KHTN TP.Hồ Chí Minh	Giáo viên
159	Hà Thị Thanh Trúc	1999	Sư phạm Tóan Học	Đại học Đà Nẵng	Giáo viên
160	Nguyễn Trung Thuần	1996	Sư phạm Tóan Học	Đại học Quy Nhơn	Giáo viên
161	Nguyễn Thị Như Thủy	1997	Sư phạm Tâm Lý Học	Đại học Sư phạm TP.Hồ Chí Minh	Giáo viên
162	Phan Thị Thu Hường	1989	Sư phạm Lịch sử giáo dục quốc phòng	Đại học Sư phạm TP.Hồ Chí Minh	Giáo viên
163	Vũ Thị Hương	1985	Sư phạm Vật Lý	Đại học Sư phạm Huế	Giáo viên
164	Võ Hữu Thường	2000	Cử nhân Lịch Sử - Chứng chỉ sư phạm	Đại học KHXH&NV TP.HCM	Giáo viên
165	Mai Thị Lan Anh	1993	Sư phạm giáo dục chính trị	Đại học Vinh	Giáo viên
166	Võ Việt Trung	1999	Quản lý giáo dục	Đại học Sài Gòn	BCV
167	Nguyễn Hồng Thanh	1978	Công nghệ thông tin	Đại học	Quản lý kỹ thuật
168	Nguyễn Hoàng Lâm	1991	Công nghệ thông tin	Đại học	Quản viên phần mềm
169	Võ Trung Hiếu	1990	Công nghệ thông tin	Đại học	Kỹ Thuật viên
170	Đỗ Tấn Hưng	1997	Công nghệ thông tin	Đại học	Kỹ Thuật viên
171	Nguyễn Trung Hiếu	1991	Công nghệ thông tin	Đại học	Kỹ Thuật viên

STT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn	Trường đào tạo	Vị trí
			(Trung cấp, Cao đẳng, Đại học, Thạc sĩ, Tiến sĩ, khác…)		công tác
172	Trần Tất Thắng	1987	Công nghệ thông tin	Đại học	Kỹ Thuật viên
173	Trương Văn Minh	1996	Công nghệ thông tin	Đại học	Kỹ Thuật viên
174	Phạm Hoàng Phúc	2000	Công nghệ thông tin	Đại học	Kỹ Thuật viên
175	Dương Trọng Nghĩa	1996	Công nghệ thông tin	Đại học	Kỹ Thuật viên

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC QUỐC TẾ GAIA
Địa chỉ: Số 03 Nguyễn Thế Lộc, Phường Bảy Hiền, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028 39973998

STT	Tên	Vị trí công việc
1	Lê Thị Ý	Giáo viên giảng dạy Stem.
2	Huỳnh Thị Mỹ	Giáo viên giảng dạy Stem.
3	Hồ Như Thảo	Giáo viên giảng dạy Stem.
4	Bùi Nữ Huệ Duyên	Giáo viên giảng dạy Stem.
5	Trần Kim Thoa	Giáo viên giảng dạy Stem.
6	Ngô Huỳnh Trúc Linh	Giáo viên giảng dạy Stem.

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
INDEPENDENCE - FREEDOM - HAPPINESS

THE RECTOR OF THE
HO CHI MINH CITY UNIVERSITY OF EDUCATION

has conferred

THE DEGREE OF BACHELOR

Physics Teacher Education

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN SAO

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HỒ CHÍ MINH

cấp

BẰNG CỬ NHÂN

Sư phạm Vật lý

Upon: *Ms*	**Le Thi Y**	Cho: *Bà*	**Lê Thị Ý**
Date of birth:	03 January 1995	Ngày sinh:	03/01/1995
Year of graduation:	*2017*	Năm tốt nghiệp:	*2017*
Degree classification:	*Good*	Xếp loại tốt nghiệp:	*Khá*
Mode of study:	Full-time	Hình thức đào tạo:	Chính Quy

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 1149 Quyển số: 02 TP/CCSCT/SGP
Ngày 18 tháng 6 năm 2024
CHỦ TỊCH UBND XÃ LỘC AN

Ho Chi Minh, 06 June 2017

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đỗ Xuân Vinh

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 06 năm 2017

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HỒ CHÍ MINH

PGS.TS. Nguyễn Kim Hồng

Reg. No: 1342/SPLY-CQ-06/2017

Số hiệu: 1451813

Số vào sổ cấp bằng: 1342/SPLY-CQ-06/2017

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIÁO DỤC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIÁO DỤC
cấp
CHỨNG CHỈ
KỸ NĂNG TỔ CHỨC DẠY HỌC VÀ GIÁO DỤC STEM TRONG CƠ SỞ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

Căn cứ Quyết định số 441/QĐ-TTg ngày 03 tháng 04 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Giáo dục thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình giáo dục phổ thông ;

Căn cứ Quyết định số 1537/QĐ-ĐHGD ngày 28 tháng 06 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Giáo dục về việc ban hành chương trình bồi dưỡng kỹ năng tổ chức dạy học và giáo dục STEM trong cơ sở giáo dục phổ thông;

Căn cứ Quyết định số 3096/QĐ-ĐHGD ngày 04 tháng 12 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Giáo dục về việc cấp chứng chỉ bồi dưỡng kỹ năng tổ chức dạy học và giáo dục STEM trong cơ sở giáo dục phổ thông.

Cho anh (chị): **Lê Thị Ý**

Sinh ngày: **03/01/1995** tại: **Quảng Ngãi**

Đã hoàn thành chương trình bồi dưỡng **Kỹ năng tổ chức dạy học và giáo dục STEM trong cơ sở giáo dục phổ thông** do Trường Đại học Giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức từ ngày 22 tháng 08 năm 2023 đến ngày 10 tháng 11 năm 2023.

Kết quả: **Đạt**

Hà Nội, ngày 04 tháng 12 năm 2023
HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIÁO DỤC

GS.TS. Nguyễn Quý Thanh

Số vào sổ: 23.0040/STEM

Số hiệu CC: **UEd 23.04285**

SỞ Y TẾ TP.HCM
BỆNH VIỆN QUẬN TÂN BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Số: 23017529/GKSK-BVTB

GIẤY KHÁM SỨC KHỎE

(Ban hành kèm theo Thông tư số32/2023/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế - Mẫu số 01)

1. Họ và tên *(viết chữ in hoa)*: ....LÊ...THỊ...Ý.............................

2. Giới tính: Nam □ Nữ ☑

3. Sinh Ngày...03......tháng..01.......năm...1995.........(Tuổi:...29...........)

4. Số CMND/CCCD/ Hộ chiếu/ định danh CD:..051195011545..........

5. Cấp ngày..03.../.02...../.2023.....Tại...CTCCS.QLHVTTXH..........

6. Chỗ ở hiện tại:...695/1A..Tân Sơn, phường 12, Q. Gò Vấp, Tp.HCM

7. Lý do khám sức khỏe:.....Bổ sung hồ sơ về trường.........................

TIỀN SỬ BỆNH CỦA ĐỐI TƯỢNG KHÁM SỨCKHỎE

1. Tiền sử gia đình:

Có ai trong gia đình ông (bà) mắc một trong các bệnh: truyền nhiễm, tim mạch, đái tháo đường, lao, hen phế quản, ung thư, động kinh, rối loạn tâm thần, bệnh khác:

a)Không ☑ b) Có □; Nếu "có",đề nghị ghi cụ thể tên bệnh:.......................................

2. Tiền sử bản thân:Ông(bà) đã/đang mắc bệnh,tình trạng bệnh nào sau đây không:

STT	Tên bệnh, tật	Có	Không	STT	Tên bệnh, tật	Có	Không
1	Có bệnh hay bị thương trong 5 năm qua	☑	□	12	Đái tháo đường hoặc kiểm soát tăng đường huyết	□	☑
2	Có bệnh thần kinh hay bị thương ở đầu	□	☑	13	Bệnh tâm thần	□	☑
3	Bệnh mắt hoặc giảm thị lực (trừ trường hợp đeo kính thuốc)	□	☑	14	Mất ý thức,rối loạn ý thức	□	☑
4	Bệnh ở tai, giảm sức nghe hoặc thăng bằng	□	☑	15	Ngất,chóng mặt	□	☑
5	Bệnh ở tim, hoặc nhồi máu cơ tim, các bệnh tim mạch khác	□	☑	16	Bệnh tiêu hóa	□	☑
6	Phẫu thuật can thiệp tim-mạch (thay van,bắc cầu nối, tạo hình mạch,máy tạo nhịp, đặt stent mạch, ghép tim)	□	☑	17	Rối loạn giấc ngủ, ngừng thở khi ngủ, ngủ rũ ban ngày, ngáy to	□	☑

5.	Tai - Mũi - Họng	
Kết quả khám thính lực: Tai trái: Nói thường.....10m; Nói thầm.....m Tai phải: Nói thường.....m; Nói thầm.....m		BS. ĐỖ QUỲNH UYÊN
Các bệnh về tai mũi họng (nếu có):		
Phân loại:		

6.	Răng -Hàm-Mặt	
Kết quả khám: Hàm trên:..... Hàm dưới:.....		
Các bệnh về răng hàm mặt (nếu có):		BS. Võ Thị Bi...
Phân loại		

III. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Nội dung khám	Họ tên, chữ ký của Bác sỹ
1. Xét nghiệm máu: a) Công thức máu: Số lượng HC:..... Số lượng Bạch cầu: ..... Số lượng tiểu cầu: ..... b) Sinh hóa máu: Đường máu: ..... Urê:.....Creatinin:..... ASAT(GOT): .....ALAT (GPT):	BS. TRƯƠNG NH...
2. Xét nghiệm nước tiểu: a) Đường: ..... b) Protein:..... c) Khác(nếucó):.....	
3. Chẩn đoán hình ảnh (XQ tim phổi thẳng):	BS. Phan Hồng Ngọc

IV. KẾT LUẬN

1. Phân loại sức khỏe: ..... GIẤY KHÁM SỨC KHỎE ĐI LÀM .....

2. Các bệnh, tật(nếu có): .....

.....

.....

26-06-2024

.....ngày.....tháng.....năm.....

NGƯỜI KẾT LUẬN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

BS. Phan Hồng Ngọc

2512123

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do- Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH
TỰ THUẬT

I. THÔNG TIN BẢN THÂN.

1. Họ và tên (chữ in hoa): LÊ THỊ Ý ~~Nam~~/ Nữ
2. Sinh ngày 03 tháng 01 năm 1995 Nơi sinh: Quảng Ngãi
3. Nguyên quán: Mộ Đức, Quảng Ngãi
4. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 5, xã Lộc An, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng
5. Chỗ ở hiện nay: 695/14 Tân Sơn, phường 12, quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh
6. Điện thoại liên hệ: 0979759515
7. Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Không
8. Số CCCD/CMND: 0511950115 cấp ngày: 03/02/2023 nơi cấp: Lâm Đồng
9. Trình độ văn hóa: Đại học
10. Kết nạp Đoàn TNCS HCM: ...../...../..... tại .....
11. Kết nạp Đảng CSVN:...../...../..... tại.....
12. Khen thưởng/ Kỷ luật:.....
13. Sở trường:.....

II. QUAN HỆ GIA ĐÌNH *(Ghi rõ họ tên, năm sinh, nghề nghiệp, nơi công tác của bố mẹ đẻ, anh chị em ruột)*

1. Họ và tên cha: LÊ LỰC Năm sinh: 1971

- Nghề nghiệp hiện nay: Nông dân
- Cơ quan công tác : không
- Chỗ ở hiện nay: thôn 5, xã Lộc An, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng

2. Họ và tên mẹ: LÊ THỊ NHÁT Năm sinh: 1974

- Nghề nghiệp hiện nay: Nông dân
- Cơ quan công tác : không
- Chỗ ở hiện nay: thôn 5, xã Lộc An, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng

3. Họ và tên Anh/chị em ruột: LÊ VĂN PHÁP Năm sinh: 1992

- Nghề nghiệp hiện nay: Tài xế
- Cơ quan công tác: không

4. Họ và tên Anh/chị em ruột: LÊ VĂN TỨ Năm sinh: 2004

- Nghề nghiệp hiện nay: Sinh viên

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

RECTOR

TAY NGUYEN UNIVERSITY

has conferred

THE DEGREE OF BACHELOR

Pedagogy of Mathematics

Upon: *Ms* **Huynh Thi My**

Date of birth: 06 November 1996

Year of graduation: 2018

Degree classification: Good

Mode of study: Full - time

Chứng thực bản sao đúng với bản chính
Số chứng thực 015563 quyển số.....SCT/BS
30-07-2024

Daklak, 10 July 2018

Phó Chủ Tịch UBND Phường 4 - Q.Gò Vấp

Hà Thị Kim Hoàng

Reg. No: DH-2018/222

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN

cấp

BẰNG CỬ NHÂN

Sư phạm Toán học

Cho: *Bà* **Huỳnh Thị Mỹ**

Ngày sinh: 06/11/1996

Năm tốt nghiệp: 2018

Xếp loại tốt nghiệp: Khá

Hình thức đào tạo: Chính quy

Đắk Lắk, ngày 10 tháng 7 năm 201

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN

Số hiệu: 1665220

Số vào sổ cấp bằng: ĐH-2018/222

Nguyễn Thanh Trúc

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIÁO DỤC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Căn cứ Quyết định số 441/QĐ-TTg ngày 03 tháng 04 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Giáo dục thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình giáo dục phổ thông ;

Căn cứ Quyết định số 1537/QĐ-ĐHGD ngày 28 tháng 06 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Giáo dục về việc ban hành chương trình bồi dưỡng kỹ năng tổ chức dạy học và giáo dục STEM trong cơ sở giáo dục phổ thông;

Căn cứ Quyết định số 3096/QĐ-ĐHGD ngày 04 tháng 12 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Giáo dục về việc cấp chứng chỉ bồi dưỡng kỹ năng tổ chức dạy học và giáo dục STEM trong cơ sở giáo dục phổ thông.

Số vào sổ: 23.0021/STEM

Số hiệu CC: **UEd 23.04265**

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIÁO DỤC
cấp
CHỨNG CHỈ
KỸ NĂNG TỔ CHỨC DẠY HỌC VÀ GIÁO DỤC STEM TRONG CƠ SỞ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

Cho anh (chị): ***Huỳnh Thị Mỹ***

Sinh ngày: **06/11/1996** tại: **Đắk Lắk**

Đã hoàn thành chương trình bồi dưỡng **Kỹ năng tổ chức dạy học và giáo dục STEM trong cơ sở giáo dục phổ thông** do Trường Đại học Giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức từ ngày 22 tháng 08 năm 2023 đến ngày 10 tháng 11 năm 2023.

Kết quả: **Đạt**

Hà Nội, ngày 04 tháng 12 năm 2023
HIỆU TRƯỞNG

ĐẠI HỌC TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIÁO DỤC

GS.TS. Nguyễn Quý Thanh

Phụ lục số XXIV *(Mẫu số 01)*

(Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

MẪU GIẤY KHÁM SỨC KHỎE DÙNG CHO NGƯỜI TỪ 18 TUỔI TRỞ LÊN

PHÒNG KHÁM ĐA KHOA
(Thuộc Công ty TNHH PKĐK Bắc Sài Gòn–VN Clinic)

Số : 208673...../GKSK- PKĐK BSG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

ĐÃ THU

GIẤY KHÁM SỨC KHỎE

1. Họ và tên *(chữ in hoa)*: HUỲNH THỊ MỸ
2. Giới tính: Nam ☐ Nữ ☒
3. Sinh ngày 06 tháng 11 năm 1996 (Tuổi: 28)
4. Số CMND/CCCD/Hộ chiếu /Định danh CD: 066196009949
5. Cấp ngày 28/06/2021 Tại Cục cảnh sát quản lý hành chính
6. Chỗ ở hiện tại: 14516 Trần Bá Giao - Phường 5 - Gò Vấp - TPHCM

* **Lưu ý:** Trường hợp đối tượng KSK có CCCD gắn chíp hoặc có số định danh công dân đã thực hiện kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, phần HÀNH CHÍNH nêu trên chỉ cần ghi các mục (1) Họ và tên, (3) Ngày tháng năm sinh, (4) số định danh công dân

7. Lý do khám sức khỏe: Đi làm

TIỀN SỬ BỆNH CỦA ĐỐI TƯỢNG KHÁM SỨC KHỎE

1. Tiền sử gia đình:

Có ai trong gia đình ông (bà) mắc một trong các bệnh: truyền nhiễm, tim mạch, đái tháo đường, lao, hen phế quản, ung thư, động kinh, rối loạn tâm thần, bệnh khác:

a) Không ☑ b) Có ☐ ; Nếu "có", đề nghị ghi cụ thể tên bệnh:.....

2. Tiền sử bản thân: Ông (bà) đã/đang mắc bệnh, tình trạng bệnh nào sau đây không:

STT	Tên bệnh, tật	Có	Không	STT	Tên bệnh, tật	Có	Không
1	Có bệnh hay bị thương trong 5 năm qua	☐	☑	12	Đái tháo đường hoặc kiểm soát tăng đường huyết	☐	☑
2	Có bệnh thần kinh hay bị thương ở đầu	☐	☑	13	Bệnh tâm thần	☐	☑
3	Bệnh mắt hoặc giảm thị lực (trừ trường hợp đeo kính thuốc)	☐	☑	14	Mất ý thức, rối loạn ý thức	☐	☑
4	Bệnh ở tai, giảm sức nghe hoặc thăng bằng	☐	☑	15	Ngất, chóng mặt	☐	☑
5	Bệnh ở tim, hoặc nhồi máu cơ tim, các bệnh tim mạch khác	☐	☑	16	Bệnh tiêu hóa	☐	☑

6	Phẫu thuật can thiệp tim - mạch (thay van, bắc cầu nối, tạo hình mạch, máy tạo nhịp, đặt slent mạch, ghép tim)	☐	☐	17	Rối loạn giấc ngủ, ngừng thở khi ngủ, ngủ rũ ban ngày, ngáy to	☐	☐
7	Tăng huyết áp	☐	☐	18	Tai biến mạch máu não hoặc liệt	☐	☐
8	Khó thở	☐	☐	19	Bệnh hoặc tổn thương cột sống	☐	☐
9	Bệnh phổi, hen, khí phế thũng, viêm phế quản mạn tính	☐	☐	20	Sử dụng rượu thường xuyên, liên tục	☐	☐
10	Bệnh thận, lọc máu	☐	☐	21	Sử dụng ma túy và chất gây nghiện	☐	☐
11	Nghiện rượu, bia	☐	☐	22	Bênhh khác (ghi rõ)	☐	☐

3. Câu hỏi khác (nếu có) :

a. Ông (bà) có đang điều trị bệnh gì không? Nếu có, xin hãy liệt kê các thuốc đang dùng và liều lượng:

.....Không.....

.....

b. Tiền sử thai sản (Đối với phụ nữ): .....Không.....

.....

Tôi xin cam đoan những điều khai trên đây hoàn toàn đúng với sự thật theo sự hiểu biết của tôi.

TPHCM ngày 30 tháng 7 năm 2024

Người đề nghị khám sức khỏe

(Ký và ghi rõ họ, tên)

Huỳnh Thị Mỹ

I. KHÁM THỂ LỰC

Chiều cao: 150 cm; Cân nặng: 41 kg; Chỉ số BMI: .....

Mạch: 88 lần/phút; Huyết áp: 110 / 70 mmHg

Phân loại thể lực: K

II. KHÁM LÂM SÀNG

Nội dung khám	Họ tên, chữ ký của Bác sỹ chuyên khoa
1. Nội khoa	
a) Tuần hoàn:	.....
Phân loại	.....
b) Hô hấp:	.....
Phân loại	.....
c) Tiêu hóa:	.....
Phân loại	.....
d) Thận-Tiết niệu:	.....
Phân loại	.....
đ) Nội tiết :	BSCKI Đỗ Thị Tuyết
Phân loại:	.....
e) Cơ-xương-khớp:	.....
Phân loại	.....
g) Thần kinh:	.....
Phân loại	.....
h) Tâm thần:	.....
Phân loại	.....
2. Ngoại khoa. Da liễ u:	.....
- Ngoại khoa:	.....
Phân loại	.....
- Da liễu:	.....
.....	BSCKI Đỗ Thị Tuyết
Phân loại:	.....
3. Sản phụ khoa:	.....
Phân loại	.....
4. Mắt:	.....
Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải: 10/10 Mắt trái: 10/10	.....
Có kính: Mắt phải: ..... Mắt trái:	.....
Các bệnh về mắt (nếu có): BT	BS Dương Thúy Hà
Phân loại: 1	.....
5. Tai-Mũi-Họng	.....
Kết quả khám thính lực:	.....
Tai trái: Nói thường: 5 m; Nói thầm ..... m	.....
Tai phải: Nói thường: 5 m; Nói thầm 5 m	.....
Các bệnh về tai mũi họng (nếu có):	.....
Phân loại: 1	BSCKI Đỗ Thị Tuyết Mai

6. Răng-Hàm-Mặt - Kết quả khám: + Hàm trên: Bình thường + Hàm dưới: ..... - Các bệnh về Răng-Hàm-Mặt (nếu có): Không - Phân loại:	Bs Lê Thị Vinh Hồng

III. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Nội dung khám	Họ tên, chữ ký của Bác sỹ
1. Xét nghiệm máu: a) Công thức máu: Số lượng HC: ..... Số lượng Bạch cầu: ..... Số lượng Tiểu cầu: ..... b) Sinh hóa máu: Đường máu: ..... Urê: ..... Creatinin: ..... AST (GOT): ..... ALT (GPT): ..... c) Khác (nếu có):	
2. Xét nghiệm nước tiểu: a) Đường: ..... b) Protein: ..... c) Khác (nếu có):	
3. Chẩn đoán hình ảnh (XQ tim phổi thẳng):	

IV. KẾT LUẬN

1. Phân loại sức khỏe: .....

2. Các bệnh, tật (nếu có): .....

HIỆN TẠI SỨC KHỎE BÌNH THƯỜNG

30-07-2024

TP. HCM, ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI KẾT LUẬN

(Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu)

CÔNG TY TNHH PHÒNG KHÁM ĐA KHOA BẮC SÀI GÒN - VN CLINIC

BSCKI Đỗ Thị Tuyết

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do- Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

I. BẢN THÂN

1. Họ và tên (chữ in hoa) HUỲNH THỊ MỸ ..... Nam - Nữ ..Nữ.....
2. Họ và tên thường dùng ..Huỳnh Thị Mỹ.....
3. Sinh ngày ...06.....tháng ..11.....năm ..1996.....
4. Nơi sinh ...Thôn 3 - Quảng Điền - Krông Ana - Đắk Lắk.....
5. Nguyên quán ....thăng Bình - Quảng Nam.....
6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú ..Thôn 3 - Quảng Điền - Krông Ana - .....Đắk Lắk.....
7. Chỗ ở hiện nay ..1457/6 Trần Bá Giao - Phường 5 - Gò Vấp - TPHCM.....
8. Điện thoại :...0987037323.....
9. Dân tộc ....Kinh.....Tôn giáo ...Không.....
10. Xuất thân từ gia đình .....
11. Số chứng minh. 066196009949 cấp ngày 28/6/2021 nơi cấp Cục cảnh sát.....
12. Trình độ giáo dục phổ thông .....
13. Trình độ chuyên môn cao nhất được đào tạo ...Đại học.....
    Ngành học Sư phạm Toán học Nơi đào tạo .Trường Đại học Tây Nguyên.....
14. Trình độ lý luận chính trị .....
15. Ngày vào Đoàn TNCS Hồ Chí Minh:...26/3/2011.....
16. Ngày vào Đảng ...../...../...../..... Ngày chính thức ...../...../...../.....
17. Cơ quan công tác hiện nay Công ty cổ phần phát triển giáo dục quốc tế Gia
18. Chức vụ hiện nay ....Giáo viên.....
19. Học vị, Học hàm, danh hiệu Nhà nước phong tặng ...../..... năm ...../.....
20. Khen thưởng .....
21. Kỷ luật .....

II. QUAN HỆ GIA ĐÌNH

Ghi rõ họ tên, năm sinh, nghề nghiệp, nơi công tác của bố mẹ đẻ, anh chị em ruột, vợ (hoặc chồng), con

Quan hệ	Họ và tên	Năm sinh	Nghề nghiệp	Nơi công tác
Bố	Huỳnh Ninh Cúc	1970	Nông	Đắk Lắk
Mẹ	Hà Thị Lệ	1971	Nông	Đắk Lắk
Chị	Huỳnh Thị Huệ	1995	kế toán	Đắk Lắk
Em trai	Huỳnh Việt Nhật	2003	Sinh viên	TPHCM
Em trai	Huỳnh Việt Ý	2005	Sinh viên	THCM

TÓM TẮT QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO, CÔNG TÁC

Thời gian từ tháng năm đến tháng năm	Tên trường hoặc cơ sở đào tạo	Ngành học	Hình thức đào tạo (chính quy hoặc tại chức ...)	Văn bằng chứng chỉ
2014 - 2018	Đại học Tây Nguyên	Sư phạm Toán	Chính quy	Cử nhân

Tôi xin cam đoan bản khai sơ yếu lý lịch trên đúng sự thật, nếu có điều gì không đúng tôi chịu trách nhiệm trước pháp luật về lời khai của mình.

TPHCM ...ngày 30 ...tháng 11 ...năm 2024

Xác nhận của địa phương nơi đăng ký hộ khẩu

Người khai
(ký tên)

Huỳnh Thị Mỹ

Ngày 30 tháng 7 năm 2024 (Bằng chữ ngày ba mươi tháng bảy năm hai ngàn không trăm hai mươi bốn).

Tại Ủy ban nhân dân Phường 4, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh

Tôi Hà Thị Kim Hoàng là Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường 4, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh

Chứng thực

Bà: Huỳnh Thị Mỹ - CCCD số 066196009949

Cam đoan đã hiểu, tự chịu trách nhiệm về nội dung của giấy tờ, văn bản và đã ký tên vào giấy tờ, văn bản này trước mặt bà Trần Thị Thiên Vân là người tiếp nhận hồ sơ.

Số chứng thực **2177** quyển số 01/2024 - SCT/CK, ĐC

Người tiếp nhận hồ sơ	**Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường 4**
Trần Thị Thiên Vân	**Hà Thị Kim Hoàng**

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

INDEPENDENCE - FREEDOM - HAPPINESS

THE RECTOR OF THE

HO CHI MINH CITY UNIVERSITY OF EDUCATION

has conferred

THE DEGREE OF BACHELOR

Biology Teacher Education

Upon: *Ms* **Ho Nhu Thao**

Date of birth: 28 July 1995

Year of graduation: *2018*

Degree classification: *Very good*

Mode of study: Full-time

Ho Chi Minh City, 01 June 2018

Reg. No: 1628/SPSINH-CQ-05/2018

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN SAO

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HỒ CHÍ MINH

cấp

BẰNG CỬ NHÂN

Sư phạm Sinh học

Cho: *Bà* **Hồ Như Thảo**

Ngày sinh: 28/07/1995

Năm tốt nghiệp: *2018*

Xếp loại tốt nghiệp: *Giỏi*

Hình thức đào tạo: Chính Quy

TP. Hồ Chí Minh, *ngày* 01 *tháng* 6 *năm* 2018

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Nguyễn Thị Minh Hồng

Số hiệu: 1635267

Số vào sổ cấp bằng: 1628/SPSINH-CQ-05/2018

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực 24742 Quyển số 1 SCT/BS

Ngày 22-11-2024

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG TÂN THUẬN

Nguyễn Xuân Chung

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIÁO DỤC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Căn cứ Quyết định số 441/QĐ-TTg ngày 03 tháng 04 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Giáo dục thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình giáo dục phổ thông ;

Căn cứ Quyết định số 1537/QĐ-ĐHGD ngày 28 tháng 06 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Giáo dục về việc ban hành chương trình bồi dưỡng kỹ năng tổ chức dạy học và giáo dục STEM trong cơ sở giáo dục phổ thông;

Căn cứ Quyết định số 3096/QĐ-ĐHGD ngày 04 tháng 12 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Giáo dục về việc cấp chứng chỉ bồi dưỡng kỹ năng tổ chức dạy học và giáo dục STEM trong cơ sở giáo dục phổ thông.

Số vào sổ: 23.0032/STEM

Số hiệu CC: **UEd 23.04276**

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIÁO DỤC
cấp
CHỨNG CHỈ
KỸ NĂNG TỔ CHỨC DẠY HỌC VÀ GIÁO DỤC STEM TRONG CƠ SỞ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

Cho anh (chị): ***Hồ Như Thảo***

Sinh ngày: **28/07/1995** tại: **Bến Tre**

Đã hoàn thành chương trình bồi dưỡng **Kỹ năng tổ chức dạy học và giáo dục STEM trong cơ sở giáo dục phổ thông** do Trường Đại học Giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức từ ngày 22 tháng 08 năm 2023 đến ngày 10 tháng 11 năm 2023.

Kết quả: **Đạt**

Hà Nội, ngày 04 tháng 12 năm 2023
HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIÁO DỤC

GS.TS. Nguyễn Quý Thanh

SỞ Y TẾ BẾN TRE
TRUNG TÂM Y TẾ
HUYỆN GIỒNG TRÔM

Số: 3896 /GKSK-TTYTGT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY KHÁM SỨC KHỎE

(Giấy khám sức khỏe dùng cho người đủ 18 tuổi trở lên)

Họ và tên (chữ in hoa): HỒ NHƯ THẢO

Giới : Nam ☐ Nữ ☒ Tuổi: 28

Số CMND hoặc Hộ chiếu: 083195001284 cấp ngày 18/12/2022

tại: Bến Tre - C.T.C.S

Chỗ ở hiện tại: ấp 5A, Cái Chốt, Nữ Thanh, Bến Tre

Lý do khám sức khoẻ: Chuẩn bị kết hôn, làm việc

TIỀN SỬ BỆNH CỦA ĐỐI TƯỢNG KHÁM SỨC KHOẺ

1. Tiền sử gia đình:

Có ai trong gia đình ông (bà) mắc một trong các bệnh truyền nhiễm tim mạch đái tháo đường, lao, hen phế quản, ung thư, động kinh, rối loạn tâm thần, bệnh khác: a) Không ☒; b) Có ☐; Nếu "có", đề nghị ghi cụ thể tên bệnh.....

2. Tiền sử bản thân: Ông (bà) đã/đang mắc bệnh, tình trạng bệnh nào sau đây không: Bệnh truyền nhiễm, bệnh tim mạch, đái tháo đường, lao, hen phế quản, ung thư, động kinh, rối loạn tâm thần, bệnh khác, a) Không ☒ ; b) Có ☐
Nếu "có" , đề nghị ghi cụ thể tên bệnh:.....

3. Câu hỏi khác (nếu có):

a) Ông (bà) có đang điều trị bệnh gì không? Nếu có, xin hãy liệt kê các thuốc đang dùng và liều lượng

.....Không.....

.....

b) Tiền sử thai sản (Đối với phụ nữ):.....Không.....

.....

.....

Tôi xin cam đoan những điều khai trên đây hoàn toàn đúng với sự thật theo sự hiểu biết của tôi.

Giồng Trôm, ngày 9 tháng 6 năm 2023

Người đề nghị khám sức khỏe
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Hồ Như Thảo

I. KHÁM THỂ LỰC

Chiều cao:.....153.........cm; Cân nặng.....54........kg; Chỉ số BMI:..................

Mạch:..........72..lần/phút Huyết áp:.110.../...70.......mmHg

Phân loại thể lực:..........II

II. KHÁM LÂM SÀNG

Nội dung khám	Họ tên, chữ ký của Bác sỹ
1. Nội khoa a) Tuần hoàn:..........BT -Phân loại:..........I b) Hô hấp:..........BT -Phân loại:..........I c) Tiêu hoá:..........BT -Phân loại:..........I d) Thận - Tiết niệu:..........BT -Phân loại:..........I đ) Cơ-xương - khớp:..........BT -Phân loại:..........I e) Thần kinh:....BT -Phân loại:.....I g) Tâm thần:.....BT -Phân loại:.....I	BS. Huỳnh T. Hồng Phương CS. Nguyễn Thành Long Ys. Trần Văn Cần
2. Ngoại khoa:..........BT -Phân loại:..........I	CS. Nguyễn Thành Long
3. Sản phụ khoa:......BT -Phân loại:......I	
4. Mắt: - Kết quả khám thị lực không kính: Mắt phải:10/10 Mắt trái:....10/10 Có kính: Mắt phải:........Mắt trái:.......... - Các bệnh về mắt (nếu có):..........bt -Phân loại:..........I	BS. Nguyễn Cao Hạ My
5. Tai-Mũi-Họng - Kết quả khám thị lực: Tai trái: Nói thường:.........5...m; Nói thầm.......0,5......m Tai phải: Nói thường.........5......m; Nói thầm........0,5.......m - Các bệnh về Tai - Mũi-Họng (nếu có).......... -Phân loại:..........I	YS. Đặng Minh Cảnh
6. Răng-Hàm-Mặt - Các bệnh về Tai-Mũi-Họng (nếu có).......... + Hàm dưới:.......... - Các bệnh về Răng-Hàm-Mặt(nếu có)..........BT -Phân loại:..........I	BS. Tống Viết Quang Huy

Nội dung khám	Họ tên, chữ ký của Bác sỹ
7. Da liễu BT -Phân loại: I	
III. KHÁM CẬN LÂM SÀNG	BS. Dương Huỳnh Vân Nhi
Nội dung khám	Họ tên, chữ ký của Bác sỹ
1. Xét nghiệm máu: a) Công thức máu: Số lượng HCL: Số lượng Bạch Cầu: Số lượng Tiểu cầu: b) Sinh hoá máu: Đường máu: Urê: Creatinin: ASAT (GOT): ALAT (GPT): c) Khác (nếu có): HCV AM TINH	DS. Phạm Hùng Long
1. Xét nghiệm nước tiểu: a) Đường: AM TINH B) Prôtêin: AM TINH c) Khác (nếu có):	DS. Phạm Hùng Long
3. Chẩn đoán hình ảnh Siêu âm tổng quát: Kết quả: Hưu tại không thấy bất thường trên siêu âm	BS. Trần Thị Dễ

IV. KẾT LUẬN

1. Phân loại sức khoẻ: Loại II. Đủ điều kiện đăng ký kết hôn
2. Các bệnh, tật (nếu có):

BS. Huỳnh T. Hồng Phương

Giồng Trôm ngày 09 tháng 6 năm 2023

TL **GIÁM ĐỐC**

TP. KHNV

SỞ Y TẾ TỈNH BẾN TRE
TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN GIỒNG TRÔM

Lê Thành Chuẩn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do- Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH
TỰ THUẬT

I. THÔNG TIN BẢN THÂN.

1. Họ và tên (chữ in hoa): HỒ NHƯ THẢO Nam/ Nữ: Nữ
2. Sinh ngày 28 tháng 07 năm 1995 Nơi sinh: Bến Tre
3. Nguyên quán : Xã Mỹ Thạnh, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.
4. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xã Mỹ Thạnh, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.
5. Chỗ ở hiện nay: 44/83, đường Bùi Văn Ba, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7.
6. Điện thoại liên hệ: 0364993601
7. Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Không.
8. Số chứng minh: 32199582 Cấp ngày 09/09/2019 Nơi cấp: Công An Bến Tre
9. Trình độ văn hóa: Đại học
10. Kết nạp Đoàn TNCS HCM 26/03/2010 tại trường THCS Mỹ Thạnh
11. Kết nạp Đảng CSVN...../...../..... tại.....
12. Khen thưởng/ Kỷ luật:.....

II. QUAN HỆ GIA ĐÌNH *(Ghi rõ họ tên, năm sinh, nghề nghiệp, nơi công tác của bố mẹ đẻ, anh chị em ruột)*

1. Họ và tên cha: Hồ Văn Chí Năm sinh: 1968

- Nghề nghiệp hiện nay: Công chức.
- Cơ quan công tác: Ủy bản xã Mỹ Thạnh.
- Chỗ ở hiện nay: Ấp 6, xã Mỹ Thạnh, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

2. Họ và tên mẹ: Nguyễn Thị Ánh Minh Năm sinh: 1967

- Nghề nghiệp hiện nay: Làm vườn.
- Cơ quan công tác : Tại nhà.
- Chỗ ở hiện nay: Ấp 6, xã Mỹ Thạnh, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

3. Họ và tên Anh/chị em ruột: Hồ Chí Trung Năm sinh: 1990

- Nghề nghiệp hiện nay: Sĩ quan Hải Quân.
- Cơ quan công tác: Lữ đoàn 120, Hải Quân Việt Nam

III. TÓM TẮT QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO.

Từ tháng năm đến tháng năm	Tên trường hoặc cơ sở đào tạo	Ngành học	Hình thức đào tạo	Văn bằng chứng chỉ
9/2001-9/2006	Trường TH Nguyễn Ngọc Thăng	Tiểu học	Chính quy	Tốt nghiệp
9/2006–9/2010	Trường THCS Mỹ Thạnh	THCS	Chính quy	Tốt nghiệp
9/2010–9/2014	Trường THPT Nguyễn Thị Định.	THPT	Chính quy	Tốt nghiệp
9/2014–6/2018	Trường Đại học Sư phạm TP.HCM	Sư phạm Sinh học	Chính quy	Cử nhân

IV. TÓM TẮT QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

Từ tháng năm đến tháng năm	Đơn vị công tác	Chức vụ
8/2018-8/2019	Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục Quốc tế Gaia.	Giáo viên.
8/2019–8/2020	Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục Quốc tế Gaia.	Nhóm trưởng quản lý giáo viên.
8/2020–8/2021	Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục Quốc tế Gaia.	Nhóm trưởng kiêm trường phòng.
8/2021 đến nay	Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục Quốc tế Gaia.	Chuyên viên kiêm trợ lý giám đốc

Tôi xin cam đoan bản khai sơ yếu lý lịch trên đúng sự thật, nếu có điều gì không đúng tôi chịu trách nhiệm trước pháp luật về lời khai của mình.

Tp.HCM, ngày 27 tháng 12 năm 2021

Xác nhận của cơ quan đang công tác hoặc địa phương nơi đăng ký hộ khẩu

.....
.....
.....
.....
.....
.....

Người khai
(ký và ghi rõ họ tên)

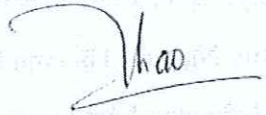

Hồ Như Thảo

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIÁO DỤC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIÁO DỤC
cấp
CHỨNG CHỈ
KỸ NĂNG TỔ CHỨC DẠY HỌC VÀ GIÁO DỤC STEM TRONG CƠ SỞ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

Cho anh (chị): ***Bùi Nữ Huệ Duyên***

Sinh ngày: **07/08/1997** tại: **Đắk Lắk**

Đã hoàn thành chương trình bồi dưỡng **Kỹ năng tổ chức dạy học và giáo dục STEM trong cơ sở giáo dục phổ thông** do Trường Đại học Giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức từ ngày 22 tháng 08 năm 2023 đến ngày 10 tháng 11 năm 2023.

Kết quả: **Đạt**

Hà Nội, ngày 04 tháng 12 năm 2023
HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIÁO DỤC

GS.TS. Nguyễn Quý Thanh

Căn cứ Quyết định số 441/QĐ-TTg ngày 03 tháng 04 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Giáo dục thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình giáo dục phổ thông ;

Căn cứ Quyết định số 1537/QĐ-ĐHGD ngày 28 tháng 06 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Giáo dục về việc ban hành chương trình bồi dưỡng kỹ năng tổ chức dạy học và giáo dục STEM trong cơ sở giáo dục phổ thông;

Căn cứ Quyết định số 3096/QĐ-ĐHGD ngày 04 tháng 12 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Giáo dục về việc cấp chứng chỉ bồi dưỡng kỹ năng tổ chức dạy học và giáo dục STEM trong cơ sở giáo dục phổ thông.

Số vào sổ: 23.0008/STEM

Số hiệu CC: **UEd 23.04252**

.....[1].....
.....[2].....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /GKSK-....[3].....

GIẤY KHÁM SỨC KHỎE

Ảnh (4 x 6cm)

Họ và tên *(chữ in hoa)*: BÙI NỮ HUỆ DUYÊN

Giới: Nam ☐ Nữ ☑ Tuổi: 07/08/1997

Số CMND hoặc Hộ chiếu: 066197013724 cấp ngày 07/04/2022

tại: Bình Định

Chỗ ở hiện tại: Thôn 4A, Hoà Tiến, Krông Pắc, Đắk Lắk

Lý do khám sức khỏe: bổ sung hồ sơ

TIỀN SỬ BỆNH CỦA ĐỐI TƯỢNG KHÁM SỨC KHỎE

1. Tiền sử gia đình:

Có ai trong gia đình ông (bà) mắc một trong các bệnh: truyền nhiễm, tim mạch, đái tháo đường, lao, hen phế quản, ung thư, động kinh, rối loạn tâm thần, bệnh khác: a) Không ☑; b) Có ☐; Nếu "có", đề nghị ghi cụ thể tên bệnh:.....

2. Tiền sử bản thân: Ông (bà) đã/đang mắc bệnh, tình trạng bệnh nào sau đây không: Bệnh truyền nhiễm, bệnh tim mạch, đái tháo đường, lao, hen phế quản, ung thư, động kinh, rối loạn tâm thần, bệnh khác: a) Không ☑; b) Có ☐

Nếu "có", đề nghị ghi cụ thể tên bệnh: .....

.....

3. Câu hỏi khác (nếu có):

a) Ông (bà) có đang điều trị bệnh gì không? Nếu có, xin hãy liệt kê các thuốc đang dùng và liều lượng:

.....

.....

b) Tiền sử thai sản (Đối với phụ nữ): .....

.....

Tôi xin cam đoan những điều khai trên đây hoàn toàn đúng với sự thật theo sự hiểu

Thôn ngày 26 tháng 11 năm 2024

Người đề nghị khám sức khỏe
(Ký và ghi rõ họ, tên)

[1] Tên cơ quan chủ quản của cơ sở khám sức khỏe
[2] Tên của cơ sở khám sức khỏe
[3] Chữ viết tắt tên cơ sở khám sức khỏe

biết của tôi.

I. KHÁM THỂ LỰC

Chiều cao: 1 m 57 cm; Cân nặng: 44 kg; Chỉ số BMI: [illegible]
Mạch: 78 lần/phút; Huyết áp: 120 / 70 mmHg
Phân loại thể lực: I

II. KHÁM LÂM SÀNG

Nội dung khám	Họ tên, chữ ký của Bác sỹ
1. Nội khoa	
a) Tuần hoàn: [illegible]	
Phân loại	
b) Hô hấp:	
Phân loại	
c) Tiêu hóa:	
Phân loại	
d) Thận-Tiết niệu:	
Phân loại	BS. Thanh Bình
đ) Cơ-xương-khớp:	
Phân loại	
e) Thần kinh:	
Phân loại	
g) Tâm thần:	
Phân loại	
2. Ngoại khoa:	
Phân loại	
3. Sản phụ khoa:	
Phân loại	
4. Mắt:	
- Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải: 10/10 Mắt trái: 10/10	
Có kính: Mắt phải: ..... Mắt trái:	
- Các bệnh về mắt (nếu có):	
- Phân loại: I	BS. Nguyễn Xuân Phúc
5. Tai-Mũi-Họng	
- Kết quả khám thính lực:	
Tai trái: Nói thường: 5 m; Nói thầm: 05 m	
Tai phải: Nói thường: 5 m; Nói thầm: 05 m	

Nội dung khám	Họ tên, chữ ký của Bác sỹ
- Các bệnh về tai mũi họng (nếu có): ..... - Phân loại: 1 6. Răng-Hàm-Mặt - Kết quả khám: + Hàm trên: ..... + Hàm dưới: ..... - Các bệnh về Răng-Hàm-Mặt (nếu có) ..... - Phân loại: 1 7. Da liễu: ..... Phân loại: 1	BS. Nguyễn Xuân Thúc

III. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Nội dung khám	Họ tên, chữ ký của Bác sỹ
1. Xét nghiệm máu: a) Công thức máu: Số lượng HC: ..... Số lượng Bạch cầu: ..... Số lượng Tiểu cầu: ..... b) Sinh hóa máu: Đường máu: ..... Urê: ..... Creatinin: ..... ASAT (GOT): ..... ALAT (GPT): ..... c) Khác (nếu có):	BS. Thanh Bình
2. Xét nghiệm nước tiểu: a) Đường: ..... b) Prôtêin: ..... c) Khác (nếu có):	
3. Chẩn đoán hình ảnh:	

IV. KẾT LUẬN

1. Phân loại sức khỏe:[4] ĐỦ SỨC KHỎE
2. Các bệnh, tật (nếu có):[5] .....

---

[4] Phân loại sức khỏe theo quy định tại Quyết định số 1613/BYT-QĐ hoặc phân loại sức khỏe theo quy định của bộ tiêu chuẩn sức khỏe chuyên ngành đối với trường hợp khám sức khỏe chuyên ngành

[5] Ghi rõ các bệnh, tật, phương án điều trị, phục hồi chức năng hoặc giới thiệu khám chuyên khoa để khám bệnh, chữa bệnh

Tp. H Chí Minh, ngày 26 tháng 11 năm 2024

SỞ Y TẾ TP.HCM
PKĐK THANH BÌNH
ẤP 4 - X. PHONG PHÚ - H. BÌNH CHÁNH - TP.HCM

NGƯỜI KẾT LUẬN
(Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu)

BS. Thanh Bình

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

PHẦN I: LỊCH SỬ BẢN THÂN

1. Họ và tên: BÙI NỮ HUỆ QUYÊN 2. Nam, nữ: Nữ
3. Ngày tháng năm sinh: 07/08/1997 Nơi sinh: DakLak
4. Thường trú: Đường Phường, xã: Hòa Tiến
Quận, huyện: Krông Pắk Thành phố: Buôn Ma Thuột
5. Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Không
6. Trình độ văn hóa: 12/12
Ngoại ngữ: Tiếng anh
7. Ngày tham gia tổ chức (nông hội, hội phụ nữ, công đoàn): /
Tại: /
8. Ngày vào Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh: 26/3/2009 tại THCS Nguyễn Viết Xuân
9. Ngày vào Đảng cộng sản Việt Nam: / tại /
10. Quá trình bản thân (tóm tắt từ lúc 12 tuổi đến nay, làm gì? Ở đâu?)

- Từ 2008 -> 2012 học tại trường THCS Nguyễn Viết Xuân
- Từ 2012 -> 2015 học tại trường THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm
- Từ 2015 -> 2019 học đại học tại trường Đại học Tây Nguyên
- Từ 2019 -> 2021 học cao học tại trường Đại học Tây Nguyên
- Từ 2021 -> 2022 làm nhân viên kỹ thuật công ty Hoàn Hảo
- Từ 2022 -> 2024 làm giáo viên kỹ năng mềm tại công ty Gaia

PHẦN II: QUAN HỆ GIA ĐÌNH

11. Họ tên cha: BÙI XUÂN NGA Sinh năm: 1960
Nghề nghiệp (chức vụ và cấp bậc) trước và sau 30-4-1975
- Làm nông

Chổ ở hiện nay: Thôn 10 xã Hòa Tiến, Krông Pắk, DakLak
12. Họ tên mẹ: VÕ THỊ BẠCH TUYẾT Sinh năm: 1965
Nghề nghiệp (chức vụ và cấp bậc) trước và sau 30-4-1975
- Kinh doanh

Chổ ở hiện nay: Thôn 4a, xã Hòa Tiến, Krông Pắk, Đắk Lắk

13. Họ tên vợ (hoặc chồng)..... Sinh năm:.....

Nghề nghiệp (chức vụ và cấp bậc) trước và sau 30-4-1975

.....

.....

.....

.....

.....

Chổ ở hiện nay:.....

14. Họ tên các con: tuổi, làm gì? Ở đâu?

.....

.....

.....

.....

.....

15. Họ tên anh, chị, em ruột: tuổi, làm gì? Ở đâu?

1.) Bùi Xuân Danh (1989), làm tài xế ở Đắk Lắk

2.) Bùi Hoàng Dung (2002), là quân viên tại trường Cao đẳng kinh tế đối ngoại

.....

.....

Ngày 28 Tháng 11 Năm 2024

Người làm đơn

(ký tên)

Họ tên: Bùi Thị Thu Duyên

NHẬN XÉT VÀ CHỨNG NHẬN CỦA CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG

(Nội dung chứng nhận cần ghi bản lý lịch này đúng hay sai. Nếu sai thì ghi rõ sai ở chỗ nào. có thể nhận xét thêm về tư cách nghề nghiệp và hoàn cảnh người xin việc làm.)

Ngày.....Tháng.....Năm 20.....

UBND Phường, Xã.....

LỜI CHỨNG CỦA CÔNG CHỨNG VIÊN

Ngày 28 tháng 11 năm 2024 (Bằng chữ: Ngày hai mươi tám tháng mười một năm hai ngàn không trăm hai mươi bốn).

Tại trụ sở Văn phòng Công chứng Huỳnh Thị Ngọc Yến, số 50A Nơ Trang Long, Phường 14, Quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.

Tôi **NGUYỄN THÀNH LÂM** là Công chứng viên Văn phòng Công chứng Huỳnh Thị Ngọc Yến, Thành phố Hồ Chí Minh.

CHỨNG THỰC

- Ông/bà : **BÙI NỮ HUỆ DUYÊN**

Căn cước công dân : 066197017204

Cam đoan đã hiểu, tự chịu trách nhiệm về nội dung của giấy tờ, văn bản và đã ký vào giấy tờ, văn bản này trước mặt tôi.

0 0 6 5 4 3

Số chứng thực

Quyển số: 02/2024 -SCT/CK, CĐ

Ngày 28 tháng 11 năm 2024

CÔNG CHỨNG VIÊN

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG HUỲNH THỊ NGỌC YẾN

NGUYỄN THÀNH LÂM

van

Phụ lục số XXIV

(Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Y Tế)

Mẫu số 1

MẪU GIẤY KHÁM SỨC KHỎE DÙNG CHO NGƯỜI TỪ ĐỦ 18 TUỔI TRỞ LÊN

SỞ Y TẾ TP.HCM
PKĐKQT AN PHÚ
Số: 24.0311.90 /GKSK-PKĐKQTAP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY KHÁM SỨC KHỎE

1. Họ và tên *(viết chữ in hoa)*: TRẦN KIM THOA
2. Giới tính: Nam ☐ Nữ ☒
3. Sinh ngày 20 tháng 12 năm 1988 (Tuổi: .....)
4. Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/Định danh CD: 052188001173
5. Cấp ngày: 07/04/2021 tại: Cục cảnh sát QLHC về TTXH
6. Chỗ ở hiện tại: 602/51B Đền Biên Phủ, P.22, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

*** Lưu ý:** Trường hợp đối tượng KSK có CCCD gắn chíp hoặc có số định danh công dân đã thực hiện kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, phần HÀNH CHÍNH nêu trên chỉ cần ghi mục (1) Họ và tên, (3) Ngày tháng năm sinh, (4) số định danh công dân

7. Lý do khám sức khỏe: bổ sung hồ sơ nhân sự

TIỀN SỬ BỆNH CỦA ĐỐI TƯỢNG KHÁM SỨC KHỎE

1. Tiền sử gia đình:

Có ai trong gia đình ông (bà) mắc một trong các bệnh: truyền nhiễm, tim mạch, đái tháo đường, lao, hen phế quản, ung thư, động kinh, rối loạn tâm thần, bệnh khác:

a) Không ☒ b) Có ☐; Nếu "có", đề nghị ghi cụ thể tên bệnh: .....

2. Tiền sử bản thân: Ông (bà) đã/đang mắc bệnh, tình trạng bệnh nào sau đây không:

TT	Tên bệnh, tật	Có	Không	STT	Tên bệnh, tật	Có	Không
1	Có bệnh hay bị thương trong 5 năm qua	☐	☒	12	Đái tháo đường hoặc kiểm soát tăng đường huyết	☐	☒
2	Có bệnh thần kinh hay bị thương ở đầu	☐	☒	13	Bệnh tâm thần	☐	☒
3	Bệnh mắt hoặc giảm thị lực (trừ trường hợp đeo kính thuốc)	☐	☒	14	Mất ý thức, rối loạn ý thức	☐	☒
4	Bệnh ở tai, giảm sức nghe hoặc thăng bằng	☐	☒	15	Ngất, chóng mặt	☐	☒
5	Bệnh ở tim, hoặc nhồi máu cơ tim, các bệnh tim mạch khác	☐	☒	16	Bệnh tiêu hóa	☐	☒

TT	Tên bệnh, tật	Có	Không	STT	Tên bệnh, tật	Có	Không
6	Phẫu thuật can thiệp tim - mạch (thay van, bắc cầu nối, tạo hình mạch, máy tạo nhịp, đặt stent mạch, ghép tim)		X	17	Rối loạn giấc ngủ, ngừng thở khi ngủ, ngủ rũ ban ngày, ngáy to		X
7	Tăng huyết áp		X	18	Tai biến mạch máu não hoặc liệt		X
8	Khó thở		X	19	Bệnh hoặc tổn thương cột sống		X
9	Bệnh phổi, hen, khí phế thũng, viêm phế quản mạn tính		X	20	Sử dụng rượu thường xuyên, liên tục		X
10	Bệnh thận, lọc máu		X	21	Sử dụng ma túy và chất gây nghiện		X
11	Nghiện rượu, bia		X	22	Bệnh khác (ghi rõ)		X

3. Câu hỏi khác (nếu có):

a) Ông (bà) có đang điều trị bệnh gì không? Nếu có, xin hãy liệt kê các thuốc đang dùng và liều lượng: Không

b) Tiền sử thai sản (Đối với phụ nữ): Không

HCM ngày 17 tháng 08 năm 2024

Người đề nghị khám sức khỏe

(Ký và ghi rõ họ, tên)

Tôi xin cam đoan những điều khai trên đây hoàn toàn đúng với sự thật theo sự hiểu biết của tôi.

Trần Kim Thoa

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do- Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH
TỰ THUẬT

I. THÔNG TIN BẢN THÂN:

1. Họ và tên (chữ in hoa) ...TRẦN...KIM...THOA.....Nam/ Nữ .....Nữ.....
2. Sinh ngày 20 tháng 12 năm 1988...Nơi sinh ...Hoài...Nhơn...-...Bình...Định.....
3. Nguyên quán ...Hoài...Châu...Bắc...-...Hoài...Nhơn...-...Bình...Định.....
4. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú .8A/3D1...Thái...Văn...Lung,...P.Bến...Nghé...Quận 1, HCM
5. Chỗ ở hiện nay ..602/51.B...Điện...Biên...Phủ...,P.22...,Quận...Bình...Thạnh...TP.HCM
6. Điện thoại liên hệ:.....0974.514.077.....
7. Dân tộc .....Kinh.....Tôn giáo .....Không.....
8. Số chứng minh..054188001173..cấp ngày 07/04/2021..nơi cấp..Cục...cảnh...sát...QLHC...về...TTXH
9. Trình độ văn hóa.....Đại...học.....
10. Kết nạp Đoàn TNCS HCM..26/03/2003..tại ...Trường...THPT...Lý...Tự...Trọng.....
11. Kết nạp Đảng CSVN...../...../..... tại.....
12. Khen thưởng/ Kỷ luật:.....
13. Sở trường:.....

II. QUAN HỆ GIA ĐÌNH *(Ghi rõ họ tên, năm sinh, nghề nghiệp, nơi công tác của bố mẹ đẻ, anh chị em ruột)*

1. Họ và tên cha: ...TRẦN...QUANG...HÒA..... Năm sinh: .....1962.....
- Nghề nghiệp hiện nay: ....Giáo...viên...thức...hành...lái...xe.....
- Cơ quan công tác : ...Trung...tâm...đào...tạo...nghiệp...vụ...GTVT...Bình...Định.....
- Chỗ ở hiện nay: ...Tuy...An...-...Hoài...Châu...Bắc...-...Hoài...Nhơn...-...Bình...Định

2. Họ và tên mẹ: ...TRƯƠNG...THỊ...THƯƠNG..... Năm sinh: .....1966.....
- Nghề nghiệp hiện nay: .....Nội...trợ.....
- Cơ quan công tác : .....
- Chỗ ở hiện nay: ....Thôn...Tuy...An...-...Hoài...Châu...Bắc...-...Hoài...Nhơn...-...Bình...Định

3. Họ và tên Anh/chị em ruột: ....Trần...Thuý...Kiều... Năm sinh: .....1992.....
- Nghề nghiệp hiện nay: .....Nhân...viên...ngân...hàng.....
- Cơ quan công tác: .Ngân...hàng...B.I.D.V...chi...nhánh...Phú...Tài...-...Quy...Nhơn...Bình...Định

4. Họ và tên Anh/chị em ruột: ...Trần...Thuý...An... Năm sinh: .....1992.....
- Nghề nghiệp hiện nay: ....Nhân...viên...ngân...hàng.....

- Cơ quan công tác : Ngân hàng Nam Á chi nhánh Bình Sơn, Bình Định.

5. Họ và tên Anh/chị em ruột: Trần Quang Trí Năm sinh: 1994

- Nghề nghiệp hiện nay: Kỹ sư (sửa chữa ô tô)
- Cơ quan công tác : Trung tâm Đào tạo nghiệp vụ GTVT Bình Định

III. TÓM TẮT QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO.

Từ tháng năm đến tháng năm	Tên trường hoặc cơ sở đào tạo	Ngành học	Hình thức đào tạo	Văn bằng chứng chỉ
2006 - 2012	Đại học Công nghiệp TP HCM	Hoá phân tích	Đại học	chính quy.
	Anh văn C + B			
	Tin học A			
	Tin học B.			

IV. TÓM TẮT QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

Từ tháng năm đến tháng năm	Đơn vị công tác	Chức vụ
2010 - 2012	Công ty CP TNHH Hà Phan	Sale admin.
2012 - 2013	Công ty CP Hoá chất Đông Nam	sale admin
2020 - 2022	Công ty BHNT Cathay life Việt Nam	Quản lý tiềm năng
2022 - nay	Công ty CP Phát triển GD Quốc tế Gaia	Giáo viên

Tôi xin cam đoan bản khai sơ yếu lý lịch trên đúng sự thật, nếu có điều gì không đúng tôi chịu trách nhiệm trước pháp luật về lời khai của mình.

Tp. HCM, ngày 02 tháng 08 năm 2023

Xác nhận của cơ quan đang công tác hoặc địa phương nơi đăng ký hộ khẩu

PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thái Tuấn Anh

Người khai
(ký và ghi rõ họ tên)

Trần Kim Thoa

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIÁO DỤC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIÁO DỤC
cấp
CHỨNG CHỈ
KỸ NĂNG TỔ CHỨC DẠY HỌC VÀ GIÁO DỤC STEM TRONG CƠ SỞ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

Cho anh (chị): ***Trần Kim Thoa***

Sinh ngày: **20/12/1988** tại: **Bình Định**

Đã hoàn thành chương trình bồi dưỡng **Kỹ năng tổ chức dạy học và giáo dục STEM trong cơ sở giáo dục phổ thông** do Trường Đại học Giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức từ ngày 22 tháng 08 năm 2023 đến ngày 10 tháng 11 năm 2023.

Kết quả: **Đạt**

Căn cứ Quyết định số 441/QĐ-TTg ngày 03 tháng 04 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Giáo dục thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình giáo dục phổ thông ;

Căn cứ Quyết định số 1537/QĐ-ĐHGD ngày 28 tháng 06 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Giáo dục về việc ban hành chương trình bôi dưỡng kỹ năng tổ chức dạy học và giáo dục STEM trong cơ sở giáo dục phổ thông;

Căn cứ Quyết định số 3096/QĐ-ĐHGD ngày 04 tháng 12 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Giáo dục về việc cấp chứng chỉ bồi dưỡng kỹ năng tổ chức dạy học và giáo dục STEM trong cơ sở giáo dục phổ thông.

Hà Nội, ngày 04 tháng 12 năm 2023
HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIÁO DỤC

GS.TS. Nguyễn Quý Thanh

Số vào sổ: 23.0035/STEM
Số hiệu CC: **UEd 23.04279**

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

THE RECTOR OF
THE HO CHI MINH CITY UNIVERSITY OF EDUCATION

has conferred

THE DEGREE OF BACHELOR

Chemistry

Upon: **Ngo Huynh Truc Linh**

Date of birth: 12 May 1999

Year of graduation: 2023

Degree classification: Good

Ho Chi Minh City, 14 April 2023

Reg. No: 497-BDH-2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

cấp

BẰNG CỬ NHÂN

Hóa học

Cho: **Ngô Huỳnh Trúc Linh**

Ngày sinh: 12/05/1999

Năm tốt nghiệp: 2023

Xếp loại: Khá

CHỨNG THỰC SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực 2201 Quyển số 01..TP/SCT/SGT
Ngày 21 tháng 6 năm 2021
KT. CHỦ TỊCH UBND THỊ TRẤN GIỒNG TRÔM
PHÓ CHỦ TỊCH

Võ Thanh Tòng

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 04 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

Huỳnh Văn Sơn

Số hiệu: 018266

Số vào sổ cấp bằng: 497-BDH-2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ

BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ SƯ PHẠM

Cấp cho: **NGÔ HUỲNH TRÚC LINH**

Sinh ngày: 12/5/1999 Nơi sinh: Bến Tre

Đã hoàn thành chương trình

Bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên đại học, cao đẳng

Từ ngày 03 tháng 4 năm 2023 đến ngày 24 tháng 6 năm 2023

Xếp loại: Giỏi *Hà Nội, ngày 06 tháng 7 năm 2023*

CHỨNG THỰC SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực 2890 Quyển số 01/TP/SCT/SGT
Ngày 11 tháng 6 năm 2023
KT. CHỦ TỊCH UBND THỊ TRẤN GIỒNG TRÔM
PHÓ CHỦ TỊCH

HIỆU TRƯỞNG

Số hiệu: 03180/GV/ĐHSPHN2

Số vào sổ cấp chứng chỉ: 3180/GV/23

PGS. TS Nguyễn Quang Huy

Võ Thanh Tùng

ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT
2009 THU DAU MOT UNIVERSITY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

STEM ACCREDITED

GIẤY CHỨNG NHẬN

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

chứng nhận

Họ và tên: **Ngô Huỳnh Trúc Linh** Ngày sinh: 12/5/1999

Đã hoàn thành khóa học

Bồi dưỡng năng lực giảng dạy hoạt động trải nghiệm STEM

Bình Dương, ngày 28 tháng 9 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

TS. Nguyễn Quốc Cường

Quyết định số: 1145/QĐ-ĐHTDM ngày 28/9/2023
Số vào sổ cấp GCN: 261/BD.2023

SỞ Y TẾ BẾN TRE
TRUNG TÂM Y TẾ
HUYỆN GIỒNG TRÔM

Số: 4310 /GKSK-TTYTGT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY KHÁM SỨC KHỎE

(Giấy khám sức khỏe dùng cho người đủ 18 tuổi trở lên)

Họ và tên (chữ in hoa):..NGÔ HUỲNH TRÚC LINH.....

Giới : Nam ☐ Nữ ☒ Tuổi:..25.....

Số CMND hoặc Hộ chiếu:.083199006050 cấp ngày.09../08/.2021 tại..cục cảnh sát.....

Chỗ ở hiện tại:.338, ấp 5B, Thị Trấn Giồng Trôm, Giồng Trôm Bến Tre

Lý do khám sức khoẻ:...Xin việc.....

TIỀN SỬ BỆNH CỦA ĐỐI TƯỢNG KHÁM SỨC KHOẺ

1. Tiền sử gia đình:

Có ai trong gia đình ông (bà) mắc một trong các bệnh truyền nhiễm tim mạch đái tháo đường, lao, hen phế quản, ung thư, động kinh, rối loạn tâm thần, bệnh khác: a) Không ☒; b) Có ☐; Nếu "có", đề nghị ghi cụ thể tên bệnh.....

2. Tiền sử bản thân: Ông (bà) đã/đang mắc bệnh, tình trạng bệnh nào sau đây không: Bệnh truyền nhiễm, bệnh tim mạch, đái tháo đường, lao, hen phế quản, ung thư, động kinh, rối loạn tâm thần, bệnh khác, a) Không ☒ ; b) Có ☐ Nếu "có" , đề nghị ghi cụ thể tên bệnh:.....

3. Câu hỏi khác (nếu có):

a) Ông (bà) có đang điều trị bệnh gì không? Nếu có, xin hãy liệt kê các thuốc đang dùng và liều lượng

.....

.....

b) Tiền sử thai sản (Đối với phụ nữ):.....

.....

.....

Tôi xin cam đoan những điều khai trên đây hoàn toàn đúng với sự thật theo sự hiểu biết của tôi.

Giồng Trôm, ngày.21... tháng.6...năm 2024.

Người đề nghị khám sức khỏe

(Ký và ghi rõ họ, tên)

Ngô Huỳnh Trúc Linh

I.KHÁM THỂ LỰC

Chiều cao:.....cm; Cân nặng.....kg; Chỉ số BMI:.....

Mạch:.....lần/phút Huyết áp:.....mmHg

Phân loại thể lực:.....

II. KHÁM LÂM SÀNG

DD. Trần Thị Trúc Mai

Nội dung khám	Họ tên, chữ ký của Bác sỹ
1. Nội khoa	
a) Tuần hoàn:.....	.....
-Phân loại:.....	.....
b) Hô hấp:.....	.....
-Phân loại:.....	.....
c) Tiêu hoá:.....	.....
-Phân loại:.....	.....
d) Thận - Tiết niệu:.....	.....
-Phân loại:.....	.....
đ) Cơ-xương - khớp:.....	.....
-Phân loại:.....	BS. Phan Thanh Hoàng
e) Thần kinh:.....	.....
-Phân loại:.....	.....
g) Tâm thần:.....	Bs. Nguyễn Thanh Truyền
-Phân loại:.....	.....
2. Ngoại khoa:.....	BS. Phan Thanh Hoàng
-Phân loại:.....	.....
3. Sản phụ khoa:.....	.....
-Phân loại:.....	.....
4. Mắt:	.....
- Kết quả khám thị lực không kính: Mắt phải:..... Mắt trái:.....	.....
Có kính: Mắt phải:..... Mắt trái:.....	.....
- Các bệnh về mắt (nếu có):.....	.....
-Phân loại:.....	.....
5. Tai-Mũi-Họng	Bs CKI. Nguyễn Cao Hà My
- Kết quả khám thị lực:	
Tai trái: Nói thường:.....m; Nói thầm.....m	.....
Tai phải: Nói thường.....m; Nói thầm.....m	.....
- Các bệnh về Tai - Mũi-Họng (nếu có).....	.....
-Phân loại:.....	BS. Nguyễn Thị Kim Huệ
6. Răng-Hàm-Mặt	.....
- Các bệnh về Tai-Mũi-Họng (nếu có).....	.....
+ Hàm dưới:.....	.....
- Các bệnh về Răng-Hàm-Mặt(nếu có).....	.....
-Phân loại:.....	.....
	BS. Phạm Thị Thanh An

Nội dung khám	Họ tên, chữ ký của Bác sỹ
7. Da liễu ......BT...... -Phân loại:......I......	........Bs. Nguyễn Thành Truyền

III. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Nội dung khám	Họ tên, chữ ký của Bác sỹ
1. Xét nghiệm máu:	
a) Công thức máu: Số lượng HCL:........	....
Số lượng Bạch Cầu:........	....
Số lượng Tiểu cầu:........	....
b) Sinh hoá máu: Đường máu:........	....
Urê:........ Creatinin:........	....
ASAT (GOT):........ ALAT (GPT):........	....
c) Khác (nếu có):........	....
....	....
1. Xét nghiệm nước tiểu:	....
a) Đường:........	....
B) Prôtêin:........	....
c) Khác (nếu có):........	....
....	....
3. Chẩn đoán hình ảnh	....
....	....
....	....

IV. KẾT LUẬN

1. Phân loại sức khoẻ......Loại II [illegible]......
2. Các bệnh, tật (nếu có):......[illegible]......

....

....

....

....

BS. Đinh Thị Trúc Mai

Giồng Trôm ngày...21...tháng......6...năm 20...21

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ BẾN TRE – TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN GIỒNG TRÔM

Võ Thành Chuẩn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

PHẦN I: THÔNG TIN BẢN THÂN

Họ và tên: NGÔ HUỲNH TRÚC LINH ..... Nam ☐ Nữ ☒

Sinh ngày 12 tháng 5 năm 1999 .... Nơi sinh: Tỉnh Bến Tre .....

Nguyên quán: Thị trấn Giồng Trôm, Giồng Trôm, Bến Tre .....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 338, ấp 5B, Thị Trấn Giồng Trôm, Giồng Trôm, Bến Tre.

Chỗ ở hiện nay: 64, Ngô Nhân Tịnh, phường 1, quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh .....

Điện thoại liên hệ: 0362389011 .....

Dân tộc: Kinh ..... Tôn giáo: Không .....

Số CCCD: 083199006050 ..... cấp ngày 09/08/2021 nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về TTXH

Trình độ văn hóa: Đại học .....

Kết nạp Đoàn TNCS HCM: 26/3/2014 tại Bến Tre .....

Kết nạp Đảng CSVN: ...../...../..... tại .....

PHẦN II: QUAN HỆ GIA ĐÌNH

Họ và tên cha: NGÔ VĂN DŨNG ..... Sinh năm: 1973 .....

Dân tộc: Kinh ..... Tôn giáo: Không .....

Số CCCD: 083073015035 ..... cấp ngày 9/8/2021 nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về TTXH

Nghề nghiệp hiện nay: Làm vườn .....

Cơ quan công tác: Không .....

Chỗ ở hiện hay: 338, ấp 5B, Thị Trấn Giồng Trôm, Giồng Trôm, Bến Tre .....

Họ và tên mẹ: HUỲNH THỊ ÚT ..... Sinh năm: 1975 .....

Dân tộc: Kinh ..... Tôn giáo: Không .....

Số CCCD: 083175000692 ..... cấp ngày 31/3/2021 nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về TTXH

Nghề nghiệp hiện nay: Làm vườn .....

Cơ quan công tác: Không .....

Chỗ ở hiện hay: 338, ấp 5B, Thị Trấn Giồng Trôm, Giồng Trôm, Bến Tre .....

Vợ (hoặc chồng): ..... Sinh năm: .....

Dân tộc: ..... Tôn giáo: .....

Số CCCD: ..... cấp ngày .../.../..... nơi cấp: .....

Nghề nghiệp hiện nay: .....

Cơ quan công tác: .....

Chỗ ở hiện hay: .....

Họ tên các con: Năm sinh? làm gì? ở đâu? .....

.....

.....

.....

Họ tên anh, chị, em ruột: Năm sinh? làm gì? ở đâu?

- Em ruột : NGÔ HUỲNH ĐĂNG KHOA
- Năm sinh : 2009
- Nghề nghiệp : Học sinh
- Chỗ ở hiện nay : 338, ấp 5B, Thị Trấn Giồng Trôm, Giồng Trôm, Bến Tre

PHẦN III: TÓM TẮT QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO

Từ tháng năm đến tháng năm	Tên trường hoặc cơ sở đào tạo	Ngành học	Hình thức đào tạo	Văn bằng chứng chỉ
2017 - 2021	Sinh viên ĐHSP Thành phố HCM	Hóa học	Chính quy	Cử nhân

PHẦN IV: TÓM TẮT QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

Từ tháng năm đến tháng năm	Đơn vị công tác	Chức vụ
2021-2022	Gia sư cá nhân : Q5, Q3	giáo viên
2022 - Hiện nay	Tân Bình	giáo viên

Người khai cam kết và chịu trách nhiệm về:

☒ Lý lịch bản thân rõ ràng, đúng sự thật.

☒ Không trong thời gian thi hành kỉ luật từ mức cảnh cáo trở lên.

☒ Không trong thời gian thi hành án hình sự.

Nếu có thì ghi rõ: .....

.....

Bến Tre . . . , ngày 21 tháng 6 năm 2021

NGƯỜI KHAI

(Ký tên và ghi rõ họ tên)

Ngô Huỳnh Trúc Linh

NHẬN XÉT VÀ XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN CÔNG TÁC HOẶC CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG

.....

.....

. . . . . , ngày . . . tháng . . . năm 20 . .

Cơ quan công tác hoặc UBND phường, xã

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức vụ, họ và tên)

Ngày 21 tháng 6 năm 2024 (Bằng chữ: Ngày hai mươi mốt, tháng sáu, năm hai ngàn không trăm hai mươi bốn).

Tại Ủy ban nhân dân thị trấn Giồng Trôm, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Tôi ..... Võ Thanh Tùng ..... là Chủ tịch/Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn Giồng Trôm, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

CHỨNG THỰC

Bà Ngô Huỳnh Trúc Linh; CCCD số 083199006050

Cam đoan đã hiểu, tự chịu trách nhiệm về nội dung của giấy tờ, văn bản và đã ký vào giấy tờ, văn bản này trước mặt bà Nguyễn Thị Trúc Nhiên là người tiếp nhận hồ sơ.

Số chứng thực 658 quyển số 01/2024-SCT/CK, ĐC.

Người tiếp nhận hồ sơ	**Người thực hiện chứng thực ký**
	KT. CHỦ TỊCH **PHÓ CHỦ TỊCH**
Nguyễn Thị Trúc Nhiên	Võ Thanh Tùng

5. PHƯƠNG ÁN KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

DANH SÁCH ĐỐI TÁC STEM GAIA TẠI TP. HCM

STT	Tỉnh	Quận / huyện	Cấp	Tên trường	Ghi chú
1	HCM	Bình Chánh	THCS	THCS Nguyễn Hữu Trí (trường THCS Tân Túc cũ)	
2	HCM	Bình Chánh	TH	TH PHẠM HÙNG	
3	HCM	Bình Chánh	TH	TH Tân Nhựt	
4	HCM	Bình Chánh	TH	Trường TH Qui Đức	
5	HCM	Bình Chánh	TH	Trường TH Tân Nhựt 6	
6	HCM	Bình Chánh	TH	TH BÌNH CHÁNH	
7	HCM	Bình Tân	TH	TH Hoàng Văn Thụ	
8	HCM	Bình Tân	TH	TH KIM ĐỒNG	
9	HCM	Bình Tân	TH	Trường TH Trần Văn Ơn	
10	HCM	Bình Tân	TH	Trường TH Lê Trọng Tấn	
11	HCM	Bình Tân	TH	Trường TH Tân Tạo	
12	HCM	Bình Tân	TH	Trường TH Bình Long	
13	HCM	Bình Tân	TH	Trường TH An Lạc 1	
14	HCM	Bình Tân	TH	Trường TH Tân Tạo A	
15	HCM	Bình Tân	THCS	Trường THCS An Lạc	
16	HCM	Bình Tân	THCS	Trường THCS Lạc Long Quân	
17	HCM	Bình Tân	THCS	Trường THCS Hồ Văn Long	
18	HCM	Bình Tân	TH	TH Nguyễn Công Trứ	
19	HCM	Bình Thạnh	THCS	THCS Đống Đa	
20	HCM	Bình Thạnh	THCS	THCS Yên Thế	
21	HCM	Bình Thạnh	TH	Trường TH Lê Đình Chinh	
22	HCM	Cần Giờ	TH	TH Đồng Hòa	
23	HCM	Cần Giờ	TH	TH Cần Thạnh 2	
24	HCM	Củ Chi	THCS	THCS NGUYỄN VĂN XƠ	
25	HCM	Củ Chi	TH	TH LÊ VĂN THẾ	
26	HCM	Củ Chi	TH	TH THÁI MỸ	
27	HCM	Củ Chi	TH	TH LÊ THỊ PHA	
28	HCM	Củ Chi	TH	TH THỊ TRẤN CỦ CHI	
29	HCM	Củ Chi	THCS	THCS TÂN AN HỘI	
30	HCM	Củ Chi	TH	TH AN PHƯỚC	
31	HCM	Củ Chi	TH	TH TÂN THÔNG HỘI	
32	HCM	Củ Chi	THCS	THCS THỊ TRẤN	
33	HCM	Củ Chi	TH	TH THỊ TRẤN CỦ CHI 2	
34	HCM	Củ Chi	TH	TH NGUYỄN THỊ LẮNG	
35	HCM	Củ Chi	TH	TH TÂN PHÚ TRUNG	
36	HCM	Củ Chi	TH	TH AN PHÚ 1	
37	HCM	Củ Chi	TH	TH HUỲNH VĂN CỌ	
38	HCM	Củ Chi	TH	TH TÂN THẠNH ĐÔNG 3	
39	HCM	Củ Chi	TH	TH PHÚ HÒA ĐÔNG	
40	HCM	Củ Chi	TH	TH TÂN THÀNH	
41	HCM	Củ Chi	TH	TH HÒA PHÚ	
42	HCM	Củ Chi	TH	TH TÂN THẠNH TÂY	
43	HCM	Củ Chi	TH	TH PHƯỚC VĨNH AN	
44	HCM	Củ Chi	TH	TH NHUẬN ĐỨC 2	
45	HCM	Củ Chi	TH	TH TÂN TIẾN	
46	HCM	Củ Chi	TH	TH AN NHƠN ĐÔNG	
47	HCM	Củ Chi	TH	TH & THCS TÂN TRUNG	
48	HCM	Củ Chi	TH	TH AN PHÚ 2	

DANH SÁCH ĐỐI TÁC STEM GAIA TẠI TP. HCM

STT	Tỉnh	Quận / huyện	Cấp	Tên trường	Ghi chú
147	HCM	Quận 6	TH	Trường TH Phạm Văn Chí	
148	HCM	Quận 6	TH	Trường TH Chi Lăng	
149	HCM	Quận 6	THCS	Trường THCS Hậu Giang	
150	HCM	Quận 6	THCS	Trường THCS Phạm Đình Hổ	
151	HCM	Quận 6	TH	Trường TH Châu Văn Liêm	
152	HCM	Quận 6	TH	Trường TH Võ Văn Tần	
153	HCM	Quận 6	THCS	THCS NGUYỄN THÁI BÌNH	
154	HCM	Quận 7	TH	Trường TH Lê Anh Xuân	
155	HCM	Quận 7	THCS	Trường THCS Nguyễn Hữu Thọ	
156	HCM	Quận 7	THCS	Trường THCS Hoàng Quốc Việt	
157	HCM	Quận 7	THCS	Trường THCS Nguyễn Hiền	
158	HCM	Quận 7	THCS	Trường THCS Phạm Hữu Lầu	
159	HCM	Quận 7	THCS	THCS NGUYỄN THỊ THẬP	
160	HCM	Quận 8	TH	Trường TH Nguyễn Trung Ngạn	
161	HCM	Quận 8	TH	Trường TH Âu Dương Lân	
162	HCM	Quận 8	TH	Trường TH Vàm Cỏ Đông	
163	HCM	Quận 8	TH	Trường TH Bông Sao	
164	HCM	Quận 8	TH	Trường TH Trần Nguyên Hãn	
165	HCM	Quận 8	TH	Trường TH Rạch Ông	
166	HCM	Quận 9	TH	TH TRƯỜNG THẠNH	
167	HCM	Quận 9	THCS	THCS LONG BÌNH	
168	HCM	Quận 9	TH	TH TẠ UYÊN	
169	HCM	Quận 9	TH	TH PHONG PHÚ	
170	HCM	Quận 9	TH	TH PHẠM VĂN CHÍNH	
171	HCM	Quận 9	TH	TH LONG PHƯỚC	
172	HCM	Quận 9	TH	TH LÊ VĂN VIỆT	
173	HCM	Quận 9	THCS	THCS LONG TRƯỜNG	
174	HCM	Quận 9	TH	TH NGUYỄN VĂN BÁ	
175	HCM	Quận 9	TH	TH VÕ VĂN HÁT	
176	HCM	Quận 9	TH	TH PHÚ HỮU	
177	HCM	Quận 9	TH	TH ĐINH TIÊN HOÀNG	
178	HCM	Quận 9	TH	TH NGUYỄN MINH QUANG	
179	HCM	Quận 9	THCS	THCS PHƯỚC BÌNH	
180	HCM	Quận 9	THCS	THCS TRƯỜNG THẠNH	
181	HCM	Quận 9	THCS	THCS ĐẶNG TẤN TÀI	
182	HCM	Quận 9	THCS	THCS TĂNG NHƠN PHÚ B	
183	HCM	Tân Bình	TH	TH PHẠM VĂN HAI	
184	HCM	Tân Bình	TH	TH NGUYỄN VĂN TRỖI	
185	HCM	Tân Bình	TH	TH CÁCH MẠNG THÁNG	
186	HCM	Tân Bình	TH	TH TRẦN QUỐC TUẤN	
187	HCM	Tân Bình	TH	TH Sơn Cang	
188	HCM	Tân Bình	TH	TH NGUYỄN KHUYẾN	
189	HCM	Tân Bình	TH	TH THÂN NHÂN TRUNG	
190	HCM	Tân Bình	THCS	THCS NGÔ QUYỀN	
191	HCM	Tân Bình	TH	TH NGỌC HỒI	
192	HCM	Tân Phú	THCS	THCS VÕ THÀNH TRANG	
193	HCM	Tân Phú	THCS	THCS LÊ LỢI	
194	HCM	Tân Phú	THCS	THCS TÂN THỚI HÒA	
195	HCM	Tân Phú	THCS	THCS Hùng Vương	
196	HCM	Tân Phú	THCS	THCS TÔN THẤT TÙNG	

DANH SÁCH ĐỐI TÁC STEM GAIA TẠI TP. HCM

STT	Tỉnh	Quận / huyện	Cấp	Tên trường	Ghi chú
197	HCM	Tân Phú	THCS	THCS TRẦN QUANG KHẢI	
198	HCM	Tân Phú	THCS	THCS PHAN BỘI CHÂU	
199	HCM	Tân Phú	THCS	THCS NGUYỄN HUỆ	
200	HCM	Tân Phú	THCS	THCS HOÀNG DIỆU	
201	HCM	Thủ Đức	TH	TH TRƯƠNG VĂN HẢI	
202	HCM	Thủ Đức	TH	TH NGUYỄN VĂN NỞ	
203	HCM	Thủ Đức	TH	TH LƯƠNG THẾ VINH	
204	HCM	Thủ Đức	TH	TH BÌNH CHIỂU	
205	HCM	Thủ Đức	TH	TH BÌNH TRIỆU	
206	HCM	Thủ Đức	TH	TH TAM BÌNH	
207	HCM	Thủ Đức	TH	TH THÁI VĂN LUNG	
208	HCM	Thủ Đức	TH	TH ĐẶNG THỊ RÀNH	
209	HCM	Thủ Đức	TH	TH HIỆP BÌNH PHƯỚC	
210	HCM	Thủ Đức	TH	TH HIỆP BÌNH CHÁNH	
211	HCM	Thủ Đức	TH	TH NGUYỄN VĂN TÂY	
212	HCM	Thủ Đức	TH	TH HOÀNG DIỆU	
213	HCM	Thủ Đức	THCS	THCS HIỆP BÌNH	
214	HCM	Thủ Đức	TH	TH NGUYỄN TRUNG TRỰC	
215	HCM	Thủ Đức	TH	TH LINH ĐÔNG	
216	HCM	Thủ Đức	TH	TH LINH TÂY	
217	HCM	Thủ Đức	TH	TH BÌNH QUỚI	
218	HCM	Thủ Đức	TH	TH XUÂN HIỆP	
219	HCM	Thủ Đức	TH	TH TỪ ĐỨC	
220	HCM	Thủ Đức	TH	TH TRẦN VĂN VÂN	
221	HCM	Thủ Đức	TH	TH ĐỖ TẤN PHONG	
222	HCM	Thủ Đức	THCS	THCS LÊ VĂN VIỆT	